TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1686** /TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2026

Về việc thực hiện công bố thông tin họp
Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
DN: c=VN, st=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0310350068
Date: 2026.04.06 11:16:51 +07'00'

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

– Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP.HCM.

– Địa chỉ liên hệ: 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM.

– Điện thoại: (08) 38 557 877

2. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Trọng Thuần** **- Giám đốc**.

– Địa chỉ: TK 19/25 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

3. Loại thông tin công bố:

☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

4. **Nội dung thông tin công bố**:

Thực hiện Điểm a Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

- Thời gian tổ chức : 08 giờ 30 phút, thứ Ba, ngày 28/04/2026
- Địa điểm tổ chức : Hội trường Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

  Số 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM
- Điều kiện tham dự : Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2026
- Tài liệu họp : Cổ đông có thể tải toàn bộ nội dung, tài liệu của Đại hội, biểu mẫu và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được đăng tải trên website của Công ty www.capnuoctanhoa.com.vn (Vào mục Quan hệ cổ đông chọn Đại hội cổ đông).

5. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 02/04/2026 tại đường dẫn: www.capnuoctanhoa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận
- Như trên.
- Lưu: VT.TCHC(P)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Lê Trọng Thuần

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **47**/TM-TH-HĐQT

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI
Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:

1. Thời gian: 08 giờ 30 phút, Thứ ba ngày 28 tháng 04 năm 2026 (đón tiếp từ 08 giờ 00')

2. Địa điểm: Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
(*số 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM*)

3. Thành phần tham dự: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được xác định theo danh sách cổ đông chốt ngày **25/03/2026** (ngày đăng ký cuối cùng).

4. Thủ tục tham dự:

- Khi đến tham dự, cổ đông vui lòng mang theo Thư mời và CCCD/CC (nếu là cá nhân mang quốc tịch Việt Nam) hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân mang quốc tịch nước ngoài) hoặc Giấy giới thiệu (nếu là pháp nhân) để đăng ký. Ngoài ra, người được ủy quyền tham dự Đại hội mang theo giấy ủy quyền hợp lệ và Thư mời họp của người ủy quyền (nộp lại).

- Quý cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự (theo mẫu) trước **16 giờ 00' ngày 22/04/2026**, cũng như gửi ý kiến về chương trình họp hay ý kiến khác trước **16 giờ 00' ngày 24/04/2026** cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Phòng Tổ chức Hành chính) theo một trong các hình thức sau:

+ Điện thoại: (84- 028) 39 557 877

+ Email: capnuoctanhoa@capnuoctanhoa.com.vn

+ Địa chỉ: số 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM.

5. Nội dung, tài liệu:

Cổ đông có thể tải toàn bộ nội dung, tài liệu của Đại hội và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được đăng tải trên website của Công ty www.capnuoctanhoa.com.vn (Vào mục Quan hệ cổ đông chọn Đại hội đồng cổ đông).

Nội dung này được đăng trên website của Công ty, thay cho thư mời gửi từng cổ đông trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông qua đường bưu điện.

Rất mong Quý cổ đông thu xếp thời gian tham dự đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu: VT.HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trần Thị Ngọc Luyến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN/GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

❖ **Cổ đông:**

Ông/Bà/Tổ chức : .....

CCCD/CC/CNĐKKD số:..... cấp ngày ..... tại.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ..... cổ phần của **Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa** theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2026.

1. ☐ **Xác nhận dự ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/04/2026**
2. ☐ **Hoặc ủy quyền dự ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/04/2026 cho**:

Ông/Bà/Tổ chức : .....

CCCD/CC/CNĐKKD số.....:cấp ngày ..... tại.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

Stt	*Họ và tên*	*Chức vụ*	*Đánh dấu chọn*
1	TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN	Chủ tịch HĐQT	☐
2	LÊ TRỌNG THUẦN	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	☐

(Chỉ chọn uỷ quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu).

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Người nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của người ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CCCD/CC/Hộ chiếu khi đi dự họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Trường hợp ủy quyền cho HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa thì không cần chữ ký của TV HĐQT. Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kết thúc.

Ngày ____ tháng ____ năm 2026

Người uỷ quyền	**Người được ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
Địa điểm kinh doanh: 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên
Điện thoại: 028 3955 7877
Email: capnuoctanhoa@capnuoctanhoa.com.vn
Website: www.capnuoctanhoa.com.vn

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ CÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Ngày 28 tháng 04 năm 2026)

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	- Chương trình Đại hội	
2	- Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	
3	- Báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	
4	- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026	
5	- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026	
6	- Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)	
7	- Công văn về việc đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	
8	- Báo cáo chi phí hoạt động năm 2025 và đề xuất dự toán ngân sách hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát	
9	- Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: + Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2026; + Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; + Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026; + Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên; + Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sửa đổi, bổ sung lần V).	
10	- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Thời gian: 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
Số 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM

Stt	Nội dung	Thời gian
I	**KHAI MẠC ĐẠI HỘI – NGHI THỨC (BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ)**	
1	- Đón tiếp đại biểu, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu	8g30' - 9g00'
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	9g00' - 9g15'
3	- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông	
4	- Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, ban Kiểm phiếu; Ban Thư ký	
5	- Thông qua chương trình, thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	
II	**NỘI DUNG CHÍNH: ĐẠI HỘI THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT**	**9g15' – 10g15'**
6	- Báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	
7	- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026	
8	- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026	
9	- Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)	
10	- Công văn về việc đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	
11	- Báo cáo chi phí hoạt động năm 2025 và đề xuất dự toán ngân sách hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát	

Stt	Nội dung	Thời gian
12	- Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: + Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2026; + Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; + Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026; + Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên; + Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sửa đổi, bổ sung lần V).	
13	- Cổ đông phát biểu ý kiến	
14	- Hội đồng quản trị trả lời và tiếp thu ý kiến của cổ đông	
15	- Báo cáo cập nhật thẩm tra tư cách cổ đông trước khi biểu quyết	
16	- Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung bằng thẻ biểu quyết	
	GIẢI LAO (15 phút)	**10g15' – 10g30'**
III	**CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**	**10g30' – 10g45'**
17	- Công bố kết quả biểu quyết các nội dung báo cáo, đệ trình ĐHĐCĐ	
18	- Đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 và Biên bản Đại hội.	
19	- Biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 và Biên bản Đại hội	
IV	**BẾ MẠC ĐẠI HỘI**	**10g45' – 10g55'**
20	Tuyên bố bế mạc đại hội	

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 31tháng 03 năm 2026

THỂ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo danh sách cổ đông chốt ngày **25/03/2026** được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội. Việc phát biểu ý kiến trong Đại hội, cổ đông phải đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (thông qua Ban thư ký). Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Hình thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết do chủ tọa quyết định và được sự đồng ý của cổ đông tham dự tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thẻ biểu quyết được sử dụng đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban Kiểm phiếu; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội; Một số báo cáo, Tờ trình xin ý kiến Đại hội cổ đông và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết, bao gồm: *Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.*

Chủ tọa hoặc người điều khiển đại hội sẽ xác định trên cơ sở kiểm tra của Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông có quyền biểu quyết thông qua việc giơ một (01) trong ba (03) loại Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc người điều khiển như sau:

a. Thẻ màu xanh lá cây: Tán thành

b. Thẻ màu hồng : Không tán thành

c. Thẻ màu trắng : Không có ý kiến

5. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu *Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến* của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trong trường hợp Đại hội phát sinh các vấn đề khác cần biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết thông qua căn cứ theo quy định của pháp luật.

8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

9. Thể lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0310350068 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: **45**/BC-TH-HĐQT

BÁO CÁO
Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Thực hiện theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán); Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong năm 2025, nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý giảm do tình hình kinh tế khó khăn, sự dịch chuyển lao động về các tỉnh, các hộ kinh doanh mua bán đóng cửa nhiều và các công ty sản xuất trong khu công nghiệp có xu hướng di chuyển ra ngoại thành dẫn đến sản lượng thực tế chưa đạt như kế hoạch đề ra. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, nỗ lực vượt qua các trở ngại để đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục và chất lượng. Công ty đã thực hiện tốt vai trò phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn 11 phường: phường Tân Hòa, phường Bảy Hiền, phường Tân Bình, phường Tân Sơn Nhất, phường Tân Sơn Hòa, phường Tân Sơn, phường Tây Thạnh, phường Tân Sơn Nhì, phường Phú Thọ Hòa, phường Phú Thạnh, phường Tân Phú và một phần phường Phú Nhuận thuộc địa bàn Công ty quản lý.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Lãnh đạo thực hiện sản xuất kinh doanh:

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh phát triển vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Về sản xuất kinh doanh và phục vụ cộng đồng: Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch; vận động hạn chế sử dụng nước ngầm, phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện trám, lấp giếng khoan. Tập trung các giải pháp kéo giảm tỷ lệ hóa đơn 0m³ - 4m³ nhằm tăng sản lượng nước tiêu thụ và tổ chức diễn tập cấp nước an toàn.

- Về công tác giảm thất thoát nước và hiện đại hóa mạng lưới: Đẩy mạnh giảm thất thoát nước bền vững thông qua việc giám sát áp lực, lưu lượng trên nền tảng Tân Hòa GIS. Đây là tiền đề xây dựng Trung tâm quản lý điều hành mạng lưới (NOC) và hệ thống cấp nước thông minh. Đồng thời, phối hợp với Tổng Công ty và Đại học Thủy lợi

– Phân hiệu miền Nam nghiên cứu xác định tỷ lệ thất thoát nước kinh tế để tối ưu hóa hiệu quả vận hành.

- Về chuyển đổi số và cải cách hành chính: Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về chuyển đổi số và văn phòng điện tử. Công ty đã số hóa hồ sơ khách hàng, triển khai ký hợp đồng điện tử và gắn thí điểm đồng hồ nước thông minh. Đẩy mạnh tuyên truyền App CSKH Sawaco, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ dịch vụ, đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng. Công ty, tiếp tục áp dụng hóa đơn điện tử và không thu tiền nước tại nhà; mở nhiều kênh giao dịch thu tiền nước qua ngân hàng, liên kết MoMo, VnPay, Payoo, Viettelpay thu hộ tiền nước, tăng tiện ích cho khách hàng.

- Về phong trào thi đua: Duy trì phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhằm phục vụ tốt việc điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Ngoài ra, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện di dời và hoàn trả mặt bằng 95 Phạm Hữu Chí, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Theo đó, Ban Điều hành đã triển khai thực hiện di dời văn phòng làm việc Công ty về số 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên. Việc này được tổ chức thực hiện theo kế hoạch, trình tự, đảm bảo không làm gián đoạn các hoạt động chuyên môn của Công ty, đặc biệt là các dịch vụ cấp nước phục vụ cho khách hàng.

- Nhằm tăng cường năng lực giám sát và quản trị rủi ro, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã quyết định thành lập Ban Kiểm toán nội bộ. Đây là bước đi quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro của doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị luôn chú trọng chỉ đạo rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình nội bộ. Việc này nhằm chuẩn hóa công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

- Luôn quan tâm đến đội ngũ người lao động trong Công ty, thường xuyên chỉ đạo Ban Điều hành sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp với năng lực chuyên môn. Chỉ đạo tập trung triển khai các giải pháp nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập, đảm bảo chế độ phúc lợi ổn định để người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài. Bên cạnh đó các chính sách chăm lo cho người lao động luôn được quan tâm thực hiện đúng pháp luật.

- Trong công tác tài chính, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật; thực hiện tốt mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đảm bảo các chỉ số tài chính an toàn và bền vững.

- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Công ty luôn đảm bảo tính minh bạch, khách quan và trung thực trong việc phản ánh tình hình hoạt động, góp phần củng cố niềm tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

➢ Nhìn chung, về ngành nghề chính là dịch vụ cấp nước, Công ty đã duy trì được

dịch vụ cấp nước ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn công ty quản lý. Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa cùng toàn thể người lao động Công ty luôn đoàn kết và quyết tâm hoàn thành kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao. Kết quả đạt được như sau:

- ***Sản lượng nước:*** tiêu thụ được **53.345.430 m³** nước theo chuẩn thu sau xử lý, đạt tỷ lệ **98,42%** kế hoạch và đạt **99,65%** so với năm 2024 (53.533.800 m³).

- ***Doanh thu tiền nước:*** thực hiện **670.576 triệu đồng** theo chuẩn thu sau xử lý, đạt **101,25%** kế hoạch, đạt **103,07%** so với năm 2024 (650.619 triệu đồng).

- ***Giá bán bình quân:*** **12.570 đồng/m³** theo chuẩn thu sau xử lý, đạt **102,87%** kế hoạch, đạt **103,43%** so với năm 2024 (12.153 đồng/m³).

- ***Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ:*** thực hiện được **698 cái**, đạt **155,11%** kế hoạch; giảm 5,55% so với năm 2024 (739 cái).

- ***Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ:*** thực hiện được **25.929 cái**, đạt **100,25%** kế hoạch; giảm 6,05% so với năm 2024 (27.599 cái).

- ***Thay đồng hồ nước cỡ lớn:*** thực hiện được **14 cái**, đạt 140,00% kế hoạch; giảm 41,67% so với năm 2024 (24 cái).

- ***Tỷ lệ thất thoát nước:*** là **12,75%**, đạt 112,16% kế hoạch, vượt 1,55% kế hoạch; giảm 2,01% so với năm 2024 (14,76%).

- Công ty tiếp tục chủ trương tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí để đảm bảo tài chính năm 2025. Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 cho cổ đông đạt 100% so với kế hoạch là 6,0% trên mệnh giá cổ phiếu.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	117.876.311.364	138.357.830.263	117,38%
Doanh thu thuần	179.807.352.160	208.462.965.178	115,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.687.230.842	13.563.288.193	106,91%
Lợi nhuận khác	307.069.158	434.936.662	141,64%
Lợi nhuận trước thuế	12.994.300.000	13.998.224.855	107,73%
Lợi nhuận sau thuế	9.544.754.031	10.430.877.926	109,28%
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,0%	6,0% (*)	100,00%

(*) tỷ lệ cổ tức dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua

b. ***Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu***:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	**Khả năng thanh toán**				
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH / NNH)	Lần	1,97	1,75	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	Hệ số thanh toán nhanh (TSNN - hàng tồn kho) / Nợ NH	Lần	1,71	1,58	
2	**Cơ cấu vốn**				
	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,48	0,54	
	Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	0,91	1,20	
3	**Năng lực hoạt động**				
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	10,04	12,85	
	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1,52	1,63	
4	**Khả năng sinh lời**				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	Lần	0,05	0,05	
	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	Lần	0,15	0,17	
	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	Lần	0,08	0,08	
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	Lần	0,07	0,07	

c. ***Tình hình tài sản***:

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 138,358 tỷ đồng đạt 117,38% so với cùng kỳ 31/12/2024 là 117,876 tỷ đồng, tương đương 20,482 tỷ đồng, trong đó:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền 1,543tỷ đồng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 19 tỷ đồng
+ Tài sản ngắn hạn khác giảm 145 triệu đồng
+ Các khoản phải thu dài hạn tăng 520 triệu đồng
+ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 40,561 tỷ đồng
+ Hàng tồn kho giảm 2,016 tỷ đồng
+ Tài sản cố định giảm 986 triệu đồng
+ Tài sản dài hạn khác tăng 5 triệu đồng

d. ***Tình hình nợ phải trả***:

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 là 75,404 tỷ đồng đạt 134,16% so với cùng kỳ 31/12/2024 là 56,206 tỷ đồng, tương đương tăng 19,198 tỷ đồng.

3. Báo cáo Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Hội đồng quản trị đã thực hiện và giám sát việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ tuân thủ theo quy định Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan. Đồng thời giám sát việc công bố thông tin theo quy định.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức tổ chức 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên, 01 lần Đại hội đồng cổ đông bất thường (theo hình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), 05 cuộc họp Hội đồng quản trị và 10 lần lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng hình thức văn bản. Hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, đúng Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Các hồ sơ Ban Điều hành trình họp Hội đồng quản trị đều gửi Ban Kiểm soát kiểm tra và cho ý kiến độc lập bằng văn bản bao gồm ý kiến đánh giá thống nhất hoặc không thống nhất hoặc ý kiến khác trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát đối với các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các giao dịch, ký kết hợp đồng, … Qua kết quả thẩm định, Ban Kiểm soát chưa phát hiện có nội dung bất thường.

- Hội đồng quản trị đã ban hành 41 Nghị quyết, 11 Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban kiểm soát tham dự.

- Hội đồng quản trị luôn đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ và sự đồng thuận cao trong việc ra quyết định. Mọi vấn đề có ý kiến khác biệt đều được thảo luận kỹ lưỡng, làm rõ và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo tính thống nhất trong tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đưa ra những định hướng sát thực về chính sách tiền lương, gắn quyền lợi của người lao động với yêu cầu tinh gọn bộ máy và nâng cao năng suất; qua đó đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu tài chính của Công ty.

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, đảm bảo công tác kiểm toán định kỳ được thực hiện đầy đủ, khách quan và tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 đảm bảo tuân thủ nghiêm túc Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị và các quy định pháp luật hiện hành. Công tác quản lý, điều hành luôn được thực hiện dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát, đảm bảo tính minh bạch và đúng quy chuẩn.

- Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc được Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc theo Điều lệ Công ty, đảm bảo sự liên tục và nhất quán trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo các Nghị quyết đã ban hành. Quá trình giám sát luôn tôn trọng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc quyết liệt trong công tác quản lý.

- Ban Giám đốc Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Công tác điều hành và giám sát kết quả thực hiện

được duy trì chặt chẽ thông qua hệ thống hội họp giao ban định kỳ, họp Khối và các cuộc họp chuyên đề nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh.

- Giám đốc đã thực hiện phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong Ban Giám đốc. Các thành viên luôn chủ động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, đồng thời quyết liệt ứng dụng chuyển đổi số vào mọi mặt hoạt động của Công ty nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý.

- Bên cạnh việc quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, Ban Giám đốc đã chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ.

➢ Nhìn chung, trong năm 2025, mặc dù đối mặt với nhiều thách thức khách quan, tập thể Công ty đã phát huy tinh thần đoàn kết và nỗ lực cao độ để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kết quả cho thấy Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trọng yếu do Đại hội đồng cổ đông năm 2025 phê duyệt. Mặc dù chỉ tiêu sản lượng chưa đạt kế hoạch đề ra, Công ty vẫn đảm bảo các mục tiêu về tài chính. Đặc biệt, tỷ lệ chia cổ tức đạt 6,0% trên mệnh giá cổ phiếu, hoàn thành 100% kế hoạch.

3. Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025:

3.1 Đối với thù lao năm 2025:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/04/2025, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và trong năm 2025 Công ty đã chi trả thực tế đúng mức được quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, như sau:

- Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/tháng

3.2 Đối với tiền lương:

Việc chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên trong Ban Giám đốc, Kế toán trưởng đảm bảo tuân thủ nghiêm túc theo Quy chế trả lương, trả thưởng đối với Người quản lý Công ty và cập nhật kịp thời các quy định pháp luật mới nhất trong năm 2025 (*Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025*).

3.3 Đối với tiền thưởng:

Căn cứ lợi nhuận sau thuế và sau khi đã trích các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cho Người quản lý Công ty. Căn cứ quỹ thưởng do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và định hướng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đề ra nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

- Chỉ đạo định hướng Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty nhằm đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định trên địa bàn Công ty quản lý; giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân thành phố được cấp nước sạch.

- Chỉ đạo triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Tăng cường công tác quản trị, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời kịp thời chỉ đạo Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về mối quan hệ công tác giữa Đảng bộ Công ty với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, đảm bảo sự thống nhất trong lãnh đạo và điều hành.

- Chỉ đạo, đôn đốc việc rà soát, điều chỉnh Điều lệ Công ty và các qui định, quy chế nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và các quy định sửa đổi, bổ sung của nhà nước (nếu có);

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty;

- Đảm bảo bảo toàn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn; phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu về sản lượng nước, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Tăng cường kết nối và thiết lập kênh thông tin minh bạch, kịp thời với cổ đông; đảm bảo mọi thông tin về hoạt động và quản trị Công ty được cung cấp chính xác, đúng quy định.

Nội dung chi tiết và các giải pháp thực hiện được thể hiện tại Chương trình công tác năm 2026 của Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.VT.HĐQT (P).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trần Thị Ngọc Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **006** /BC-BKS

TP. HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông.**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa được ban hành kèm theo Quyết định số 010/QĐ-TH-HĐQT ngày 03/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa được ban hành kèm theo Quyết định số 008/QĐ-TH-HĐQT ngày 03/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả hoạt động của năm 2025 và định hướng trong năm 2026 sau:

I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình thay mặt các cổ đông giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty thông qua các hoạt động sau:

– Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (HĐQT).

– Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

– Thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban định kỳ hàng tháng giữa Ban Giám đốc và các Phòng đội trong công ty, các cuộc họp quan trọng khác liên quan đến hoạt động SXKD, chiến lược phát triển của Công ty, ý kiến trong nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định.

– Giám sát việc quản lý điều hành SXKD của Ban Giám đốc.

– Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng và năm của Công ty.

– Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty

– Kiểm tra, giám sát, góp ý trình tự thủ tục công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

– Giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

– Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

– Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

2. Về thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, quỹ lương, thù lao Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

– Mức lương Trưởng Ban: 41.633.851 đồng/tháng.

– Thù lao thành viên: 4.000.000 đồng/người/tháng

– Chi phí hoạt động : 121.090.803 đồng.

3. Họp định kỳ ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tổ chức 20 cuộc họp để có ý kiến đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

- Phiên họp lần thứ 01 (23/01/2025): Thảo luận lấy ý kiến về tờ trình số 0306/TTr-TH- KHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Công ty về thông qua chủ trương cho ký Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

- Phiên họp lần thứ 02 (26/02/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2024, tờ trình số 0751/TTr-TH-GNKDT ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký Hợp đồng thực hiện công tác phục vụ vận hành mạng lưới và giảm thất thoát nước năm 2025 (Đính kèm dự thảo).

- Phiên họp lần thứ 03 (04/03/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua nội dung Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét bán niên báo cáo tài chính năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

- Phiên họp lần thứ 04 (11/03/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua các nội dung sau: Báo cáo ngân sách hoạt động năm 2024 và dự toán ngân sách hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát, nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 gồm: báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023, báo cáo về kết quả kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2023, báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025, báo cáo số 1375/TTr-TH-KHĐT ngày 03/03/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh – Đầu tư xây dựng – Tài chính năm 2024 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh – Đầu tư xây dựng năm 2025 (thay thế cho báo cáo số 0223/TTr-TH-KHĐT ngày 14/01/2025); báo cáo tài chính quý IV năm 2024; Báo cáo tài chính năm 2024 (chưa được kiểm toán), tờ trình 0466/TTr-TH-KHĐT ngày 11/02/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, Báo cáo số 0487/BC-TH-KTTC ngày

12/02/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc các giao dịch đã ký kết giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (tổ chức có 4 thành viên là Người đại diện vốn góp tham gia Hội đồng quản trị) Quý IV/2024; báo cáo số 0486/BC-TH-KTTC ngày 12/02/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về các hợp đồng đã ký kết Quý IV/2024; Công văn số 9762/TH-TCHC ngày 26/12/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc báo cáo tình hình thực hiện tăng mức trích các khoản bảo hiểm bắt buộc; tờ trình số 0746/TTr-TH-KTTC ngày 25/02/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến thay đổi một số tiêu chí và Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý Công ty và Quỹ lương thực hiện của Người lao động năm 2024 (điều chỉnh tờ trình số 0616/TTr-TH-KTTC ngày 18/02/2025, tờ trình số 0629/TH-TCHC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến về tình hình sử dụng lao động năm 2024, tờ trình số 1430/TTr-TH-KTTC ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, và chia cổ tức năm 2024, tờ trình số 0738/TTr-TH-KTTC ngày 25/02/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kế hoạch tài chính năm 2025 (thay thế tờ trình số 0615/TTr-TH-KTTC ngày 18/02/2025); về báo cáo số 770/BC-TH-TCHC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc báo cáo thực hiện chi trả tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát trong năm 2024 và kế hoạch chi trả tiền thù lao trong năm 2025; quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty, tờ trình số 1369/TTr-TH- KHĐT ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh và bổ sung đơn giá của dự thảo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

- Phiên họp lần thứ 05 (17/03/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua nội dung Báo cáo tài chính sau kiểm toán, báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Phiên họp lần thứ 06 (28/03/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 1832/TTr-TH-KTTC ngày 27/03/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kế hoạch tài chính năm 2025 (thay thế tờ trình số 0738/TTr-TH-KTTC ngày 18/02/2025.

- Phiên họp lần thứ 7 (03/04/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua tờ trình số 1839 và 1840/TTr-TH-TCHC ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về kế hoạch sử dụng lao động năm 2025, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý công ty và quỹ lương kế hoạch người lao động năm 2025

- Phiên họp lần thứ 8 (24/04/2025): Ban kiểm soát họp phiên đầu tiên của nhiệm kỳ 2025-2030 thảo luận lấy ý kiến thống nhất bầu Trưởng ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030

- Phiên họp lần thứ 9 (19/5/2025): Ban kiểm Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo số 2203/TTr-TH-KHĐT ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh – Đầu tư xây dựng – Tài chính 3 tháng đầu năm 2025.

- Báo cáo tài chính quý I năm 2025

- Báo cáo số 2277/BC-TH-KTTC ngày 23/04/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc các giao dịch đã ký kết giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (tổ chức có 4 thành viên là Người đại diện vốn góp tham gia Hội đồng quản trị) Quý I/2025

- Báo cáo số 2276/BC-TH-KTTC ngày 23/04/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về các hợp đồng đã ký kết Quý I/2025

- Phiên họp lần thứ 10 (26/5/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua Tờ trình 2697/TTr-TH-KHĐT ngày 22 tháng 5 năm 2025 về thông qua chủ trương ký Phụ lục hợp đồng thay ĐHN định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hoà

- Phiên họp lần thứ 11 (09/6/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua về dự thảo đề cương số 2 về Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2022 – 2025" (bản cập nhật, điều chỉnh)

- Phiên họp lần thứ 12 (04/7/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua về tờ trình số 3327/TTr-TH-KHĐT ngày 26 tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc thông qua chủ trương ký phụ lục hợp đồng thay ĐHN định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Phiên họp lần thứ 13 (16/7/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua về tờ trình số 3618/TTr-TH-KTTC ngày 15 tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2025

- Phiên họp lần thứ 14 (08/8/2025): Ban kiểm Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo số 3682/TTr-TH-KHĐT ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh – Đầu tư xây dựng – Tài chính 6 tháng đầu năm 2025

- Báo cáo tài chính quý II và 6 tháng đầu năm 2025

- Báo cáo số 3677/BC-TH-KTTC ngày 23/07/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc các giao dịch đã ký kết giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (tổ chức có 4 thành viên là Người đại diện vốn góp tham gia Hội đồng quản trị) Quý II/2025

- Báo cáo số 3678/BC-TH-KTTC ngày 23/07/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về các hợp đồng đã ký kết Quý II/2025

- Phiên họp lần thứ 15 (22/8/2025): Ban kiểm Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, báo cáo tài chính quý II năm 2025 (sau kiểm toán) và báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025 (sau kiểm toán) của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Tờ trình số 4104/TTr-TH-TCHC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc điều chỉnh điểm f khoản 1 điều 15 Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Phiên họp lần thứ 16 (19/9/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua về Tờ trình 4814/TTr-TH-KHĐT ngày 19 tháng 9 năm 2025 về thông qua chủ trương ký Phụ lục

hợp đồng thay ĐHN định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

- Phiên họp lần thứ 17 (02/10/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua Tờ trình 4921/TTr-TH-TCHC ngày 24 tháng 9 năm 2025 về việc xin ý kiến về kế hoạch sử dụng lao động năm 2025, tờ trình số 4922/TTr-TH-TCHC ngày 24 tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban Điều hành, người lao động năm 2025 (hồ sơ đính kèm), Tờ trình số 4982/TTr-TH-KHĐT ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền Giám đốc Công ty Phụ lục Hợp đồng, thuộc Hợp đồng số 1339/HĐ-TCT-PGTTN ngày 11 tháng 3 năm 2025 (hồ sơ đính kèm)

- Phiên họp lần thứ 18 (30/10/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua tờ trình số 5444/TTr-TH-KHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm và sữa chữa năm 2025. (Nội dung điều chỉnh đã được Hội đồng thành viên Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-TCT-HĐTV ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định số 1829/QĐ-TCT-KHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2025), báo cáo số 5528/TTr-TH-KHĐT ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh – Đầu tư xây dựng – Tài chính 9 tháng đầu năm 2025, báo cáo tài chính Quý III năm 2025 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2025.

- Phiên họp lần thứ 19 (28/11/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua tờ trình số 6563/TTr-TH-TCHC ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc phê duyệt chủ trương thuê văn phòng làm việc để di dời và hoàn trả phần còn lại mặt bằng 95 Phạm Hữu Chí, Phường Chợ Lớn cho Tổng Công ty

- Phiên họp lần thứ 20 (03/12/2025): Thảo luận lấy ý kiến thống nhất thông qua tờ trình số 6622/TTr-TH-TCHC ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025 (hồ sơ đính kèm).

4. Về đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Trên cơ sở điều lệ, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các kiểm soát viên luôn chủ động trong nhiệm vụ được phân công, tham gia các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát, họp giao ban hàng tháng và luôn có tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty. Với kết quả hoạt động nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức các phiên họp theo đúng quy định Pháp luật và điều lệ, quy định của Công ty. Trường hợp cần giải quyết những nội dung quan trọng trên báo cáo tài chính, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến kiểm soát viên qua nhiều hình thức như trực tiếp, thư điện tử, điện thoại, fax, ứng dụng zalo…

- Các thành viên Ban kiểm soát luôn phát huy vai trò, nhiệm vụ của mình trong giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và góp ý kịp thời theo quyền hạn, chức năng của ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thẩm định kết quả kinh doanh của Công ty một cách trung thực, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và gửi soát xét kết quả kinh doanh từng quý và năm đến HĐQT.

- Ban kiểm soát hoạt động đúng quyền và trách nhiệm của mình quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế quản trị công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định của Pháp luật hiện hành.

II. Báo cáo về kết quả kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2025:

1. Về kết quả hoạt động SXKD:

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 là 53.345.430 m3 nước theo chuẩn thu sau xử lý, đạt tỷ lệ 98,42% kế hoạch và đạt 99,65% so với năm 2024 (53.533.800 m3)

- Doanh thu tiền nước năm 2025 là 670.576 triệu đồng theo chuẩn thu sau xử lý, đạt 101,25% kế hoạch, đạt 103,07% so với năm 2024 (650.619 triệu đồng).

- Giá bán bình quân năm 2025 là 12.570 đồng/m³ theo chuẩn thu sau xử lý, đạt 102,87% kế hoạch, đạt 103,43% so với năm 2024 (12.153 đồng/m³).

- Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ năm 2025 thực hiện 698 cái; đạt 155,11% so với kế hoạch; giảm 41 cái so với năm 2024 (739 cái).

- Thay đồng hồ nước nước cỡ nhỏ năm 2025 thực hiện được 25.929 cái đạt 100,25% kế hoạch, giảm 1.670 cái so với cùng kỳ năm 2024 (27.599 cái) ; Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được 14 cái, đạt 140,00% kế hoạch, giảm 10 cái so với năm 2024 (24 cái).

- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu của năm 2025 là 12,75%; vượt 1,55% kế hoạch; giảm 2,01% so với năm 2024 (14,76%)

- Công tác đầu tư xây dựng: Công ty đã thực hiện thi công 5.794 / 3.073m đạt 188,55%; giá trị khối lượng là 23.376 / 22.976 triệu đồng đạt 101,74% và giá trị giải ngân là 20.199 / 19.078 triệu đồng đạt 105,88% kế hoạch.

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

2. Về kết quả tài chính năm 2025:

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán của Công ty và nhận xét cụ thể như sau:

Công ty đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán, tài chính, thuế.

Báo cáo tài chính lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian.

Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo thông tin đối với Công ty đại chúng cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được thực hiện kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2025
- Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt chính năm 2025
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính năm 2025

- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025

Một số chỉ tiêu cơ bản đánh giá khái quát thực trạng tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

❖ ***Chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán năm 2025:***

Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025
A. Tài sản ngắn hạn	131.646.215.217	110.703.957.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.943.774.303	8.400.685.103
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	55.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	72.620.861.881	32.059.473.007
IV. Hàng tồn kho	12.452.912.176	14.469.482.581
V. Tài sản ngắn hạn khác	628.666.857	774.316.488
B. Tài sản dài hạn	6.711.615.046	7.172.354.185
I. Các khoản phải thu dài hạn	850.000.000	330.000.000
II. Tài sản cố định	5.413.153.160	6.399.208.196
VI. Tài sản dài hạn khác	448.461.886	443.145.989
Tổng cộng tài sản	**138.357.830.263**	**117.876.311.364**
C. Nợ phải trả	75.403.885.750	56.206.506.991
D. Vốn chủ sở hữu	62.953.944.513	61.669.804.373
Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	93.553.000	93.553.000
Cổ phiếu quỹ (*)	-27.200.000	-27.200.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.456.713.587	2.058.697.342
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.430.877.926	9.544.754.031
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		
- LNST chưa phân phối kỳ này	*10.430.877.926*	*9.544.754.031*
Tổng cộng nguồn vốn	**138.357.830.263**	**117.876.311.364**

- Đến thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản phải thu là 73.471 triệu đồng (các khoản phải thu ngắn hạn là 72.621 triệu đồng, các khoản phải thu dài hạn 850 triệu đồng). Công ty không có nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi.

- Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 (nợ ngắn hạn): 75.404 triệu đồng. Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 là 62.954 triệu đồng tăng so với cùng kỳ năm trước (61.670 triệu đồng) là 2%. Như vậy nguồn vốn Công ty vẫn được bảo toàn và phát triển tốt.

- Chỉ tiêu hàng tồn kho giảm 2.017 triệu đồng so với ngày 01/01/2025 chủ yếu do:

✓ Giá trị tồn kho vật tư, công cụ dụng cụ giảm 1.947 triệu đồng

✓ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm 70 triệu đồng (chủ yếu là hợp đồng giảm thất thoát nước, thay ĐHN định kỳ và hoạt động xây lắp)

- Về việc quản lý, sử dụng tài sản, công cụ dụng cụ của Công ty:

Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2025 có nguyên giá là 24.700.671.313 đồng (trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 19.200.283.313 đồng, nguyên giá tài sản cố định vô hình là: 5.500.388.000 đồng). Công ty có trình bày chi tiết danh mục tài sản, ngày sử dụng, nguyên giá, số đã khấu hao trong báo cáo tài chính (Phụ lục 2 thuyết minh báo cáo tài chính).

❖ ***Chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2025:***

- Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện năm 2025 là 213.378 triệu đồng, đạt 110,68% so với kế hoạch tài chính năm 2025.

- Tổng chi phí thực hiện năm 2025 là 199.380 triệu đồng, đạt 111,34% so với kế hoạch tài chính năm 2025.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 là 13.998 triệu đồng, đạt 102,1% so với kế hoạch tài chính năm 2025.

❖ ***Tính Kinh Tế, Hiệu Lực, Hiệu Quả Trong Quản Lý, Sử Dụng Vốn, Tiền Và Tài Sản Nhà Nước:***

STT	Chỉ tiêu	đvt	năm 2024	năm 2025	Tăng/giảm
			(1)	(2)	(3 = 2-1)
I	**Nhóm tỷ suất khả năng sinh lời**				
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu và thu nhập khác	%	5,16%	4,89%	-0,28%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	18,36%	19,92%	1,57%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	8,10%	7,54%	-0,56%
II	**Nhóm tỷ suất khả năng thanh toán**				
	- Hệ số nợ (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản)	lần	0,48	0,54	0,07
	- Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng giá trị Tài sản/Tổng Nợ phải trả)	lần	2,10	1,83	-0,26
	- Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng giá trị Tài sản ngắn hạn/Tổng Nợ ngắn hạn)	%	1,97	1,75	-0,22
	- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	lần	0,91	1,20	0,29
III	**Đánh giá mức độ bảo toàn vốn (H)**		1,185	1,200	0,015

Ban kiểm soát đánh giá với sự cố gắng, nỗ lực hoàn thành vai trò, chức trách nhiệm vụ điều hành của mình, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, điều này đã mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh năm 2025 của công ty, các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đều vượt kế hoạch. Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa với nhận định chung là phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

3. Về giám sát các giao dịch có liên quan năm 2025:

Trong năm 2025, Công ty có giao dịch với các bên liên quan là Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV. Giá trị thực tế giao dịch trên được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán

Ban Giám đốc đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

4. Về thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2025		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6= 5/4
	A. SẢN XUẤT – KINH DOANH				
1	Nước cung cấp theo chuẩn thu sau xử lý	1.000m^3	54.200	53.345	98,42
2	Doanh thu tiền nước theo chuẩn thu sau xử lý	Tr.đồng	662.270	670.576	101,25
3	Giá bán bình quân theo chuẩn thu sau xử lý	Đồng/m^3	12.219	12.570	102,87
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	450	698	155,11
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	25.865	25.929	100,25
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	10	14	140,00
7	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,3	12,75	-1,55
	B. TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	192.780	213.378	110,68
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.710	13.998	102,10
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.174	10.431	102,53
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6	6	100

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2025		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)
	C. Qũy tiền lương năm 2025 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, thù lao đối với HĐQT, Ban kiểm soát Công ty	Tr.đồng	2.412	3.296	136,65

D. Phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức từ lợi nhuận sau năm 2024 theo đúng Nghị quyết số 001/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 như sau:

- Chia cổ tức (6%) : 2.999 triệu đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển : 398 triệu đồng
- Trích Quỹ thưởng người quản lý : 383 triệu đồng
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5.765 triệu đồng

III. Báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2025:

1. Kết quả hoạt động Hội đồng quản trị:

- HĐQT, Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2025.

- HĐQT đã cụ thể hoa việc kinh doanh của Công ty thông qua việc ban hành 41 Nghị quyết và 11 Quyết định.

- HĐQT đã thực hiện triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2025 với những nội dung chính: kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2025, thông qua quỹ lương, phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2025 và kế hoạch nhân sự, quỹ tiền lương năm 2025.

- HĐQT Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Giữa các phiên họp định kỳ của HĐQT, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, có thông tin cho Ban Kiểm Soát.

2. Kết quả hoạt động Ban Giám đốc Công ty:

- Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT vào các lĩnh vực cụ thể: quản lý dịch vụ cấp nước, công tác gắn mới đồng hồ nước, giảm thất thoát nước, thay đồng hồ nước định kỳ,..., theo định hướng của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

- Chủ động lập kế hoạch, quản lý , điều hành, sử dụng vốn tài sản hợp lý, thực hiện nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đảm bảo chính sách cho người lao động.

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã nỗ lực đạt được kết quả như sau: Doanh thu tiền nước 670.576 triệu đồng đạt 101,25%; Giá bán bình quân là 12.570 đồng/m³ đạt 102,87% kế hoạch; Gắn mới đồng hồ nước được 698 cái đạt 155,11% kế hoạch; Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện được 25.929 cái đạt 100,25% kế hoạch; Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được 14 cái đạt 140,00% kế hoạch; Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100,00% kế hoạch. Chỉ tiêu đầu tư xây dựng vượt kế hoạch giao. Các chỉ tiêu về tài chính vượt kế hoạch.

- Thực hiện chỉ tiêu 100% khách hàng đăng ký gắn mới, sang tên đồng hồ nước thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử với tổng cộng 41.424 khách hàng ký hợp đồng điện tử, trong đó sang tên 14.047 khách hàng, ký lại 25.381 khách hàng và gắn mới 1.996 khách hàng, xây dựng chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng giai đoạn 2025-2030.

- Ban Giám đốc đã ứng dụng những tiện ích của công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản lý và sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, Công ty có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như: ứng dụng công nghệ mới trong quản lý cấp nước, có những bước đột phá trong chương trình cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, chuyển đổi số tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035), triển khai Ứng dụng chăm sóc Khách hàng SAWACO (App CSKH SAWACO) dùng chung cho tất cả các khách hàng của Tổng Công ty và các đơn vị cấp nước thành viên, tỷ lệ cài app SAWACO CSKH đạt 36%, triển khai định danh thương hiệu SAWACO trong hoạt động chăm sóc khách hàng tại Công ty, hoàn thiện việc kết nối hệ thống ứng dụng chăm sóc khách hàng Tổng Công ty với các phần mềm nghiệp vụ tại Công ty, triển khai hệ thống phần mềm thực hiện khảo sát, đánh giá chỉ số hài lòng của khách hàng Công ty, tích hợp trên nhiều nền tảng như Cổng thông tin điện tử; Ứng dụng chăm sóc khách hàng, Văn phòng Giao dịch 905 Âu Cơ và các phần mềm nghiệp vụ tại hiện trường,.... Thống kê số lượng đánh giá dịch vụ với mức điểm 5 là 5.794 đánh giá và điểm 4 là 30 đánh giá, triển khai Hệ thống giám sát dữ liệu và sao lưu, phục hồi chuyên sâu đảm bảo an toàn dữ liệu (Hệ thống SAN) nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dữ liệu thông tin khách hàng, dữ liệu về tài sản mạng lưới cấp nước tại đơn vị và cũng là dữ liệu của Tổng Công ty, triển khai Phần mềm Nhân sự - Tiền lương, chia sẻ dữ liệu đồng bộ dữ liệu với Phần mềm Kế toán đang sử dụng tại đơn vị, tiền đề để định hướng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong việc quản trị doanh nghiệp hiệu quả, triển khai Ứng dụng AI Chatbot vào Webiste CSKH Tân Hòa giúp trả lời dịch vụ nhanh chóng, đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ cấp nước. Sự thông minh của AI tích hợp trong Chatbot giúp nó trở thành giải pháp công nghệ CSKH tự động và xây dựng hệ sinh thái chăm sóc khách hàng áp dụng cho ngành cấp nước Thành phố nhằm cải thiện hoạt động chăm sóc khách hàng, hợp lý hóa quy trình từ đó đưa ra các chiến lược phát triển phù hợp, tham mưu trình Tổng Công ty đề án Trung tâm quản lý, giám sát và vận hành hệ thống cấp nước hướng đến việc đổi mới sáng tạo, từng bước chuyển đổi sang mô hình vận hành thông minh, tự động hóa quản lý, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước sạch cung cấp đến khách hàng và đảm bảo việc thực hiện giảm nước không doanh thu, triển khai Ứng dụng đồng hồ nước thông minh trong vận hành DMA giảm thất thoát nước, phát triển các công cụ xác định tỷ thất thoát nước theo ngày, giờ tại DMA thí điểm nhằm thiết lập xây dựng các DMA thông minh, triển khai các giải pháp nhằm nâng cao việc cài đặt App SAWACO, ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử đối với toàn bộ khách hàng sử dụng nước, triển khai các công tác khi hoạt động Chính quyền địa phương 2 cấp kể từ ngày 01/7/2025 gồm Công tác gửi/nhận văn bản qua trục liên thông, điều chỉnh cơ sở dữ liệu Phường mới, điều chỉnh phần mềm nghiệp vụ, triển khai Nâng cấp Phần mềm Quản lý sự cố mạng lưới cấp nước

tích hợp trên nền tảng Hệ thống Tân Hòa GIS, tiền đề để định hướng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong việc quản lý tài sản mạng lưới cấp nước và quản lý các vật tư thi công theo quy định. Đồng thời, hướng đến cung cấp dữ liệu phục vụ Trung tâm vận hành hệ thống cấp nước thông minh (SWOC) phục vụ công tác quản lý mạng lưới, báo bể và sửa bể của Tổng Công ty

- Công ty đã hoàn tất việc hoàn trả mặt bằng 95 Phạm Hữu Chí P.12 Q.5 Tp. HCM về cho Tổng Công ty .

- Ban Giám đốc đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ, công bố thông tin bất thường đúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Trong năm 2025, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh. Không phát sinh mâu thuẫn, xung đột lợi ích với những người có liên quan.

- Đối với cổ đông: Trong năm 2025, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Trong năm 2025 HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty đã phối hợp chặt chẽ nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

- Các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát đều được thông báo và cử đại diện tham dự nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát. HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho Ban Kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, đồng thời Ban kiểm soát đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

- Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Giám đốc Công ty thực hiện phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026:

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2026 được thực hiện thực hiện theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Triển khai thực hiện quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua.

- Duy trì các cuộc họp định kỳ và thường xuyên để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nâng cao công tác phối hợp giữa Ban Kiểm Soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định của Công ty, sự cẩn trọng HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và hợp lý của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty; Thẩm định, soát xét các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2026

- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ các quy chế, quy định quản trị hoạt động nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc khi nhận thấy có rủi ro trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Cập nhật văn bản Pháp luật, nâng cao kiến thức để phục vụ công tác của Ban Kiểm Soát

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, đệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hoàng Thị Xuân Trang

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1117 /BC-TH-KHĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG – TÀI CHÍNH NĂM 2025.

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Trong năm 2025, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (viết tắt Công ty Tân Hòa) luôn đoàn kết và quyết tâm hoàn thành kế hoạch của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (viết tắt Tổng Công ty) giao. Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện chỉ tiêu 100% hộ dân thành phố được sử dụng nước sạch trên địa bàn quản lý; sử dụng nhiều biện pháp để tăng sản lượng, doanh thu và từng bước giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025:

1. Công tác sản xuất kinh doanh: *(phụ lục đính kèm)*

❖ **Nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước và giá bán bình quân:**

– ***Nước tiêu thụ***: **53.345.430 m³** nước theo chuẩn thu sau xử lý, đạt tỷ lệ **98,42%** kế hoạch và đạt **99,65%** so với năm 2024 (53.533.800 m³).

– ***Doanh thu tiền nước***: thực hiện **670.576 triệu đồng** theo chuẩn thu sau xử lý, đạt **101,25%** kế hoạch, đạt **103,07%** so với năm 2024 (650.619 triệu đồng).

– ***Giá bán bình quân***: **12.570 đồng/m³** theo chuẩn thu sau xử lý, đạt **102,87%** kế hoạch, đạt **103,43%** so với năm 2024 (12.153 đồng/m³).

Để đạt được kết quả này, Công ty đã quan tâm, chỉ đạo sâu sát đến các công tác sau:

+ Công ty luôn chú trọng thực hiện công tác doanh thu tiền nước, tỉ lệ thực thu tiền nước / chuẩn thu tiền nước 12 kỳ hóa đơn đạt 99,34%.

+ Vận động khách hàng sử dụng nước máy thay nước giếng nhằm giảm tỷ lệ hóa đơn có tiêu thụ từ 0-4 m³. Tỷ lệ hóa đơn 0-4 m³ là 11,22%, giảm 1,02% so với cùng kỳ năm 2024 (12,24%).

+ Triển khai công việc đến từng nhân viên để bám sát lộ trình, gửi thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác đến khách hàng về chỉ số nước và thời gian thanh toán tiền nước hàng tháng theo yêu cầu; quan tâm thực hiện báo giá biểu đúng đối tượng khách hàng sử dụng nước.

+ Tăng cường khẩn trương nhắc nợ, lập lệnh đóng nước; chủ động bám sát và lập tổng hợp nợ đối với khách hàng cơ quan; trực tiếp đôn đốc khách hàng cơ quan, chung cư, doanh nghiệp qua điện thoại; chủ động giao tiếp, làm việc với khách hàng khi khách hàng thắc mắc về chỉ số đồng hồ nước, tiền nước để khách hàng cùng hiểu và hợp tác thực hiện nghĩa vụ của mình trong việc thanh toán tiền nước.

+ Tích cực đối soát dữ liệu hàng ngày với các bộ phận liên quan để đăng ngân hóa đơn tiền nước nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

+ Thực hiện đóng mở nước kịp thời theo đúng yêu cầu tiến độ công việc; theo dõi chặc chẽ các địa chỉ nợ tiền nước nhiều tiền, nhiều kỳ và đề xuất lập lệnh hủy và theo dõi tiến độ giải quyết lệnh hủy theo đúng quy định.

+ Cấp định mức chính xác thông qua việc thu nhập và cập nhật mã định danh.

+ Thực hiện truy thu định mức, giá biểu các địa chỉ sử dụng định mức, giá biểu không đúng thực tế.

+ Thực hiện truy thu các trường hợp nhà xây dựng vi phạm cam kết.

❖ **Công tác gắn đồng hồ nước:**

Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện **698 cái**; đạt **155,11%** so với kế hoạch.

Công ty thực hiện công tác gắn mới đồng hồ nước theo nhu cầu thực tế của khách hàng và đảm bảo chỉ tiêu 100% hộ dân thành phố được sử dụng nước sạch trên địa bàn quản lý và tiếp tục giải quyết các trường hợp phát sinh như khu dân cư mới, khách hàng có nhu cầu tách thửa, tách hộ, những hộ trước kia chưa có nhu cầu sử dụng nước,…

❖ **Công tác thay đồng hồ nước:**

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác thay đồng hồ nước nhằm góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước. Công tác thay đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện được **25.929 cái** đạt **100,25%** kế hoạch; Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được **14 cái,** đạt **140,00%** kế hoạch.

❖ **Công tác giảm nước không doanh thu:**

Tỷ lệ thất thoát nước năm 2025 là **12,75%**; vượt **1,55%** kế hoạch; giảm 2,01% so với năm 2024 (14,76%).

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã tập trung triển khai các công tác sau:

– Thực hiện dò bể 4.119 km, đặt leakpen cho 208.720 thủy lượng kế, thực hiện sửa bể kịp thời 4.466 điểm trong đó có 2.141 điểm bể nổi và 2.325 điểm bể ngầm. Đẩy nhanh công tác sửa bể ngầm, bể nổi, hạn chế không để tồn đọng các điểm bể chưa sửa.

– Cơi 445 van khuất lấp để phục vụ công tác giảm thất thoát nước. Chủ động trong công tác cơi van khuất lấp và kiểm tra độ kín các van biên giữa các DMA, từ đó đảm bảo vận hành các DMA một cách chính xác, chủ động theo dõi tỷ lệ thất thoát nước theo từng DMA và đề ra phương án hợp lý khi tỷ lệ thất thoát nước có biểu hiện tăng bất thường.

- Thường xuyên thực hiện đóng van bước, khoanh vùng phân tích đánh giá dò tìm các điểm bể mới.

- Theo dõi và xử lý các trường hợp các công trình ngầm khác xâm hại đến mạng lưới cấp nước, thu hồi lượng nước bị thất thoát. Đặc biệt là tuyến Metro số 2.

- Vận hành van điều áp ban đêm nhằm hạn chế lượng nước thất thoát nước ban đêm đồng thời vẫn đảm bảo đủ áp lực nước cung cấp nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Từ việc tiến hành rà soát và phát hiện sự biến động lưu lượng bất thường của một số đồng hồ Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch kết hợp các đồng hồ DMA, Công ty đã phát hiện các khu vực có nguy cơ rò rỉ lớn, từ đó tiến hành khoanh vùng rò rỉ, thám sát cống, khẩn trương dò bể, khắc phục sự cố, kéo giảm lượng nước thất thoát.

- Tiếp tục ứng dụng GIS trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn Công ty, trung tâm chăm sóc khách hàng 24/7 tiếp nhận các thông tin xì bể trên mạng lưới, giải quyết khiếu nại và thắc mắc,….

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi tình trạng biến động về lưu lượng và áp lực trong DMA.

2. Công tác đầu tư xây dựng: *(phụ lục đính kèm)*

Công ty đã thực hiện thi công 5.794 / 3.073m đạt 188,55%; giá trị khối lượng là 23.376 / 22.976 triệu đồng đạt 101,74% và giá trị giải ngân là 20.199 / 19.078 triệu đồng đạt 105,88% kế hoạch.

3. Các chỉ tiêu tài chính: *(phụ lục đính kèm)*

- Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện là 213.378.515.521 đồng; đạt 110,68% kế hoạch; tăng 15,46% so với năm 2024 (184.805.203.907 đồng). Trong đó, doanh thu hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch thực hiện là 129.283.596.286 đồng; đạt 102,54% kế hoạch; tăng 2,72% so với năm 2024 (125.866.008.927 đồng).

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện là 13.998.224.855 đồng; đạt 102,10% kế hoạch; tăng 7,73% so với năm 2024 (12.994.300.000 đồng).

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện là 10.430.877.926 đồng; đạt 102,52% kế hoạch; tăng 9,28% so với năm 2024 (9.544.754.031 đồng).

4. Công tác chăm sóc khách hàng:

- Phòng Khách hàng của Công ty là đầu mối để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng về chất lượng nước, tiến độ giải quyết hồ sơ cho khách hàng.

- Tiếp nhận cuộc gọi của khách hàng qua tổng đài 24/7 - 1900 6489 giải đáp thắc mắc về tình hình sử dụng nước và tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng đối với Công ty.

– Sử dụng phần mềm Quản trị khách hàng Tân Hòa CRM để đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thắc mắc, phản ánh của khách hàng và chuyển thông tin tiếp nhận giải quyết đến nhân viên hiện trường.

– Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu 100% khách hàng đăng ký gắn mới, sang tên đồng hồ nước thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử với tổng cộng 41.424 khách hàng ký hợp đồng điện tử, trong đó sang tên 14.047 khách hàng, ký lại 25.381 khách hàng và gắn mới 1.996 khách hàng.

– Tỷ lệ cài app SAWACO CSKH đạt 36%.

– Thống kê số lượng đánh giá dịch vụ với mức điểm 5 là 5.794 đánh giá và điểm 4 là 30 đánh giá.

– Xây dựng chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng giai đoạn 2025-2030.

– Xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá sự hài lòng của khách hàng với dịch vụ cấp nước sạch.

– Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác cập nhật dữ liệu số điện thoại di động khách hàng phục vụ cho việc vận hành ứng dụng SAWACO.

5. Công tác đào tạo, hoàn thiện quy chế:

– Công ty chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và năng lực quản lý cho cán bộ, người lao động với các hình thức đào tạo đa dạng, phong phú và phù hợp thực tiễn.

– Hàng năm, Công ty tổ chức đào tạo và thi nâng bậc cho cán bộ công nhân lao động trực tiếp. Giới thiệu cán bộ công nhân lao động tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ của các bộ phận nghiệp vụ. Giới thiệu các cán bộ tham gia khóa học, tập huấn nghiệp vụ ngắn hạn …

– Tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, thi tay nghề, tập huấn các lớp nghiệp vụ như: cập nhật chính sách mới về luật BHXH, BHYT và pháp luật lao động tại doanh nghiệp, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, kỹ năng nghiệp vụ công tác văn thư điện tử, kỹ năng giao tiếp hiệu quả cho nhân viên tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, an toàn vệ sinh lao động, nghiệp vụ đấu thầu…

– Hằng năm Công ty rà soát danh sách đăng ký với Tổng Công ty thi nâng bậc cho các công nhân Khối Kỹ thuật và Khối Kinh doanh tại đơn vị.

– Thường xuyên cập nhật các Quy trình, Quy định, nhằm hoàn thiện, cải tiến, nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

6. Quỹ lương của người lao động:

– Quỹ lương Ban điều hành và người lao động:

+ Kế hoạch: 73.567.348.680 đồng.

+ Thực hiện: 75.113.112.621 đồng.

- Mức tiền lương bình quân của Ban điều hành và người lao động:

+ Kế hoạch: 19.776.169 đồng.

+ Thực hiện: 20.191.697 đồng.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin:

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035).

- Triển khai Ứng dụng chăm sóc Khách hàng SAWACO (App CSKH SAWACO) dùng chung cho tất cả các khách hàng của Tổng Công ty và các đơn vị cấp nước thành viên.

- Triển khai định danh thương hiệu SAWACO trong hoạt động chăm sóc khách hàng tại Công ty.

- Hoàn thiện việc kết nối hệ thống ứng dụng chăm sóc khách hàng Tổng Công ty với các phần mềm nghiệp vụ tại Công ty. Trên cơ sở hướng khách hàng là trung tâm nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng quan tâm nhiều đến các dịch vụ, chính sách của ngành nước.

- Triển khai hệ thống phần mềm thực hiện khảo sát, đánh giá chỉ số hài lòng của khách hàng Công ty, tích hợp trên nhiều nền tảng như Công thông tin điện tử; Ứng dụng chăm sóc khách hàng, Văn phòng Giao dịch 905 Âu Cơ và các phần mềm nghiệp vụ tại hiện trường,...

- Triển khai Hệ thống giám sát dữ liệu và sao lưu, phục hồi chuyên sâu đảm bảo an toàn dữ liệu (Hệ thống SAN) nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dữ liệu thông tin khách hàng, dữ liệu về tài sản mạng lưới cấp nước tại đơn vị và cũng là dữ liệu của Tổng Công ty.

- Triển khai Phần mềm Nhân sự - Tiền lương, chia sẻ dữ liệu đồng bộ dữ liệu với Phần mềm Kế toán đang sử dụng tại đơn vị, tiền đề để định hướng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong việc quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

- Triển khai Ứng dụng AI Chatbot vào Webiste CSKH Tân Hòa giúp trả lời dịch vụ nhanh chóng, đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ cấp nước. Sự thông minh của AI tích hợp trong Chatbot giúp nó trở thành giải pháp công nghệ CSKH tự động và xây dựng hệ sinh thái chăm sóc khách hàng áp dụng cho ngành cấp nước Thành phố nhằm cải thiện hoạt động chăm sóc khách hàng, hợp lý hóa quy trình từ đó đưa ra các chiến lược phát triển phù hợp.

- Tham mưu trình Tổng Công ty đề án Trung tâm quản lý, giám sát và vận hành hệ thống cấp nước hướng đến việc đổi mới sáng tạo, từng bước chuyển đổi sang mô hình vận hành thông minh, tự động hóa quản lý, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) kiểm

soát, bảo vệ chất lượng nước sạch cung cấp đến khách hàng và đảm bảo việc thực hiện giảm nước không doanh thu.

- Triển khai Ứng dụng đồng hồ nước thông minh trong vận hành DMA giảm thất thoát nước, phát triển các công cụ xác định tỷ thất thoát nước theo ngày, giờ tại DMA thí điểm nhằm thiết lập xây dựng các DMA thông minh.

- Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao việc cài đặt App SAWACO, ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử đối với toàn bộ khách hàng sử dụng nước.

- Triển khai các công tác khi hoạt động Chính quyền địa phương 2 cấp kể từ ngày 01/7/2025 gồm Công tác gửi/nhận văn bản qua trục liên thông, điều chỉnh cơ sở dữ liệu Phường mới, điều chỉnh phần mềm nghiệp vụ.

- Triển khai Nâng cấp Phần mềm Quản lý sự cố mạng lưới cấp nước tích hợp trên nền tảng Hệ thống Tân Hòa GIS, tiền đề để định hướng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong việc quản lý tài sản mạng lưới cấp nước và quản lý các vật tư thi công theo quy định. Đồng thời, hướng đến cung cấp dữ liệu phục vụ Trung tâm vận hành hệ thống cấp nước thông minh (SWOC) phục vụ công tác quản lý mạng lưới, báo bể và sửa bể của Tổng Công ty.

III. NHẬN XÉT- ĐÁNH GIÁ:

1. Kết quả đạt được:

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã nỗ lực đạt được kết quả như sau: Doanh thu tiền nước **670.576 triệu đồng** đạt **101,25%**; Giá bán bình quân là **12.570 đồng/m³** đạt **102,87%** kế hoạch; Gắn mới đồng hồ nước được **698 cái** đạt **155,11%** kế hoạch; Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện được **25.929 cái** đạt **100,25%** kế hoạch; Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được **14 cái** đạt **140,00%** kế hoạch; Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt **100,00%** kế hoạch. Chỉ tiêu đầu tư xây dựng vượt kế hoạch giao. Các chỉ tiêu về tài chính vượt kế hoạch.

2. Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo kịp thời của Ban Tổng Giám đốc, sự hỗ trợ của Phòng Ban Tổng Công ty đồng thời được sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ, Ban Giám đốc, toàn thể cán bộ công nhân viên đều nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tài chính năm 2025.

- Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc cấp phép đào đường, cùng phối hợp với các dự án làm đường tại địa phương cũng như công tác giám sát chất lượng công trình, công tác tái lập mặt đường; cùng vận động gắn đồng hồ nước nhằm giải quyết và duy trì 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn Công ty quản lý.

3. Khó khăn:

– Nguyên nhân ảnh hưởng làm chỉ tiêu nước tiêu thụ chưa đạt kế hoạch Tổng Công ty giao:

+ Tình hình kinh tế khó khăn, sự dịch chuyển lao động về các tỉnh, các hộ kinh doanh mua bán đóng cửa rất nhiều, các công ty sản xuất trong khu công nghiệp có xu hướng di chuyển ra ngoại thành. Khu công nghiệp giảm tiêu thụ nước sạch, tăng sử dụng nước ngầm.

+ Địa bàn Công ty Tân Hòa quản lý đã bão hòa, nên không phát triển mạng lưới, số lượng đồng hồ nước gắn mới không nhiều (500 địa chỉ/năm).

+ Tuyến Metro đang xây dựng, giải tỏa trắng dọc tuyến đường, đặc biệt là khu vực tuyến đường Trường Chinh, Cách Mạng Tháng Tám… cũng làm ảnh hưởng đến nước tiêu thụ trên tuyến đường thuộc địa bàn Công ty Tân Hòa quản lý.

+ Số lượng các hộ gia đình sử dụng giếng khoan trong địa bàn vẫn còn nhiều, hóa đơn bằng 0 m^3 còn cao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

– Trong năm 2025, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty nên đã huy động được sức mạnh của tập thể vào việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

– Nhờ sự hỗ trợ nhiệt tình của địa phương, của đơn vị bạn, của các Phòng chuyên môn của Tổng Công ty đã tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành nhiệm vụ được tốt hơn.

– Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo kết quả công việc và làm cơ sở cho việc phát triển bền vững của Công ty.

– Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực kế thừa và đủ kinh nghiệm quản lý Công ty. Trong đó lưu ý đến nhân sự có kiến thực về công nghệ thông tin để tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026.

1. Mục tiêu:

– Bảo đảm chất lượng nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Bảo đảm cấp nước an toàn liên tục.

– Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục tạo ra hiệu ứng tích cực góp phần vào định hướng chung của Tổng Công ty là hướng về cộng đồng để phục vụ tốt hơn.

– Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

– Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phấn đấu đạt chỉ tiêu sản lượng, doanh thu theo kế hoạch Tổng Công ty giao, đảm bảo tỷ lệ thực thu tiền nước trên 99%, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách.

– Quản lý và vận hành hệ thống cấp nước an toàn.

– Phối hợp thực hiện đồng bộ và tích cực chương trình giảm nước thất thoát thất thu, thực hiện mục tiêu của Tổng Công ty là giảm nước thất thoát thất thu trên toàn mạng lưới. Phấn đấu đạt tỷ lệ nước thất thoát thất thu hàng năm do Tổng Công ty giao.

– Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng AI trong công tác chăm sóc khách hàng, phân tích kinh doanh và quản lý mạng lưới cấp nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

– Triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt tới tất cả các bộ phận của Công ty và địa phương trên địa bàn quản lý.

– Tiếp tục thực hiện nghị quyết của Thành phố đảm bảo chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch.

– Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Tổng Công ty giao. Hạn chế tối đa việc không tiếp cận đồng hồ nước và không để khách hàng khiếu nại về biên đọc chỉ số.

– Bảo đảm tính đúng, tính đủ để nâng cao giá bán bình quân tăng doanh thu.

– Đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng và giải ngân kịp thời theo kế hoạch vốn được giao. Đặc biệt là các dự án cải tạo, sửa chữa ống mục nhằm hạn chế thất thoát nước rò rỉ ngầm qua đường ống lâu năm cũ mục.

– Từng bước giảm thiểu tỷ lệ nước thất thoát thất thu trên mạng lưới đảm bảo theo kế hoạch Tổng Công ty giao hàng năm và hướng đến tỷ lệ thất thoát nước kinh tế, bền vững trên địa bàn Công ty quản lý.

– Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các yêu cầu, kiến nghị, nguyện vọng của người dân trong thời gian nhanh nhất; nâng cao năng lực công tác của cán bộ công nhân viên, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ GIS vào quản lý mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng và vật tư tài sản...

3. Các chỉ tiêu chủ yếu: (*phụ lục đính kèm*).

4. Giải pháp thực hiện:

4.1 Về nâng cao hiệu quả kinh doanh nước sạch:

i. Về tăng sản lượng nước và doanh thu tiền nước:

+ Tiếp tục tuyên truyền vận động khách hàng sử dụng nước máy, hạn chế sử dụng nước giếng khoan.

+ Thường xuyên thông tin tới khách hàng về việc ghi chỉ số nước và thanh toán tiền nước hàng tháng. Thực hiện nghiêm túc công tác ghi chỉ số nước, trực tiếp tiếp cận đọc số đồng hồ nước, ghi nhận đúng đủ lượng nước tiêu thụ hàng tháng, kịp thời phát hiện những bất thường liên quan đến đồng hồ nước và chỉ số đồng hồ nước như ngưng, kẹt số, chạy ngược, tuôn số, kính mờ, âm sâu khuất lấp, đứt chì, đấu chung 2 hệ thống nước giếng và nước máy, nhà xây dựng…giảm tối đa tỷ lệ nhà đóng cửa (code F).

+ Rà soát kiểm tra các trường hợp khách hàng đồng hồ nước lớn ly nhưng tiêu thụ nước máy quá thấp không phù hợp với lưu lượng nước qua đồng hồ theo quy chuẩn kỹ thuật.

+ Thực hiện công tác đóng - mở nước kịp thời theo đúng yêu cầu tiến độ công việc, theo dõi chặt chẽ các địa chỉ nợ tiền nước nhiều tiền, nhiều kỳ và đề xuất giải quyết nợ tồn theo đúng quy định. Thực hiện đăng ngân hóa đơn tiền nước hàng ngày, hàng tháng nhanh chóng, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

+ Tiếp tục thực hiện lập biên bản tiếp xúc đối với khách hàng có ở nhưng không sử dụng nước trên 06 kỳ hóa đơn và tiến hành tạm khóa nước đối với khách hàng đã cam kết nhưng không sử dụng nước. Rà soát các địa chỉ đã có lệnh hủy do khách hàng không sử dụng nước nhiều kỳ; đã được khóa nước hoặc đã cắt tạm, bít hủy để thực hiện ngưng hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định.

ii. Về giá bán bình quân:

+ Tiếp tục thu thập và cập nhật mã định danh cho 8.300 danh bộ có định mức nước nhưng chưa có mã định danh để hoàn thành 100% việc cấp định mức bằng mã định danh.

+ Điều chỉnh định mức các nhân khẩu tạm trú hết hạn nhưng khách hàng chưa đăng ký lại.

+ Có biện pháp chế tài, thu hồi đồng hồ nước hủy danh bộ các địa chỉ có tiêu thụ 0 m^3 nhiều kỳ.

iii. Gắn mới đồng hồ nước theo nhu cầu của khách hàng và đảm bảo 100% hộ dân được sử dụng nước sạch.

iv. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thay đồng hồ nước để đảm bảo kế hoạch được giao.

v. Đẩy mạnh thực hiện công tác truyền thông doanh nghiệp, kết hợp xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển hình ảnh thương hiệu của Công ty đến cộng đồng xã hội, nâng cao chất lượng hình ảnh công nhân ngành nước.

4.2 Về giảm thất thoát nước:

– Đẩy nhanh các dự án đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục còn tồn đọng trên địa bàn quản lý và các đồng hồ tổng DMA bị hư hỏng trên mạng lưới.

– Theo dõi thường xuyên các biến động về lưu lượng và áp lực trên các đồng hồ tổng do Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch quản lý và biến động các đồng hồ DMA.

– Năm 2026 sẽ triển khai khảo sát lắp đặt thêm van trên mạng lưới cấp 2 để tiếp tục thành lập các DMZ tạm phục vụ cho công tác giảm nước thất thoát trên mạng cấp 2, kiểm tra rò rỉ trên mạng cấp 2 và so sánh kiểm tra độ chính xác giữa đồng hồ Tổng của XNTDNS và đồng hồ DMA của Công ty Tân Hòa.

– Tăng tập trung nguồn nhân lực thực hiện dò tìm rò rỉ các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao, duy trì ổn định các DMA có tỷ lệ thất thoát nước thấp và sửa bể nhanh các điểm bể trên mạng lưới, dò tìm các tuyến đường bị tác động bởi các công trình ngầm khác (điện lực, thoát nước...). Triển khai đặt leak-pen dò tìm điểm bể ống ngánh và kết hợp kiểm tra đồng hồ nước khách hàng.

– Tăng cường giám sát, phát hiện các công trình xâm hại đến mạng lưới cấp nước bởi công trình thi công của dự án Metro và công trình ngầm khác.

– Vận hành các van điều áp theo các khung giờ nhu cầu sử dụng nước thấp nhằm hạn chế lượng nước thất thoát nước vì khi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng thấp dẫn đến áp lực trên mạng tăng cao.

– Thường xuyên thực hiện đóng van bước, khoanh vùng phân tích đánh giá dò tìm các điểm bể mới.

– Tăng cường vai trò caretaker trong việc quản lý các DMA, giám sát chất lượng sửa bể, quản lý và vận hành các trang thiết bị trong DMA. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi lưu lượng và áp lực các đồng hồ tổng trên mạng lưới. Theo dõi biểu đồ lưu lượng áp liên tục để nhanh chóng phát hiện các khu vực có sự cố bể ống cấp nước lớn, từ đó nhanh chóng xử lý giảm thời gian thất thoát nước.

– Tăng cường công tác kiểm soát mạng lưới, dự phòng đầy đủ vật tư nhằm xử lý kịp thời những sự số xảy ra trên mạng lưới.

– Tăng cường quản lý, giám sát chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công công trình theo quy định nhằm nâng cao chất lượng cũng như vai trò giám sát của chủ đầu tư đối với các công trình đang thực hiện.

– Giải quyết nhanh các trường hợp bồi thường mất cắp đồng hồ nước, hạn chế tình trạng tính bình quân tiêu thụ.

– Nâng cao chất lượng nguồn nước cung cấp cho khách hàng, súc xả định kỳ theo kế hoạch của Công ty.

4.3 Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty, phục vụ khách hàng, quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước:

– Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 04-CTr/ĐU của Đảng ủy Tổng Công ty và Kế hoạch số 5131/KH-TCT-KTCN của Tổng Công ty về triển khai thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

– Đẩy mạnh phát triển ba định hướng chiến lược triển khai hướng đến năm 2030, tỷ lệ nước không doanh thu được kiểm soát dưới 10%, hệ thống cấp nước Tân Hòa trở

thành hình mẫu trong ngành về công nghệ, an toàn dữ liệu, tự động hóa và phục vụ khách hàng.

– Định hướng xây dựng và phát triển thành một doanh nghiệp số, trong đó: hướng đến sự tiện lợi cho khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; cung cấp các dịch vụ trực tuyến, minh bạch để nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng/đối tác; kết nối liên thông, tự động hóa các quy trình nội bộ trong Công ty.

– Rà soát, hoàn thiện, xây dựng các quy chế, quy trình nội bộ liên quan đến quản lý kỹ thuật, công nghệ, cơ chế tài chính phục vụ cho ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

– Tăng cường bảo mật hệ thống thông tin và an toàn dữ liệu thông qua việc triển khai giải pháp bảo mật nhiều lớp, ứng dụng xác thực đa yếu tố (MFA), mã hóa dữ liệu và quản lý truy cập thông minh dựa trên AI, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho thông tin khách hàng và dữ liệu vận hành; Xây dựng một hệ thống bảo vệ dữ liệu số toàn diện trong toàn bộ chuỗi vận hành, dịch vụ khách hàng và quản trị nội bộ, đảm bảo tính liên tục và tin cậy; Tiếp tục duy trì và tăng cường các giải pháp bảo mật nhiều lớp đã triển khai, đồng thời thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật trên toàn hệ thống.

– Đẩy mạnh các phong trào đào tạo, học tập số và cải tiến sáng tạo trong toàn Công ty, khuyến khích các sáng kiến từ các công tác thường ngày.

– Hoàn thành xây dựng Trung tâm quản lý, giám sát và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành thông minh, ứng dụng công nghệ hiện đại vào giám sát chất lượng nước, tự động hóa vận hành, quản lý mạng lưới và chăm sóc khách hàng đa kênh; Chuẩn hóa dữ liệu và đảm bảo đồng bộ, chính xác của dữ liệu phục vụ quản lý vận hành, quy hoạch phát triển hệ thống, đặc biệt là tích hợp dữ liệu GIS; Tập trung nghiên cứu các giải pháp quản lý thất thoát nước chủ động để đạt được tỷ lệ thất thoát nước kinh tế bao gồm việc phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố từ xa thông qua các công cụ như phần mềm quản lý sự cố, đồng hồ điện từ, đồng hồ nước thông minh và hệ thống cảnh báo tự động tích hợp Zalo OA.

– Triển khai các giải pháp thực hiện ký kết Hợp đồng điện tử với toàn bộ khách hàng sử dụng nước là xu hướng tất yếu trong thời đại công nghệ số nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, nâng cao hiệu suất làm việc và đảm bảo an toàn, bảo mật đã khẳng định tầm quan trọng của nó trong việc thúc đẩy giao thương.

– Tiếp tục số hóa toàn diện quy trình phục vụ khách hàng bao gồm việc duy trì và tối ưu hệ thống Tân Hòa CRM chuyên biệt, phát triển các tính năng nâng cao cho App SAWACO CSKH để khách hàng dễ dàng tra cứu thông tin, phản ánh sự cố, ký hợp đồng điện tử và thanh toán trực tuyến mọi lúc, mọi nơi.

4.4 Về đầu tư xây dựng cơ bản:

– Tập trung triển khai các dự án phát triển, tăng áp, hoàn thiện mạng lưới để tăng số lượng khách hàng và sản lượng nước tiêu thụ đồng thời đẩy nhanh việc cải tạo nâng

cấp đường ống cấp nước, đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục để thực hiện giảm thất thoát nước trên địa bàn quản lý.

– Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán các dự án đã hoàn thành trong năm.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Lê Trọng Thuần

Nơi nhận:
- *Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;*
- *Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;*
- *Ban Kiểm soát;*
- *Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Kế toán trưởng;*
- *Lưu: VT, KHĐT.*

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH THỰC HIỆN NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

(Kèm báo cáo số: 1117 /BC-TH-KHĐT ngày 9 tháng 3 năm 2026)

I/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)	
1	2	3	4	5	6= 5/4	
	A. SẢN XUẤT – KINH DOANH					
1	Nước tiêu thụ theo chuẩn thu sau xử lý	1.000m^3	54.200	53.345	98,42	53.700
2	Doanh thu tiền nước theo chuẩn thu sau xử lý	Tr.đồng	662.270	670.576	101,25	677.694
3	Giá bán bình quân theo chuẩn thu sau xử lý	Đồng/m^3	12.219	12.570	102,87	12.620
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	450	698	155,11	425
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	25.865	25.929	100,25	30.788
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	10	14	140,00	16
7	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,3	12,75	-1,55	12,50
9	Tỷ lệ đồng hồ nước có hóa đơn 0 m^3	%	-	3,88	-	4,79
	B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					
	– Khối lượng	m	3.073	5.794	188,55	3.356
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	22.976	23.376	101,74	23.451

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)	
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	19.078	20.199	105,88	26.400
1	*Phát triển mạng lưới cấp nước cấp 3*					
	– Khối lượng	m	953	1.205	126,44	1.042
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	5.778	4.868	84,25	3.772
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	4.575	5.118	111,87	2.202
2	*Tăng áp, hoàn thiện mạng lưới cấp nước*					
	– Khối lượng	Mét	1.855	760	40,97	280
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	6.491	2.568	39,56	877
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	2.151	1.964	91,31	1.287
3	*Đầu tư thay mới, nâng cấp, sửa chữa ống mục cấp 3*					
	– Khối lượng	Mét	265	715	269,81	0
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	905	2.630	290,61	0
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	2.360	425	18,01	821
4	*Xử lý giao cắt, di dời hệ thống cấp nước*					
	– Khối lượng	Mét	0	3.114	3.114,00	2.034
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	4.640	8.808	189,83	5.642
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	5.159	7.854	152,24	9.540
5	*Dự án ĐTXD khác*					
	– Khối lượng	Mét	0	0	0	0
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	660	0	0	7.160
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	331	532	160,73	6.550
6	*Mua sắm tài sản, thiết bị máy móc*					
	– Khối lượng	Mét	0	0	0	0
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	4.502	4.502	100,00	6.000
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	4.502	4.306	95,65	6.000

II/ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2025			NĂM 2024
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)	THỰC HIỆN
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	192.780.277.437	213.378.515.521	110,68	184.805.203.907
	Trong đó: + Doanh thu hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch	Đồng	126.077.855.323	129.283.596.286	102,54	125.866.008.927
2	Tổng chi phí	Đồng	179.070.277.437	199.380.290.666	111,34	171.810.903.907
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	13.710.000.000	13.998.224.855	102,10	12.994.300.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.174.293.419	10.430.877.926	102,52	9.544.754.031

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025 (sau kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	TÀI SẢN	Năm 2025	Năm 2024
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**131.646.215.217**	**110.703.957.179**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.943.774.303	8.400.685.103
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	55.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	72.620.861.881	32.059.473.007
4	Hàng tồn kho	12.452.912.176	14.469.482.581
5	Tài sản ngắn hạn khác	628.666.857	774.316.488
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**6.711.615.046**	**7.172.354.185**
1	Các khoản phải thu dài hạn	850.000.000	330.000.000
2	Tài sản cố định	5.413.153.160	6.399.208.196
	Tài sản cố định hữu hình	*2.874.462.541*	*4.035.897.022*
	Tài sản cố định vô hình	*2.538.690.619*	*2.363.311.174*
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn		
5	Đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	448.461.886	443.145.989
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**138.357.830.263**	**117.876.311.364**

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2025	Năm 2024
C	**NỢ PHẢI TRẢ**	**75.403.885.750**	**56.206.506.991**
1	Nợ ngắn hạn	75.403.885.750	56.206.506.991
2	Nợ dài hạn		
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**62.953.944.513**	**61.669.804.373**
1	Vốn chủ sở hữu	62.953.944.513	61.669.804.373
1	Vốn góp của chủ sở hữu	62.953.944.513	61.669.804.373
2	Thặng dư vốn cổ phần	93.553.000	93.553.000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		
4	Vốn khác của chủ sở hữu		
5	Cổ phiếu quỹ (*)	(27.200.000)	(27.200.000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
8	Quỹ đầu tư phát triển	2.456.713.587	2.058.697.342
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.430.877.926	9.544.754.031
	_LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		
	_LNST chưa phân phối kỳ này	*10.430.877.926*	*9.544.754.031*
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**138.357.830.263**	**117.876.311.364**

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.462.965.178	179.807.352.160
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.462.965.178	179.807.352.160
4	Giá vốn hàng bán	172.992.512.425	147.934.494.823
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.470.452.753	31.872.857.337
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.202.969.812	2.525.693.077
7	Chi phí tài chính		
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.110.134.372	21.711.319.572
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.563.288.193	12.687.230.842
11	Thu nhập khác	2.712.580.531	2.472.158.670
12	Chi phí khác	2.277.643.869	2.165.089.512
13	Lợi nhuận khác	434.936.662	307.069.158
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.998.224.855	12.994.300.000
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.567.346.929	3.449.545.969
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.430.877.926	9.544.754.031

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	**Bố trí cơ cấu tài sản**			
	Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	95,15	93,92
	Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	4,85	6,08
2	**Bố trí cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	54,50	47,68
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	45,50	52,32
3	**Khả năng thanh toán**			
	Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng TS / Tổng nợ phải trả)	Lần	1,83	2,10
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH / NNH)	Lần	1,75	1,97
	Khả năng thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền/Nợ NH)	Lần	0,13	0,15
4	**Tỷ suất sinh lời**			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,71	7,23
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,00	5,31
5	**Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản**			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	10,93	11,01
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	8,14	8,09
6	**Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân**	%	19,92	18,37

TP.HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Giám đốc
Hồ Ngọc Phối	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Lê Trọng Thuần

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/10/2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025 : 50.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán UpCom với mã chứng khoán là THW.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, T.p Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 3955 5840
Fax : (08) 3955 7977
Mã số thuế : 0 3 1 0 3 5 0 0 6 8

3. Ngành nghề hoạt động

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch	24/04/2025	-
Ông Trần Sĩ Nam	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Lê Trọng Thuần	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Võ Nhật Trân	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Thành viên	26/01/2022	24/04/2025
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025

4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng ban	24/04/2025	-
Ông Lê Hà	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Nguyễn Phương Anh	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Lê Trọng Thuần	Giám đốc	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc	26/01/2022	24/04/2025
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	01/08/2021	-
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	19/04/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	01/01/2025	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Lê Trọng Thuần	Giám đốc	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc	26/01/2022	24/04/2025

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

LÊ TRỌNG THUẦN
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM, Việt Nam
Tel : +84 (28) 3839 4168 **Fax** : +84 (28) 3839 2285
Email : contact@vietvalues.com **Website** : www.vietvalues.com

Số:13036/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong Thuyết minh Báo cáo tài chính như sau:

Tại thuyết minh V.17, Công ty đã di dời và hoàn trả bàn giao khu đất tại 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5 (nay là 95 Phạm Hữu Chí, phường Chợ Lớn) (550 m2/2.495 m2) cho Tổng Công ty theo Biên bản bàn giao ngày 27/02/2026.

Tại thuyết minh V.17, đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. HCM được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong năm, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế khu vực II, tiền thuê đất phát sinh trong kỳ đã nộp là 273.050.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác phát hành ngày lần lượt là 12 tháng 8 năm 2024 và 14 tháng 3 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *VIETVALUES*

Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc	**Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN số: 1512-2023-071-1	*Giấy CNĐKHN số 6307-2023-071-1*
Chữ ký được ủy quyền	

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**131.646.215.217**	**110.703.957.179**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.1**	**9.943.774.303**	**8.400.685.103**
111	1. Tiền		1.943.774.303	2.400.685.103
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	6.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**36.000.000.000**	**55.000.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	36.000.000.000	55.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**72.620.861.881**	**32.059.473.007**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	66.031.678.315	28.567.570.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.635.566.627	170.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	3.953.616.939	3.321.902.549
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.6	**12.452.912.176**	**14.469.482.581**
141	1. Hàng tồn kho		12.452.912.176	14.469.482.581
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**628.666.857**	**774.316.488**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	628.666.857	603.891.565
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	170.424.923
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.711.615.046**	**7.172.354.185**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**850.000.000**	**330.000.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	850.000.000	330.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**5.413.153.160**	**6.399.208.196**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.874.462.541	4.035.897.022
222	*- Nguyên giá*		*24.609.749.876*	*25.463.992.446*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(21.735.287.335)*	*(21.428.095.424)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	2.538.690.619	2.363.311.174
228	*- Nguyên giá*		*10.197.208.000*	*8.894.824.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(7.658.517.381)*	*(6.531.512.826)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		-	-
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		-	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**448.461.886**	**443.145.989**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	385.154.938	376.462.493
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		63.306.948	66.683.496
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**138.357.830.263**	**117.876.311.364**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**75.403.885.750**	**56.206.506.991**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**75.403.885.750**	**56.206.506.991**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	41.620.258.654	24.551.589.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	1.644.279.184	793.777.016
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	6.647.090.455	3.155.555.188
314	4. Phải trả người lao động	V.13	18.097.045.239	19.824.258.232
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	2.156.733.519	3.798.469.132
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	5.238.478.699	4.082.857.568
330	**II. Nợ dài hạn**		-	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.16	**62.953.944.513**	**61.669.804.373**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**62.953.944.513**	**61.669.804.373**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.456.713.587	2.058.697.342
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.430.877.926	9.544.754.031
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		-	
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*10.430.877.926*	*9.544.754.031*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**138.357.830.263**	**117.876.311.364**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
HỒ NGỌC PHỐI	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	LÊ TRỌNG THUẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**208.462.965.178**	**179.807.352.160**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**208.462.965.178**	**179.807.352.160**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	172.992.512.425	147.934.494.823
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**35.470.452.753**	**31.872.857.337**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.202.969.812	2.525.693.077
22	7. Chi phí tài chính		-	
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	
25	8. Chi phí bán hàng		-	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	24.110.134.372	21.711.319.572
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**13.563.288.193**	**12.687.230.842**
31	11. Thu nhập khác	VI.5	2.712.580.531	2.472.158.670
32	12. Chi phí khác	VI.6	2.277.643.869	2.165.089.512
40	**13. Lợi nhuận khác**		**434.936.662**	**307.069.158**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**13.998.224.855**	**12.994.300.000**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	3.567.346.929	3.449.545.969
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**10.430.877.926**	**9.544.754.031**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	VI.7	**785**	**756**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
HỒ NGỌC PHỐI	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	LÊ TRỌNG THUẦN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**13.998.224.855**	**12.994.300.000**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**710.930.079**	**847.143.061**
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8	2.910.934.636	3.372.836.138
03	- Các khoản dự phòng		-	
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.200.004.557)	(2.525.693.077)
06	- Chi phí lãi vay		-	
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**14.709.154.934**	**13.841.443.061**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(41.246.974.647)	9.748.647.163
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.019.946.953	530.391.123
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		17.702.285.924	(1.967.038.926)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(33.467.737)	266.124.314
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(3.419.325.225)	(3.176.889.944)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	251.630.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.992.316.655)	(4.749.015.711)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(15.260.696.453)***	***14.745.291.880***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.782.926.568)	(3.434.373.100)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		13.400.120	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(60.000.000.000)	(82.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	79.000.000.000	79.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.572.112.101	2.668.323.214
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***19.802.585.653***	***(3.766.049.886)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.16	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(2.998.800.000)***	***(2.998.800.000)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**1.543.089.200**	**7.980.441.194**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**8.400.685.103**	**420.243.909**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	V.1	**9.943.774.303**	**8.400.685.103**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
HỒ NGỌC PHỐI	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	LÊ TRỌNG THUẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ
BAN KIỂM SOÁT

Số: 003 /TH-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026.

Về việc đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: - **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa .
- Căn cứ công văn số 1028/TH-KTTC ngày 27/02/2026 về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét bán niên báo cáo tài chính năm 2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 theo quyết định 902/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 11 năm 2025.
- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán.

2. Đề xuất cụ thể về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

Căn cứ các tiêu thức trên và căn cứ 03 bảng chào phí cho dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của 03 công ty (TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam AASCs, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt, Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt), Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt thực hiện soát xét bán niên báo cáo tài chính năm 2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 với mức phí 75.000.000 đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng áp dụng theo quy định hiện hành.

Đính kèm: 03 bảng chào phí cho dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của 03 công ty (TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam AASCs, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt, Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt).

Trân trọng.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Hội đồng quản trị "để báo cáo"
- Ban kiểm soát
- Lưu

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hoàng Thị Xuân Trang

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : **1028**/TTr-TH-KTTC

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc : Chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Kính gửi : BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Mã số doanh nghiệp là 0310350068 : đăng ký lần đầu ngày 06/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/09/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa : theo Khoản 13 Điều 40 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại Nghị quyết số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03/06/2022 về việc Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần thứ IV).

Nay Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đề xuất đến Ban Kiểm soát Công ty báo giá của các đơn kiểm toán như sau : (*có đính kèm bảng báo giá của 03 Công ty*)

TÊN CÔNG TY	MỨC PHÍ KIỂM TOÁN *(Chưa bao gồm GTGT)*
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues*)	75.000.000 đồng
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)	85.000.000 đồng
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	95.000.000 đồng

Kính trình Ban Kiểm soát đề xuất Hội đồng quản trị duyệt chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 (gồm BCTC giữa niên độ thời điểm ngày 30/6 và BCTC kết thúc ngày 31/12) với mức phí kiểm toán (*giá chưa bao gồm thuế GTGT*) là **75.000.000 đồng** (***Bằng chữ : Bảy mươi lăm triệu đồng***) vì :

- Là đơn vị có mức phí kiểm toán thấp nhất
- Là đơn vị có đội ngũ Kiểm toán viên và Chuyên viên giàu kinh nghiệm, từng là đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
- Là đơn vị kiểm toán có kế hoạch công việc chi tiết và rõ ràng.

Trân trọng kính trình./.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310350068 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Trọng Thuần

Nơi nhận :
- *Như trên;*
- *Lưu VT.*

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của JPA International

HỒ SƠ CHÀO GIÁ
VIETVALUES

Dịch vụ:

Soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026

và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
của

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Tp. HCM - Tháng 02/2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của JPA International
Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, Tp.HCM
Tel: +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285
Email: contact@vietvalues.com *Website: www.vietvalues.com*

VIETVALUES

Ngày 13 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: ***- Hội đồng Quản trị***
- Ban Giám đốc
- Ban Kiểm soát

VIETVALUES Lưu	TANHOA_Hosochaogia 2026.docx
Người liên hệ	*Ông Nguyễn Thanh Sang* *Bà Phạm Ngọc Vân Vi*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh

V/v: Thư đề xuất.

Trước tiên, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý vị.

Chúng tôi được biết, Quý vị đang có nhu cầu thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Chúng tôi, **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**

Địa chỉ: **33 Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh**

Điện thoại: **+84 (28) 3859 4168 – 3859 2285**

Đề nghị được thực hiện và hoàn thành nội dung công việc soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo đúng quy định và các cam kết trong Hồ sơ chào giá với tổng giá trị kiểm toán đề xuất là: **75.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).***

Chúng tôi lưu ý rằng mức phí dịch vụ như trên của chúng tôi ***chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng*** *nhưng đã bao gồm các chi phí đi lại và chi phí khác.*

Nhằm đảm bảo yêu cầu cung cấp dịch vụ một cách thỏa đáng cho Quý Công ty, chúng tôi xin gửi kèm theo bản giới thiệu Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) và bản tóm tắt kế hoạch chi tiết phạm vi cung cấp dịch vụ của chúng tôi.

Chúng tôi tin rằng đội ngũ chuyên nghiệp của chúng tôi có đầy đủ chuyên môn cũng như kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực hoạt động của Quý vị.

Trân trọng kính chào,

M.S.D.N: 0303128175 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Hương
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của JPA International
Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, Tp.HCM
Tel: +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285
Email: contact@vietvalues.com *Website: www.vietvalues.com*

1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

VIETVALUES sẽ cung cấp cho Quý vị dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, chi tiết như sau:

1. Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày;
2. Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Với yêu cầu này, chúng tôi sẽ lập kế hoạch, hướng dẫn Quý vị thực hiện công việc trên theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Qua đó, chúng tôi cũng rất vui lòng đề xuất đến Quý vị nội dung chi tiết về phạm vi công việc và mức phí của các dịch vụ mà **VIETVALUES** có thể cung cấp cho Quý vị như sau:

2. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VIETVALUES

Dịch vụ Kiểm toán Báo cáo tài chính chuyên nghiệp của **VIETVALUES** với Quý vị được thực hiện theo các bước sau:

- *Bước 1:* Dựa trên những thông tin đã thu thập được, chúng tôi sẽ:
  - Bố trí nhân viên kiểm toán có đầy đủ chuyên môn cũng như kinh nghiệm phù hợp, phân công công việc trong nhóm và giới thiệu đến Quý Công ty;
  - Thực hiện kiểm tra lại hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán;
  - Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết;
  - Lập chương trình kiểm toán chi tiết.
- *Bước 2:* Chúng tôi sẽ đến văn phòng của Công ty để tiến hành công tác soát xét các số liệu kế toán của 06 tháng đầu năm 2026, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của Quý Công ty. Với quá trình tìm hiểu sơ bộ này, chúng tôi sẽ tập trung vào các vấn đề đáng chú ý trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Quý Công ty.
- *Bước 3:* Dựa trên các cơ sở bằng chứng và tài liệu thu thập được từ việc kiểm tra, soát xét tại văn phòng của Quý Công ty, chúng tôi sẽ:
  - Trao đổi với Ban Giám đốc và bộ phận có liên quan về những vấn đề cần xem xét và các bút toán cần bổ sung hoặc điều chỉnh;
  - Tổng hợp số liệu và lập dự thảo Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2026, trong đó trình bày ý kiến của Kiểm toán viên về mức độ trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính gửi đến Ban Giám đốc Công ty;
  - Phát hành Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2026 ngay sau khi nhận được phúc đáp của Quý Công ty về nội dung dự thảo Báo cáo soát xét đã gửi.

    Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định khác có liên quan.

- *Bước 4:* Chúng tôi sẽ tham gia chứng kiến kiểm kê (nếu có) tại Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2026 (hoặc theo kế hoạch kiểm kê của Quý Công ty).
- *Bước 5:* Ngay sau khi Quý vị hoàn tất Báo cáo tài chính của năm tài chính 2026, chúng tôi sẽ đến văn phòng của Công ty để thực hiện các công việc kiểm toán chính thức cho năm tài chính 2026. Công việc của chúng tôi trong giai đoạn này sẽ tập trung vào việc kiểm tra các số liệu, chứng từ, hồ sơ và sổ sách có liên quan đến các số liệu trên báo cáo, số liệu tài chính do Quý Công ty lập ra. Thu thập các bằng chứng kiểm toán làm căn cứ đưa ra ý kiến của chúng tôi về Báo cáo tài chính do Quý vị lập, chi tiết như sau:
  - Kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu chứng từ, tài liệu liên quan đến các khoản góp vốn, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí xây dựng cơ bản, hàng tồn kho, công nợ, doanh thu, chi phí và các khoản liên quan khác (nếu có);
  - Xác nhận số dư các khoản vay, tiền gửi Ngân hàng và công nợ phải thu, phải trả và các khoản liên quan khác (nếu có);
  - Phân tích sự biến động của các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính và tìm hiểu nguyên nhân của các biến động lớn, bất thường (theo Báo cáo tài chính của đơn vị lập);
  - Phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu liên quan đến tình hình tài sản, tỷ suất lợi nhuận, khả năng thanh toán của Công ty (theo Báo cáo tài chính của đơn vị lập);
  - Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật cũng như các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- *Bước 6:* Dựa trên các cơ sở bằng chứng và tài liệu thu thập được từ việc kiểm toán tại văn phòng của Quý Công ty, chúng tôi sẽ:
  - Trao đổi với Ban Giám đốc và bộ phận có liên quan về những vấn đề cần xem xét và các bút toán cần bổ sung hoặc điều chỉnh;
  - Tổng hợp số liệu và lập các dự thảo Báo cáo kiểm toán, trong đó trình bày ý kiến của Kiểm toán viên về mức độ trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính gửi đến Ban Giám đốc Công ty.
  - Phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty ngay sau khi nhận được phúc đáp của Quý vị về dự thảo Báo cáo kiểm toán đã gửi.
  - Kèm theo đó, nếu cần thiết chúng tôi sẽ đưa ra một Thư quản lý cho Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, trong đó nêu lên các vấn đề yếu kém cũng như sai sót mà chúng tôi phát hiện ra trong quá trình kiểm toán, đồng thời đưa ra các kiến nghị và giải pháp khắc phục.

- **Thời gian kiểm toán dự kiến như sau:**
  - Kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 : 03 ~ 05 ngày làm việc.
  - Tổng hợp & phát hành dự thảo Báo cáo kết quả công tác soát xét giai đoạn 6 tháng đầu 2026 : 10 ~ 15 ngày làm việc.
  - Phát hành Báo cáo soát xét chính thức : 02 ngày sau khi nhận được ý kiến đồng ý của Quý vị về số liệu và nội dung báo cáo soát xét dự thảo đã gửi.
  - Tham gia chứng kiến kiểm kê (dự kiến) : ngày 31/12/2026 (hoặc theo kế hoạch kiểm kê của Quý Công ty).
  - Kiểm toán chính thức giai đoạn 6 tháng cuối năm 2026 : 03 ~ 05 ngày làm việc.
  - Tổng hợp và phát hành dự thảo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2026 : 10 ~ 15 ngày làm việc.

- Phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức : 02 ngày sau khi nhận được ý kiến đồng ý của Quý vị về số liệu và nội dung các báo cáo dự thảo đã gửi.

Thời gian này dựa trên cơ sở Quý vị cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến cuộc kiểm toán.

3. MỨC PHÍ KIỂM TOÁN

Mức phí cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 được nêu tại Mục 1 là: **75.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn)***.

Giá phí trên **chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng** nhưng đã bao gồm các chi phí đi lại và chi phí khác.

4. TRÁCH NHIỆM CÔNG VIỆC

Công việc của chúng tôi thực hiện dựa trên các quy định pháp luật có hiệu lực hiện hành. Trách nhiệm của chúng tôi sẽ được ràng buộc cụ thể trong một Hợp đồng dịch vụ ký kết với Quý vị nếu Thư đề xuất cung cấp dịch vụ được Quý vị chấp thuận. Chúng tôi cũng có trách nhiệm tuyệt đối giữ bí mật các thông tin của Quý vị mà chúng tôi thu thập được trong quá trình thực hiện công việc.

Trách nhiệm của Quý vị là hỗ trợ và cung cấp các thông tin, tài liệu ban đầu cần thiết liên quan đến các công việc nêu trên để đảm bảo chúng tôi có thể hoàn thành công việc trong phạm vi của mình. Trách nhiệm của Quý vị cũng bao gồm việc thanh toán 50% mức phí nêu trên cho chúng tôi nếu Quý vị ký chấp thuận vào Thư đề xuất và hợp đồng kinh tế được ký kết. Phần còn lại Quý vị phải thanh toán sau khi chúng tôi hoàn thành phạm vi công việc.

5. KẾT LUẬN

Với kinh nghiệm và năng lực của đội ngũ nhân viên **VIETVALUES**, chúng tôi tin tưởng rằng **VIETVALUES** sẽ đáp ứng nhu cầu kịp thời cho Quý Công ty trên mọi phương diện hoạt động.

Nếu Quý vị có yêu cầu hay cần trao đổi thêm, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi. Chúng tôi rất sẵn lòng hợp tác với Quý vị.

Chúng tôi mong nhận được sự phúc đáp của Quý vị trong thời gian sớm nhất và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý Công ty đã dành cho công ty Chúng tôi.

Trân trọng kính chào,

M.S.D.N: 0303125175 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Hương

Tổng Giám đốc

PHẦN CHẤP THUẬN THƯ ĐỀ XUẤT CUNG CẤP DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Kính gửi: ***Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)***

33 Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh

Tel +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285

Chúng tôi, **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**, xác nhận đồng ý với Đề xuất cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của **VIETVALUES** với phạm vi công việc và mức phí tương ứng như đã nêu trong Hồ sơ chào giá.

Đại diện **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Tên : .....

Chức vụ : .....

Ngày : .....

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Kết nối - Phát triển

TP. Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 02 năm 2026

KÍNH GỬI : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

(V/v: Đề xuất cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2026)

Thưa Quý vị,

Trước tiên, Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt xin gửi lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng đến Quý vị.

Qua trao đổi, chúng tôi được biết Quý vị đang có nhu cầu soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2026.

Sau khi tìm hiểu sơ bộ đặc điểm tình hình hoạt động, công tác tài chính kế toán và đánh giá hệ thống quản trị của Công ty, chúng tôi xin trình bày khái quát phạm vi kiểm toán và đề xuất phí soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2026 của Công ty như sau:

1. Phạm vi dịch vụ

- Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 và phát hành Báo cáo soát xét.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2026 và phát hành Báo cáo kiểm toán.

2. Trình tự kiểm toán

Trình tự kiểm toán được thực hiện bao gồm:

- Chuẩn bị kiểm toán và lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm tra, soát xét số liệu tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026
- Tổng hợp và phát hành Báo cáo kết quả công tác soát xét
- Tham gia chứng kiến kiểm kê (nếu có)
- Thực hiện kiểm toán chính thức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
- Tổng hợp và phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức.

3. Phí kiểm toán

Trên cơ sở đánh giá tính chất, khối lượng công việc thực hiện, chúng tôi đề xuất mức phí kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là **95.000.000 Đồng** (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng)

Công ty Kiểm toán Nhân Tâm Việt kính mong nhận được sự chấp thuận của Quý Công ty.

Trân trọng,

Công ty Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

M.S.D.N: 0102038442 - C.T.N
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

AASCS
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 37 /BG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2026

***Kính gửi*: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Về việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026
của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

Trước hết chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý Công ty đối với các dịch vụ do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) cung cấp. Được sự đồng ý của Quý Công ty, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã cử kiểm toán viên trao đổi nội dung công việc có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026 của **Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa**.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2026 của Quý Công ty sẽ thực hiện theo nội dung cụ thể sau:

- Kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026, gồm:
  + Thực hiện việc kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026;
  + Phát hành báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2026;
- Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026, gồm:
  + Thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;
  + Phát hành báo cáo kiểm toán năm 2026;
- Cử người tham gia chứng kiến kiểm kê tiền, vật tư, tài sản cố định tại ngày 31/12/2026.

Căn cứ tính chất, khối lượng công việc và yêu cầu trách nhiệm cao, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) xin thông báo giá phí để thực hiện dịch vụ trên là: **85.000.000 đồng** (*bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn*),.

Giá phí trên **chưa** bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá phí chúng tôi nêu trên đây là mức phí đã tính toán với tinh thần xem Quý Công ty là một trong những khách hàng thân hữu và cộng tác lâu dài với đơn vị của chúng tôi.

msi Global Alliance
A Member of Independent Legal & Accounting Forum
29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Thưa Quý Công ty,

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự hiểu biết chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) sẽ làm vừa lòng Quý Công ty bằng việc cung cấp những dịch vụ có chất lượng cao nhất và tinh thần phục vụ tận tụy. Chúng tôi rất hân hạnh được phục vụ Quý Công ty và mong sớm nhận được ý kiến của Quý Công ty.

Nếu Quý vị muốn biết thêm thông tin và có yêu cầu phục vụ, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi:

Trân trọng kính chào.

ĐỖ KHẮC THANH
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ
BAN KIỂM SOÁT

Số: 004 /TH-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026.

Về việc báo cáo chi phí hoạt động năm 2025 và đề xuất dự toán ngân sách hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm Soát

Kính gửi: - **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa.
- Căn cứ Nghị quyết số 001/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa.

Theo điều 172 Luật doanh nghiệp- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.

Nay Ban Kiểm Soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ngân sách hoạt động năm 2025 và dự toán ngân sách hoạt động năm 2026 (không bao gồm tiền lương và thù lao) của Ban kiểm soát như sau:

STT	Nội Dung	Số tiền kế hoạch năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền thực chi năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền đề nghị năm 2026 (chưa bao gồm thuế GTGT)	So sánh TH2025 và KH 2025	So sánh KH2026 và KH 2025	Ghi chú
	1	2	3	4	5 = 3/2	6 = 4/2	
1	Chi phí tiền cơm của Trưởng Ban Kiểm Soát	27.170.000	14.630.000	30.000.000	53,85%	110,42%	Theo thực tế phát sinh
2	Chi phí đồng phục của Trưởng Ban Kiểm Soát	10.000.000	5.555.000	10.000.000	55,55%	100,00%	Theo thực tế phát sinh

STT	Nội Dung	Số tiền kế hoạch năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền thực chi năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền đề nghị năm 2026 (chưa bao gồm thuế GTGT)	So sánh TH2025 và KH 2025	So sánh KH2026 và KH 2025	Ghi chú
3	Chi phí cước điện thoại của Trưởng Ban Kiểm Soát	7.200.000	3.818.184	7.200.000	53,03%	100,00%	Theo thực tế phát sinh
4	Chi phí tiền xăng Ban kiểm soát	6.540.000	4.260.000	6.000.000	65,14%	91,74%	Theo thực tế phát sinh
5	Chi phí bảo hiểm và khám sức khỏe của Trưởng Ban Kiểm Soát	6.500.000	7.322.500	8.000.000	112,65%	123,08%	Theo thực tế phát sinh
6	Chi phí bảo hiểm nhân thọ của Trưởng Ban Kiểm Soát	10.300.000	10.187.059	10.300.000	98,90%	100,00%	Theo thực tế phát sinh
7	Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng	80.000.000	26.280.000	60.000.000	32,85%	75,00%	Theo thực tế phát sinh, dự kiến năm 2026 sẽ mua bàn ghế tủ cho Trưởng Ban Kiểm Soát do di dời văn phòng làm việc
8	Chi phí họp	22.600.000	29.300.000	30.000.000	129,65%	132,74%	Theo thực tế phát sinh

STT	Nội Dung	Số tiền kế hoạch năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền thực chi năm 2025 (chưa bao gồm thuế GTGT)	Số tiền đề nghị năm 2026 (chưa bao gồm thuế GTGT)	So sánh TH2025 và KH 2025	So sánh KH2026 và KH 2025	Ghi chú
9	Chi phí nghỉ mát của Trưởng Ban Kiểm Soát	15.000.000	13.000.000	15.000.000	86,67%	100,00%	Theo thực tế phát sinh
10	Chi phí học tập của Ban Kiểm Soát	45.000.000	1.000.000	45.000.000	2,22%	100,00%	Theo thực tế phát sinh
11	Chi phí khác liên quan hoạt động của Ban Kiểm Soát	20.000.000	5.738.060	20.000.000	28,69%	100,00%	Theo thực tế phát sinh
	Cộng	**250.310.000**	**121.090.803**	**241.500.000**			

Riêng chi phí tiền lương và thù lao của Ban Kiểm Soát sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận :
- Như trên;
- HĐQT "để báo cáo"
- Các TV BKS;
- Lưu

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Hoàng Thị Xuân Trang

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **46**/TTr-TH-HĐQT

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 010/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 11/QĐ-TH-HĐQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về một số nội dung như sau:

I. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2026:

Thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2026	GHI CHÚ
A	**SẢN XUẤT- KINH DOANH**			
1	Nước tiêu thụ theo chuẩn thu sau xử lý	1.000m^3	53.700	
2	Doanh thu tiền nước theo chuẩn thu sau xử lý	Tr.đồng	677.694	
3	Giá bán bình quân theo chuẩn thu sau xử lý	Đồng/m^3	12.620	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	425	
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	30.788	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2026	GHI CHÚ
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	16	
7	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,50	
9	Tỷ lệ đồng hồ nước có hóa đơn sử dụng tiền nước 0m^3	%	4,79	
B	**TÀI CHÍNH**			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	213.406	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.518	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.834	
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	
5	Số vốn phân phối các quỹ	Triệu đồng	7.836	
6	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	52.783	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế TNDN trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,53	

➢ Đầu năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đệ trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Tuy nhiên, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm có thể biến động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua một số chỉ tiêu cơ bản trên, đồng thời, ủy quyền Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2026 (nếu có) tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị; giao Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch được giao, đảm bảo kế hoạch tài chính và phấn đấu lợi nhuận thực hiện năm 2026 có sự tăng trưởng.

II. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được như sau:

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp : 13.998.224.855 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 3.567.346.929 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 10.430.877.926 đồng
- Tổng lợi nhuận phân phối và chia cổ tức : 10.430.877.926 đồng

Căn cứ quy định của Điều lệ Công ty và tình hình kinh doanh thực tế của Công ty cũng như kết quả hoạt động năm 2025, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định phân chia phần lợi nhuận đạt được của năm 2025 như sau:

1. Chia cổ tức 6,0% /mệnh giá cổ phiếu (28,75%) : 2.998.800.000 đồng
2. Quỹ đầu tư phát triển (4,17%) : 434.967.612 đồng
3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (61,81%) : 6.447.697.758 đồng

4. Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT (5,27%) : 549.412.556 đồng

➢ Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo việc chi trả cổ tức, quỹ thưởng Ban Điều hành theo quy định.

III. Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

1. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2025:

Thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2025 là **360.000.000 đồng**, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng/ tháng)	Thời gian hưởng (tháng)
I - Thành viên hội đồng:				
1	Nguyễn Mười	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
2	Lê Trọng Thuần	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
3	Nguyễn Thanh Sử	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
4	Trần Thị Thanh Tâm	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
5	Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
6	Võ Nhật Trân	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
7	Lê Minh Châu	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
8	Trần Sĩ Nam	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
Tổng cộng thù lao chi trả cho Thành viên hội đồng trong năm 2025: 264.000.000 đồng				
II – Kiểm soát viên:				
1	Trần Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	4.000.000	01/01/2025 - 24/04/2025
2	Nguyễn Phương Anh	Kiểm soát viên	4.000.000	24/04/2025 - 31/12/2025
3	Trần Thị Châu Giang	Kiểm soát viên	4.000.000	01/01/2025 - 24/04/2025
4	Lê Hà	Kiểm soát viên	4.000.000	24/04/2025 - 31/12/2025
Tổng cộng thù lao chi trả cho Kiểm soát viên trong năm 2025: 96.000.000 đồng				

2. Kế hoạch chi trả thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026: **456.000.000 đồng**

- Thành viên hội đồng : 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Kiểm soát viên : 5.000.000 đồng/người/tháng.

3. Tổng tiền lương thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách Công ty năm 2025 là **914.838.277 đồng** và quỹ tiền lương thực hiện của Ban Điều hành năm 2025 là **2.021.637.060 đồng**

Trong đó, mức tiền lương bình quân hàng tháng như sau:

- Mức tiền lương Chủ tịch HĐQT : 51.950.110 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
- Mức tiền lương Giám đốc : 46.739.513 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
- Mức tiền lương PGĐ Kinh doanh : 41.270.527 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
- Mức tiền lương PGĐ Kỹ thuật : 41.270.527 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
- Mức tiền lương Trưởng BKS : 41.633.851 đồng (từ tháng 06/2025 – 12/2025)
- Mức tiền lương Kế toán trưởng : 39.189.188 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)

4. Tổng tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách Công ty năm 2026 là 1.123.007.532 đồng và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban Điều hành năm 2026 là 2.021.637.060 đồng *(Công ty đang xây dựng mức tiền lương kế hoạch 2026 bằng thực hiện năm 2025)*

➢ Tiền lương thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách và Ban Điều hành Công ty sẽ được chi theo Quy chế trả lương, trả thưởng đối với Người quản lý Công ty.

➢ Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời giao Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi Giám đốc thực hiện điều chỉnh các số liệu về việc chi trả chi trả tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo ý kiến thẩm định (nếu có) của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty mẹ).

IV. Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Hội đồng quản trị báo cáo và đệ trình Đại hội đồng cổ đông về việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (*là tổ chức có 04 người đại diện vốn góp tham gia Hội đồng quản trị)*, như sau:

1. Đối với Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2025:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa báo cáo về việc đã triển khai ký kết Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 320/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 13/01/2025, Bản thỏa thuận hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch ngày 16/01/2025 và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 418/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với hệ số dịch vụ năm 2025 là 0,1914. Tổng giá trị thực hiện của hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 418/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/01/2025 là 129.283.596.286 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

2. Đối với Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/04/2025 thông qua Nghị quyết số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ trong đó tại khoản 10.3 Điều 1 Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo và giao Giám đốc Công ty ký Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026 với hệ số dịch vụ năm 2026 là **0,1914.** Tuy nhiên, để việc vận hành Công ty được xuyên suốt thông qua giao dịch chính về dịch vụ cấp nước từ đầu năm, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã triển khai ký kết với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 763/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 20/01/2026, Bản thỏa thuận hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch ngày ngày 29/01/2026 và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 1112/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 29/01/2026 với hệ số dịch vụ năm 2026 là **0,2005**. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông:

- Chấp thuận hợp đồng số 763/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 20/01/2026 và hợp đồng số 1112/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 29/01/2026 với hệ số dịch vụ năm 2026 là **0,2005**.

- Giao cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch trước khi Giám đốc triển khai ký kết các phụ lục hợp đồng.

3. Đối với Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2027:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2027 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Giao cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch trước khi Giám đốc triển khai ký kết và thực hiện.

Đính kèm: Dự thảo hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch.

4. Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025:

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 05/09/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường (hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa báo cáo về việc đã triển khai ký kết Hợp đồng số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18/03/2025 về việc thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025, Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19/06/2025, Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/09/2025, Phụ lục hợp đồng số 8449/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với giá trị thực hiện

là 44.365.961.548 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT), số liệu doanh thu thay đồng hồ nước theo báo cáo tài chính năm 2025 trước kiểm toán.

5. Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2026:

- Báo cáo và đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận Hợp đồng số 2059/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với tổng số lượng đồng hồ là 30.804 cái (bao gồm 30.788 cái cỡ nhỏ và 16 cái cỡ lớn) theo đơn giá được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính trung thực và tính hợp pháp trong việc xây dựng số liệu thay đồng hồ nước đảm bảo tuân thủ quy định về niên hạn và các quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Công ty; đồng thời, đảm bảo việc triển khai, thực hiện không ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Giao cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ trước khi Giám đốc triển khai ký kết các Phụ lục hợp đồng.

6. Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2027:

- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2027 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính trung thực và tính hợp pháp trong việc xây dựng số liệu thay đồng hồ nước đảm bảo tuân thủ quy định về niên hạn và các quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Công ty.

- Giao Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hợp đồng, phụ lục hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ trước khi Giám đốc triển khai ký kết và thực hiện.

Đính kèm: Dự thảo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2027.

V. Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình quản trị thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Lần V) với các nội dung trọng tâm sau:

1. **Sửa đổi thông tin địa giới hành chính (Khoản 3, 4 Điều 2 Điều lệ hiện hành)**: Sửa đổi, bổ sung thông tin địa giới hành chính nhằm đảm bảo tính thống nhất với việc sắp xếp đơn vị hành chính của nhà nước và phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thực tế của Công ty.

2. **Điều chỉnh quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Bãi bỏ Khoản 8 Điều 6 Điều lệ hiện hành):**

- Theo Khung Điều lệ được quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Nghị quyết số 41/NQ-TCT-HĐTV ngày 01/06/2021 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty không có nội dung quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định "*Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty*". Do đó, năm 2022 Công

ty đã giữ nguyên nội dung tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Điều lệ 2018 để đưa vào Điều lệ 2022.

- Nhưng hiện nay cập nhật theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 11/09/2025) đã chính thức **bãi bỏ** điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP nêu trên. Nên việc giữ lại cụ thể tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài (25%) trong Điều lệ Công ty không còn phù hợp. Vì vậy, Công ty đề nghị bãi bỏ khoản 8 Điều 6 trong Điều lệ hiện hành.

- Bên cạnh đó, Công ty sẽ có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 139 và Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP theo đúng trình tự pháp luật, đảm bảo tính hợp pháp và tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản lý tỷ lệ sở hữu nước ngoài; và thực hiện Công bố thông tin theo quy định sau khi có xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

3. **Hoàn thiện quy định về quản lý và sử dụng con dấu (Điều 54 Điều lệ hiện hành):** Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Điều lệ hiện hành *"Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số"* do đó việc thực hiện điều chỉnh khoản 3 và bổ sung các khoản 4, 5 nhằm quy định rõ quy trình quản lý, sử dụng và phân định trách nhiệm đối với chữ ký số (Token/HSM), giúp tối ưu hóa hiệu quả vận hành và phòng ngừa rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp trong giao dịch điện tử và phù hợp với chuyển đổi số của doanh nghiệp.

(Chi tiết các nội dung sửa đổi được thể hiện tại Bảng tổng hợp đính kèm).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định:

1. Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần V) gồm 21 chương và 59 điều với các nội dung chi tiết tại bảng dự thảo đính kèm.

2. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế hoàn toàn Điều lệ Công ty đã ban hành ngày 03/06/2022.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành và các vấn đề liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.VT.HĐQT (P).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0310350068 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Ngọc Luyến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN
Dịch vụ phân phối nước sạch

Số: 320 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN ỦY QUYỀN: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN-TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (sau đây gọi là Bên A)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 8 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.
Mã số thuế : 0301129367
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.
Theo giấy Ủy quyền: Số 8199/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 13/12/2024 của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA (sau đây gọi là Bên B)

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977
Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.
Mã số thuế : 0310350068
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01/06/2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.
Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi uỷ quyền.

1.1. Bên A ủy quyền và cho Bên B dùng tư cách pháp nhân và con dấu của mình để nhân danh Bên A xác lập, thực hiện trên địa bàn quận Tân Bình; quận Tân Phú (ngoại trừ phường Phú Trung) và một phần phường 09, 10 quận Phú Nhuận các công việc sau:

1.1.1 Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền; thay, nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước.

1.1.2 Lập và thực hiện các kế hoạch phát triển khách hàng căn cứ vào năng lực cung cấp và khả năng tiêu thụ nước trên địa bàn. Thực hiện xin phép đào đường, thi công, lắp đặt đồng hồ nước.

1.1.3 Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa mạng lưới cấp nước (bao gồm: đường ống, các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước, đồng hồ nước khách hàng) và thực hiện giảm thất thoát nước, thất thu trên địa bàn, nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng an toàn, liên tục, đạt chất lượng theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.1.4 Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

Điều 2. Thời hạn uỷ quyền.

2.1. Hợp đồng ủy quyền này thực hiện từ ngày **01** tháng **01** năm **2025** đến ngày **31** tháng **12** năm **2025.**

2.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

3.1.1. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

3.1.2. Yêu cầu Bên B thông báo về việc thực hiện công việc theo ủy quyền.

3.1.3. Yêu cầu Bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ thực hiện công việc ủy quyền.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

3.2.1. Thực hiện công việc trong phạm vi được uỷ quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó.

3.2.2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện uỷ quyền về thời hạn, phạm vi uỷ quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi uỷ quyền.

3.2.3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc uỷ quyền.

3.2.4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền.

3.2.5. Giao lại cho Bên A những lợi ích thu được trong khi thực hiện ủy quyền.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng

4.1. Giá trị Hợp đồng này bằng 0

4.2. Hợp đồng này là cơ sở để triển khai các Hợp đồng trong năm 2025: Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch; Hợp đồng gắn mới đồng hồ nước; Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ; Hợp đồng thực hiện công tác phục vụ vận hành mạng lưới và giảm thất thoát nước; Hợp đồng thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (PMC).

Điều 5: Điều khoản chung.

5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

5.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi nghĩa vụ của một hoặc hai bên, sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.

5.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa.

5.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	Nguyễn Mười

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

BẢN THỎA THUẬN
Về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng uỷ quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 287 /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 10 tháng 04 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày   tháng   năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.
Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.
Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.
Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Theo giấy Ủy quyền: Số 8198/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 13/12/2024 của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01/06/2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2025 giữa hai bên như sau:

Điều 1. Nội dung thỏa thuận.

1.1. Về nội dung Hợp đồng:

Hai bên thống nhất Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2025 bao gồm các điều khoản sau:

- Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.
- Khối lượng công việc.
- Chất lượng công việc.
- Giá trị Hợp đồng.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện Hợp đồng.
- Điều khoản chung.
- Lịch đọc số năm 2025 tại Phụ lục 1.

1.2. Về hệ số Hợp đồng:

Hai bên thống nhất hệ số Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2025 là: **0,1914**.

1.3. Về thời gian thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2025** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2025**.

Điều 2.Thực hiện thỏa thuận:

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng mới với các nội dung như đã trình bày ở trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
Đặng Đức Hiển	Nguyễn Mười

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: 418 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng uỷ quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 287 /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày tháng năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 8198/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 13/12/2024 của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01/06/2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số; thu tiền.

1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật hoạ đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); cắt nước, mở nước,....

1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn Quận Tân Bình, Quận Tân Phú (ngoại trừ phường Phú Trung) và một phần phường 9, 10 Quận Phú Nhuận.

Điều 2: Khối lượng công việc.

2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.

2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hằng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được

thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2025. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo Hợp đồng này.

2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2025 và tiền nước thu được của năm 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được qui định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2.4. Trong trường hợp Bên A có thực hiện chương trình miễn, giảm tiền nước cho khách hàng thì khối lượng công việc được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 trước chương trình miễn giảm tiền nước.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1 Chất lượng nước sạch cung cấp:

3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế.

3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.

3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.

3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này.

3.2 Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.

3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.

3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh hệ số hợp đồng trong Điều 4 của hợp đồng này.

3.2.4 Kết quả lũy kế tỷ lệ % thực thu tiền nước/chuẩn thu 02 trong năm của Bên B phải đạt trên 99%.

Điều 4: Giá trị hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính:

$$GTTT = (HS_{2025} \times DT_{2025}) + (HS_{2024} \times DT_{2024}) + (HS_{2023} \times DT_{2023}) + (HS_{2022} \times DT_{2022}) + (HS_{2021} \times DT_{2021}) + (HS_{2020} \times DT_{2020}) + (HS_{2019} \times DT_{2019})$$

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo qui định hiện hành)

Trong đó:

- GTTT: Là giá trị thanh toán
- HS_{2025}: Hệ số dịch vụ năm 2025: 0,1914.
- HS_{2024}: Hệ số dịch vụ năm 2024: 0,1914.
- $HS_{2023;2022;2021;2020;2019}$: Hệ số dịch vụ năm 2023; 2022; 2021; 2020; 2019: 0,1822
- DT_{2025}: Là doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2025, được nêu tại khoản 2.3 điều 2.
- DT_{2024}; DT_{2023}; DT_{2022}; DT_{2021}; DT_{2020}; DT_{20219}: Là doanh thu tiền nước thu được từ tiền nước (tồn thu) của năm 2024; 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019 được nêu tại khoản 2.3 điều 2.
- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2: Là thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước,... được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2025.

Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2025, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản.

4.2. Trường hợp trong tháng Bên B thu tiền nước không đạt tỷ lệ 80% của chuẩn thu 2 được nêu tại điều 5 của hợp đồng thì hai bên sẽ cùng xem xét.

- Bên B trình bày lý do thu tiền nước không đạt tỷ lệ trên (do khách quan).

+ Nếu được Bên A chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu tiền nước không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính như sau:

Giá trị thanh toán = hệ số dịch vụ x doanh thu tiền nước thu được thực tế của chuẩn thu 02.

+ Nếu Bên A không chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính theo điều 5 của hợp đồng.

Việc trình bày của Bên B và/chấp nhận hoặc không chấp nhận của Bên A phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng ***02 đợt*** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được tiền nước trong tháng đạt 80% của chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của Hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1. Điều này làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh hệ số hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

7.1.1 Thanh toán tiền Hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.1.2 Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

7.1.3 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.1.4 Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.1.5 Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.

7.1.6 Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.

7.1.7 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.1.8 Phát hành và quản lý hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.9 Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1 điều 6 của Hợp đồng này.

7.1.10 Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

7.2.1 Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2.2 Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	**Số Tài khoản**	**Mở tại**
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Tân Bình Dương

Sau mỗi cuối ngày làm việc Bên B phải đồng bộ dữ liệu trong trạng thái "đã nộp tiền" trên hóa đơn điện tử tiền nước lên hệ thống hóa đơn điện tử của Bên A, để khách hàng lấy được hóa đơn.

7.2.3 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ 3 có Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.2.4 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.

7.2.5 Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.2.6 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.2.7 Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.2.8 Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

7.3.2 Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.

7.3.3 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:

8.1.1. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, trở ngại khách quan do địch bệnh.

8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.

8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch.

8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.

8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gởi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện Hợp đồng.

9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2025** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2025**.

9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết Hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong Hợp đồng kế tiếp.

10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	Nguyễn Mười

PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2025 (Do Bên B xây dựng).
15 ĐỢT (Có đọc ngày thứ 7-CN)

Tháng / Đợt	Tháng 1		Tháng 2		Tháng 3		Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày
1	2/1.	31	2/2.	31	2/3.	28	2/4.	31	2/5.	30	2/6.	31	2/7.	30	2/8.	31	2/9.	31	2/10.	30	2/11.	31	2/12.	30
2	3	31	3	31	3	28	3	31	3	30	3	31	3	30	3	31	3	31	3	30	3	31	3	30
3	4	31	4	31	4	28	4	31	4	30	4	31	4	30	4	31	4	31	4	30	4	31	4	30
4	5	31	5	31	5	28	5	31	5	30	5	31	5	30	5	31	5	31	5	30	5	31	5	30
5	6	31	6	31	6	28	6	31	6	30	6	31	6	30	6	31	6	31	6	30	6	31	6	30
6	7	31	7	31	7	28	7	31	7	30	7	31	7	30	7	31	7	31	7	30	7	31	7	30
7	9	31	9	31	9	28	9	31	9	30	9	31	9	30	9	31	9	31	9	30	9	31	9	30
8	10	31	10	31	10	28	10	31	10	30	10	31	10	30	10	31	10	31	10	30	10	31	10	30
9	11	31	11	31	11	28	11	31	11	30	11	31	11	30	11	31	11	31	11	30	11	31	11	30
10	12	31	12	31	12	28	12	31	12	30	12	31	12	30	12	31	12	31	12	30	12	31	12	30
11	14	31	14	31	14	28	14	31	14	30	14	31	14	30	14	31	14	31	14	30	14	31	14	30
12	15	31	15	31	15	28	15	31	15	30	15	31	15	30	15	31	15	31	15	30	15	31	15	30
13	16	31	16	31	16	28	16	31	16	30	16	31	16	30	16	31	16	31	16	30	16	31	16	30
14	17	31	17	31	17	28	17	31	17	30	17	31	17	30	17	31	17	31	17	30	17	31	17	30
15	18	31	18	31	18	28	18	31	18	30	18	31	18	30	18	31	18	31	18	30	18	31	18	30
Tổng		**465**		**465**		**420**		**465**		**450**		**465**		**450**		**465**		**465**		**450**		**465**		**450**
BQ		**31,0**		**31,0**		**28,0**		**31,0**		**30,0**		**31,0**		**30,0**		**31,0**		**31,0**		**30,0**		**31,0**		**30,0**

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Hôm nay, ngày … tháng … năm ……., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A : Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Do Ông: Đặng Đức Hiền - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

- Do Ông/Bà: …… - Chức vụ: ……..

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- ***Từ chuẩn thu 02 của kỳ …năm 2025:..... đồng (1)***
- ***Từ tồn thu các kỳ hóa đơn trước đó của năm 2025 (tồn thu): …….đồng (2)***
- ***Từ số tiền nước năm 2024 (tồn thu): …….đồng (3)***
- ***Từ số tiền nước năm 2023 (tồn thu): …….đồng (4)***
- ***Từ số tiền nước năm 2022 (tồn thu): …….đồng (5)***
- ***Từ số tiền nước năm 2021 (tồn thu) (6)***
- ***Từ số tiền nước năm 2020 (tồn thu) (7)***
- ***Từ số tiền nước năm 2019 (tồn thu) (8)***
- ***Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) = ……đồng***

(Đính kèm bảng tổng hợp số tiền nước thu được trong tháng)

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CT CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

Số : /TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ..... ngày ..... .
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm ....., ngày ....giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

Hệ số ..... x Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 2) và tiền nước thu được của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 chưa thu được (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải)

Thuế giá trị gia tăng theo qui định hiện hành = ...đồng

Số tiền thanh toán: ..... đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng*(Nếu có)*:.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán: .....(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN
Dịch vụ phân phối nước sạch
Số: 763 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025 và Công văn số 205/UBND-ĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2025, giai đoạn tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN ỦY QUYỀN: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (sau đây gọi là Bên A)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 8 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8378/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA (sau đây gọi là Bên B)

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi ủy quyền.

Bên A ủy quyền và cho Bên B dùng tư cách pháp nhân và con dấu của mình để nhân danh Bên A xác lập, thực hiện trên địa bàn gồm 11 phường: Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn (một phần Phường Phú Nhuận), Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú và Phú Thạnh các công việc sau:

1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền; thay, nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước.

1.2. Lập và thực hiện các kế hoạch phát triển khách hàng căn cứ vào năng lực cung cấp và khả năng tiêu thụ nước trên địa bàn. Thực hiện xin phép đào đường, thi công, lắp đặt đồng hồ nước.

1.3. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa mạng lưới cấp nước (bao gồm: đường ống, các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước, đồng hồ nước khách hàng) và thực hiện giảm thất thoát nước, thất thu trên địa bàn, nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng an toàn, liên tục, đạt chất lượng theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.4. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng quy định pháp luật; đại diện Bên A tham gia giải quyết tranh chấp với khách hàng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền.

2.1. Hợp đồng ủy quyền này thực hiện từ ngày **01** tháng **01** năm **2026** đến ngày **31** tháng **12** năm **2026.**

2.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết Hợp đồng mới.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

3.1.1. Chịu trách nhiệm về cam kết đo Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

3.1.2. Yêu cầu Bên B thông báo về việc thực hiện công việc theo ủy quyền.

3.1.3. Yêu cầu Bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ thực hiện công việc ủy quyền.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

3.2.1. Thực hiện công việc trong phạm vi được ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó.

3.2.2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.

3.2.3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.

3.2.4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền.

3.2.5. Giao lại cho Bên A những lợi ích thu được trong khi thực hiện ủy quyền.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng.

4.1. Giá trị Hợp đồng này bằng 0.

4.2. Hợp đồng này là cơ sở để triển khai các Hợp đồng trong năm 2026: Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch; Hợp đồng về việc thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử; Hợp đồng gắn mới đồng hồ nước; Hợp đồng thay đồng hồ nước; Hợp đồng thực hiện công tác phục vụ vận hành mạng lưới và giảm thất thoát nước; Hợp đồng thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (PMC).

Điều 5. Điều khoản chung.

5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

5.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của một hoặc hai bên, sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.

5.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa.

5.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
Đặng Đức Hiển	*Lê Trọng Thuần*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2026

BẢN THỎA THUẬN
Về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD, ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 763 /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 20 tháng 1 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 1 năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỂN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220431101100192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026 giữa hai bên như sau:

Điều 1. Nội dung thỏa thuận.

1.1. Về nội dung Hợp đồng:

Hai bên thống nhất Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026 bao gồm các điều khoản sau:

- Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.
- Khối lượng công việc.
- Chất lượng công việc.
- Giá trị Hợp đồng.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện Hợp đồng.
- Điều khoản chung.
- Lịch đọc số năm 2026 tại Phụ lục 1.

1.2. Về hệ số Hợp đồng:

Hai bên thống nhất hệ số Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026 là: **0,2005**.

1.3. Về thời gian thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2026** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2026**.

Điều 2. Thực hiện thỏa thuận:

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng mới với các nội dung như đã trình bày ở trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	Lê Trọng Thuần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2026

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: 1112 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD, ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 763 /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 20 tháng 1 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày tháng năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 1 năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số; thu tiền.

1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật họa đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); cắt nước, mở nước,...

1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng quy định pháp luật; đại diện Bên A tham gia giải quyết tranh chấp với khách hàng tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại Khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn gồm 11 phường: Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn, (một phần Phường Phú Nhuận), Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú và Phú Thạnh.

Điều 2: Khối lượng công việc.

2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 (Chuẩn thu 02: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại Khoản 1.2 Điều 1.

2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hằng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy

thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31 tháng 12 năm 2026. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại Khoản 1.2 Điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo Hợp đồng này.

2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của năm 2026 và tiền nước thu được của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2.4. Trong trường hợp Bên A có thực hiện chương trình miễn, giảm tiền nước cho khách hàng thì khối lượng công việc được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 trước chương trình miễn giảm tiền nước.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1. Chất lượng nước sạch cung cấp:

3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng đạt tiêu chuẩn theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế ban hành kèm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1 : 2024/BYT) và việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (Thông tư số: 52/2024/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2024) và Quyết định số 1164/QĐ-TCT-QLCLN ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tổng Công ty về việc ban hành Tiêu chuẩn chất lượng áp dụng đối với sản phẩm nước sạch của các nhà máy nước và trạm xử lý hòa vào mạng cung cấp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.

3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của Hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.

3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

3.2. Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.

3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.

3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh hệ số Hợp đồng trong Điều 4 của Hợp đồng này.

3.2.4. Kết quả lũy kế tỷ lệ % thực thu tiền nước/chuẩn thu 02 trong năm của Bên B phải đạt trên 99%.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính:

$$GTTT = (HS_{2026} \times DT_{2026}) + (HS_{2025} \times DT_{2025}) + (HS_{2024} \times DT_{2024}) + (HS_{2023} \times DT_{2023}) + (HS_{2022} \times DT_{2022}) + (HS_{2021} \times DT_{2021}) + (HS_{2020} \times DT_{2020}) + (HS_{2019} \times DT_{2019})$$

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo quy định hiện hành)

Trong đó:

- GTTT: Là giá trị thanh toán
- HS_{2026}: Hệ số dịch vụ năm 2026: 0,2005.
- HS_{2025}: Hệ số dịch vụ năm 2025: 0,1914.
- HS_{2024}: Hệ số dịch vụ năm 2024: 0,1914.
- $HS_{2023; 2022; 2021; 2020; 2019}$: Hệ số dịch vụ năm 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019: 0,1822.
- DT_{2026}: Là doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của năm 2026, được nêu tại Khoản 2.3 điều 2.
- DT_{2025}; DT_{2024}; DT_{2023}; DT_{2022}; DT_{2021}; DT_{2020}; DT_{2019}: Là doanh thu tiền nước thu được từ tiền nước (tồn thu) của năm 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019 được nêu tại Khoản 2.3 điều 2.
- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02: Là thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước,... được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2026.

Vào cuối năm, hai bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2026, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản.

4.2. Trường hợp trong tháng Bên B thu tiền nước không đạt tỷ lệ 80% của chuẩn thu 02 được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng thì hai bên sẽ cùng xem xét.

Bên B trình bày lý do thu tiền nước không đạt tỷ lệ trên (do khách quan).

- Nếu được Bên A chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu tiền nước không đạt 80% của chuẩn thu 02 được tính như sau:

Giá trị thanh toán = hệ số dịch vụ x doanh thu tiền nước thu được thực tế của chuẩn thu 02.

- Nếu Bên A không chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu không đạt 80% của chuẩn thu 02 được tính theo Điều 5 của Hợp đồng.

Việc trình bày của Bên B được chấp nhận hoặc không chấp nhận của Bên A phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng ***02 đợt*** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được tiền nước trong tháng đạt 80% của chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

6.1.1. Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

6.1.2. Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.3. Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4. Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của Hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu tại Khoản 6.1. Điều này làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh hệ số hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

7.1.1. Thanh toán tiền Hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.1.2. Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

7.1.3. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.1.4. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.1.5. Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.

7.1.6. Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.

7.1.7. Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.1.8. Phát hành và quản lý hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.9. Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại Khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng này.

7.1.10. Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

7.2.1. Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2.2. Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	**Số Tài khoản**	**Mở tại**
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Tân Bình Dương

Sau mỗi cuối ngày làm việc Bên B phải đồng bộ dữ liệu trong trạng thái "đã nộp tiền" trên hóa đơn điện tử tiền nước lên hệ thống hóa đơn điện tử của Bên A, để khách hàng lấy được hóa đơn.

7.2.3. Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ 3 có Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.2.4. Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.

7.2.5. Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.2.6. Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền Hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.2.7. Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.2.8. Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

7.3.2. Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.

7.3.3. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:

8.1.1. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, trở ngại khách quan do dịch bệnh.

8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.

8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch.

8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.

8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện Hợp đồng.

9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2026** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2026**.

9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương tháo ký kết Hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong Hợp đồng kế tiếp.

10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	**Lê Trọng Thuần**

PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2026 (Do Bên B xây dựng).
15 ĐỢT (CÓ ĐỌC NGÀY THỨ 7 VÀ CHỦ NHẬT)

KỲ	KỲ 1		KỲ 2		KỲ 3		KỲ 4		KỲ 5		KỲ 6		KỲ 7		KỲ 8		KỲ 9		KỲ 10		KỲ 11		KỲ 12	
ĐỢT	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày
1	05-01	28	02-02	28	02-02	28	02-04	31	02-05	31	02-06	31	02-07	30	03-08	32	03-09	31	03-10	30	03-11	31	03-12	30
2	06-01	28	03-02	28	03-02	28	03-04	31	03-05	31	03-06	31	03-07	30	04-08	32	04-09	31	04-10	30	04-11	31	04-12	30
3	07-01	28	04-02	28	04-02	28	04-04	31	04-05	31	04-06	31	04-07	30	05-08	32	05-09	31	05-10	30	05-11	31	05-12	30
4	08-01	28	05-02	28	05-02	28	05-04	31	05-05	31	05-06	31	05-07	30	06-08	32	06-09	31	06-10	30	06-11	31	06-12	30
5	09-01	28	06-02	28	06-02	28	06-04	31	06-05	31	06-06	31	06-07	30	07-08	32	07-09	31	07-10	30	07-11	31	07-12	30
6	10-01	28	07-01	28	08-03	29	07-04	31	08-05	31	08-06	31	08-07	30	09-08	32	09-09	31	09-10	30	09-11	31	09-12	30
7	11-01	28	08-02	28	09-03	29	08-04	31	09-05	31	09-06	31	09-07	30	10-08	32	10-09	31	10-10	30	10-11	31	10-12	30
8	12-01	28	09-02	28	10-03	29	09-04	31	10-05	31	10-06	31	10-07	30	11-08	32	11-09	31	11-10	30	11-11	31	11-12	30
9	13-01	28	10-02	28	11-03	29	10-04	31	11-05	31	11-06	31	11-07	30	12-08	32	12-09	31	12-10	30	12-11	31	12-12	30
10	14-01	28	11-02	28	12-03	29	11-04	31	12-05	31	12-06	31	12-07	30	13-08	32	14-09	31	14-10	30	14-11	31	14-12	30
11	15-01	28	12-02	28	14-03	30	13-04	31	14-05	31	14-06	31	14-07	30	15-08	32	15-09	31	15-10	30	15-11	31	15-12	30
12	16-01	28	13-02	28	15-03	30	14-04	31	15-05	31	15-06	31	15-07	30	16-08	32	16-09	31	16-10	30	16-11	31	16-12	30
13	17-01	28	14-02	28	16-03	30	15-04	31	16-05	31	16-06	31	16-07	30	17-08	32	17-09	31	17-10	30	17-11	31	17-12	30
14	18-01	28	15-02	28	17-03	30	16-04	31	17-05	31	17-06	31	17-07	30	18-08	32	18-09	31	18-10	30	18-11	31	18-12	30
15	19-01	28	16-02	28	18-03	30	17-04	31	18-05	31	18-06	31	18-07	30	19-08	32	19-09	31	19-10	30	19-11	31	19-12	30
Tổng		420		420		435		465		465		465		450		480		465		450		465		450
BQ		28	-	28	-	29	-	31	-	31	-	31	-	30	-	32	-	31	-	30	-	31	-	30

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT
KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Hôm nay, ngày … tháng … năm ……., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A : Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Do Ông: Đặng Đức Hiền - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

- Do Ông/Bà: …… - Chức vụ: ……..

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng……năm……được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- ***Từ chuẩn thu 02 của kỳ … năm 2026:..... đồng (1)***
- ***Từ tồn thu các kỳ hóa đơn trước đó của năm 2026 (tồn thu): …….đồng (2)***
- ***Từ số tiền nước năm 2025 (tồn thu): …….đồng (3)***
- ***Từ số tiền nước năm 2024 (tồn thu): …….đồng (4)***
- ***Từ số tiền nước năm 2023 (tồn thu): …….đồng (5)***
- ***Từ số tiền nước năm 2022 (tồn thu): …….đồng (6)***
- ***Từ số tiền nước năm 2021 (tồn thu): …….đồng (7)***
- ***Từ số tiền nước năm 2020 (tồn thu) (8)***
- ***Từ số tiền nước năm 2019 (tồn thu) (9)***
- ***Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) + (9) = ……đồng***

(Đính kèm bảng tổng hợp số tiền nước thu được trong tháng)

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Số : /TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ..... ngày .....
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm .....,ngày ....giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Hệ số ..... x (Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 02) và doanh thu tiền nước của các kỳ trước đó trong năm 2026) và (0,1914) * doanh thu tiền nước thu được (tồn thu) của năm (2025; 2024); (0,1822) * doanh thu tiền nước thu được (tồn thu) của năm (2023; 2022; 2021; 2020; 2019) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải).

Thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành = ...đồng

Số tiền thanh toán: ..... đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng *(Nếu có)*:.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán: .....(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD, ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày tháng năm 202 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày tháng năm 202 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số; thu tiền.

1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật họa đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); cắt nước, mở nước,...

1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng quy định pháp luật; đại diện Bên A tham gia giải quyết tranh chấp với khách hàng tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại Khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn gồm 11 phường: Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn, (một phần Phường Phú Nhuận), Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú và Phú Thạnh.

Điều 2: Khối lượng công việc.

2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 (Chuẩn thu 02: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại Khoản 1.2 Điều 1.

2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hằng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31 tháng 12 năm 2027. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại Khoản 1.2 Điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo Hợp đồng này.

2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của năm 2027 và tiền nước thu được của năm ; 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2.4. Trong trường hợp Bên A có thực hiện chương trình miễn, giảm tiền nước cho khách hàng thì khối lượng công việc được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 trước chương trình miễn giảm tiền nước.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1. Chất lượng nước sạch cung cấp:

3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng đạt tiêu chuẩn theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế ban hành kèm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1 : 2024/BYT) và việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (Thông tư số: 52/2024/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2024) và Quyết định số 1164/QĐ-TCT-QLCLN ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tổng Công ty về việc ban hành Tiêu chuẩn chất lượng áp dụng đối với sản phẩm nước sạch của các nhà máy nước và trạm xử lý hòa vào mạng cung cấp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.

3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của Hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.

3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

3.2. Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.

3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.

3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh hệ số Hợp đồng trong Điều 4 của Hợp đồng này.

3.2.4. Kết quả lũy kế tỷ lệ % thực thu tiền nước/chuẩn thu 02 trong năm của Bên B phải đạt trên 99%.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính:

$$GTTT = (HS_{2027} \times DT_{2027}) + (HS_{2026} \times DT_{2026}) + (HS_{2025} \times DT_{2025}) + (HS_{2024} \times DT_{2024}) + (HS_{2023} \times DT_{2023}) + (HS_{2022} \times DT_{2022}) + (HS_{2021} \times DT_{2021}) + (HS_{2020} \times DT_{2020}) + (HS_{2019} \times DT_{2019})$$

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo quy định hiện hành)

Trong đó:

- GTTT: Là giá trị thanh toán
- HS_{2027}: Hệ số dịch vụ năm 2027: 0,2005.
- HS_{2026}: Hệ số dịch vụ năm 2026: 0,2005.
- HS_{2025}: Hệ số dịch vụ năm 2025: 0,1914.
- HS_{2024}: Hệ số dịch vụ năm 2024: 0,1914.
- $HS_{2023; 2022; 2021; 2020; 2019}$: Hệ số dịch vụ năm 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019: 0,1822.
- DT_{2027}: Là doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02 của năm 2027, được nêu tại Khoản 2.3 điều 2.
- DT_{2026}; DT_{2025}; DT_{2024}; DT_{2023}; DT_{2022}; DT_{2021}; DT_{2020}; DT_{2019}: Là doanh thu tiền nước thu được từ tiền nước (tồn thu) của năm 2026; 2025; 2024; 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019 được nêu tại Khoản 2.3 điều 2.
- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 02: Là thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền

nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước,... được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2027.

Vào cuối năm, hai bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2027, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản.

4.2. Trường hợp trong tháng Bên B thu tiền nước không đạt tỷ lệ 80% của chuẩn thu 02 được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng thì hai bên sẽ cùng xem xét.

Bên B trình bày lý do thu tiền nước không đạt tỷ lệ trên (do khách quan).

- Nếu được Bên A chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu tiền nước không đạt 80% của chuẩn thu 02 được tính như sau:

  Giá trị thanh toán = hệ số dịch vụ x doanh thu tiền nước thu được thực tế của chuẩn thu 02.

- Nếu Bên A không chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu không đạt 80% của chuẩn thu 02 được tính theo Điều 5 của Hợp đồng.

Việc trình bày của Bên B được chấp nhận hoặc không chấp nhận của Bên A phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng ***02 đợt*** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được tiền nước trong tháng đạt 80% của chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

6.1.1. Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

6.1.2. Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông

báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.3. Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4. Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của Hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu tại Khoản 6.1. Điều này làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh hệ số hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

7.1.1. Thanh toán tiền Hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.1.2. Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

7.1.3. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.1.4. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.1.5. Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.

7.1.6. Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.

7.1.7. Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.1.8. Phát hành và quản lý hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.9. Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại Khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng này.

7.1.10. Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

7.2.1. Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2.2. Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	**Số Tài khoản**	**Mở tại**
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Tân Bình Dương

Sau mỗi cuối ngày làm việc Bên B phải đồng bộ dữ liệu trong trạng thái "đã nộp tiền" trên hóa đơn điện tử tiền nước lên hệ thống hóa đơn điện tử của Bên A, để khách hàng lấy được hóa đơn.

7.2.3. Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ 3 có Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.

7.2.4. Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.

7.2.5. Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.2.6. Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền Hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.2.7. Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.2.8. Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

7.3.2. Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.

7.3.3. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:

8.1.1. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, trở ngại khách quan do dịch bệnh.

8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.

8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch.

8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký Hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.

8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện Hợp đồng.

9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2027** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2027**.

9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết Hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong Hợp đồng kế tiếp.

10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2027 (Do Bên B xây dựng).
15 ĐỢT (CÓ ĐỌC NGÀY THỨ 7 VÀ CHỦ NHẬT)

KỲ	KỲ 1		KỲ 2		KỲ 3		KỲ 4		KỲ 5		KỲ 6		KỲ 7		KỲ 8		KỲ 9		KỲ 10		KỲ 11		KỲ 12	
ĐỢT	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày
1	*05-01*	28	*02-02*	28	*02-02*	28	*02-04*	31	*02-05*	31	*02-06*	31	*02-07*	30	*03-08*	32	*03-09*	31	*03-10*	30	*03-11*	31	*03-12*	30
2	*06-01*	28	*03-02*	28	*03-02*	28	*03-04*	31	*03-05*	31	*03-06*	31	*03-07*	30	*04-08*	32	*04-09*	31	*04-10*	30	*04-11*	31	*04-12*	30
3	*07-01*	28	*04-02*	28	*04-02*	28	*04-04*	31	*04-05*	31	*04-06*	31	*04-07*	30	*05-08*	32	*05-09*	31	*05-10*	30	*05-11*	31	*05-12*	30
4	*08-01*	28	*05-02*	28	*05-02*	28	*05-04*	31	*05-05*	31	*05-06*	31	*05-07*	30	*06-08*	32	*06-09*	31	*06-10*	30	*06-11*	31	*06-12*	30
5	*09-01*	28	*06-02*	28	*06-02*	28	*06-04*	31	*06-05*	31	*06-06*	31	*06-07*	30	*07-08*	32	*07-09*	31	*07-10*	30	*07-11*	31	*07-12*	30
6	*10-01*	28	*07-01*	28	*08-03*	29	*07-04*	31	*08-05*	31	*08-06*	31	*08-07*	30	*09-08*	32	*09-09*	31	*09-10*	30	*09-11*	31	*09-12*	30
7	*11-01*	28	*08-02*	28	*09-03*	29	*08-04*	31	*09-05*	31	*09-06*	31	*09-07*	30	*10-08*	32	*10-09*	31	*10-10*	30	*10-11*	31	*10-12*	30
8	*12-01*	28	*09-02*	28	*10-03*	29	*09-04*	31	*10-05*	31	*10-06*	31	*10-07*	30	*11-08*	32	*11-09*	31	*11-10*	30	*11-11*	31	*11-12*	30
9	*13-01*	28	*10-02*	28	*11-03*	29	*10-04*	31	*11-05*	31	*11-06*	31	*11-07*	30	*12-08*	32	*12-09*	31	*12-10*	30	*12-11*	31	*12-12*	30
10	*14-01*	28	*11-02*	28	*12-03*	29	*11-04*	31	*12-05*	31	*12-06*	31	*12-07*	30	*13-08*	32	*14-09*	31	*14-10*	30	*14-11*	31	*14-12*	30
11	*15-01*	28	*12-02*	28	*14-03*	30	*13-04*	31	*14-05*	31	*14-06*	31	*14-07*	30	*15-08*	32	*15-09*	31	*15-10*	30	*15-11*	31	*15-12*	30
12	*16-01*	28	*13-02*	28	*15-03*	30	*14-04*	31	*15-05*	31	*15-06*	31	*15-07*	30	*16-08*	32	*16-09*	31	*16-10*	30	*16-11*	31	*16-12*	30
13	*17-01*	28	*14-02*	28	*16-03*	30	*15-04*	31	*16-05*	31	*16-06*	31	*16-07*	30	*17-08*	32	*17-09*	31	*17-10*	30	*17-11*	31	*17-12*	30
14	*18-01*	28	*15-02*	28	*17-03*	30	*16-04*	31	*17-05*	31	*17-06*	31	*17-07*	30	*18-08*	32	*18-09*	31	*18-10*	30	*18-11*	31	*18-12*	30
15	*19-01*	28	*16-02*	28	*18-03*	30	*17-04*	31	*18-05*	31	*18-06*	31	*18-07*	30	*19-08*	32	*19-09*	31	*19-10*	30	*19-11*	31	*19-12*	30
Tổng		420		420		435		465		465		465		450		480		465		450		465		450
BQ		28	-	28	-	29	-	31	-	31	-	31	-	30	-	32	-	31	-	30	-	31	-	30

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Hôm nay, ngày … tháng … năm ……., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A : Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Do Ông: Đặng Đức Hiền - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

- Do Ông/Bà: …… - Chức vụ: ……..

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng……năm……được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- ***Từ chuẩn thu 02 của kỳ … năm 2027:..... đồng (1)***
- ***Từ tồn thu các kỳ hóa đơn trước đó của năm 2027 (tồn thu): …….đồng (2)***
- ***Từ số tiền nước năm 2026 (tồn thu): …….đồng (3)***
- ***Từ số tiền nước năm 2025 (tồn thu): …….đồng (3)***
- ***Từ số tiền nước năm 2024 (tồn thu): …….đồng (4)***
- ***Từ số tiền nước năm 2023 (tồn thu): …….đồng (5)***
- ***Từ số tiền nước năm 2022 (tồn thu): …….đồng (6)***
- ***Từ số tiền nước năm 2021 (tồn thu): …….đồng (7)***
- ***Từ số tiền nước năm 2020 (tồn thu) (8)***
- ***Từ số tiền nước năm 2019 (tồn thu) (9)***
- ***Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) + (9) = ……đồng***

(Đính kèm bảng tổng hợp số tiền nước thu được trong tháng)

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG ..... NĂM ....

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ..... ngày .....
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm ....,ngày ....giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Hệ số 0,2005 x (Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 02) và doanh thu tiền nước của các kỳ trước đó trong năm 2027) và (0,1914) * doanh thu tiền nước thu được (tồn thu) của năm (2026; 2025; 2024); (0,1822) * doanh thu tiền nước thu được (tồn thu) của năm (2023; 2022; 2021; 2020; 2019) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải).

Thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành = ...đồng

Số tiền thanh toán: ..... đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng *(Nếu có)*:.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán: .....(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

BẢN THỎA THUẬN
Về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD, ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày tháng năm 202 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220431101100192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 202 giữa hai bên như sau:

Điều 1. Nội dung thỏa thuận.

1.1. Về nội dung Hợp đồng:

Hai bên thống nhất Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 202 bao gồm các điều khoản sau:

- Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.
- Khối lượng công việc.
- Chất lượng công việc.
- Giá trị Hợp đồng.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện Hợp đồng.
- Điều khoản chung.
- Lịch đọc số năm 202 tại Phụ lục 1.

1.2. Về hệ số Hợp đồng:

Hai bên thống nhất hệ số Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2027 là: **0,2005**.

1.3. Về thời gian thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2027** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2027**.

Điều 2. Thực hiện thỏa thuận:

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng mới với các nội dung như đã trình bày ở trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN
Dịch vụ phân phối nước sạch
Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025 và Công văn số 205/UBND-ĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2025, giai đoạn tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN ỦY QUYỀN: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (sau đây gọi là Bên A)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 8 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8378/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA (sau đây gọi là Bên B)

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2025, nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi ủy quyền.

Bên A ủy quyền và cho Bên B đùng tư cách pháp nhân và con dấu của mình để nhân danh Bên A xác lập, thực hiện trên địa bàn gồm 11 phường: Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn (một phần Phường Phú Nhuận), Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú và Phú Thạnh các công việc sau:

1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền; thay, nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước.

1.2. Lập và thực hiện các kế hoạch phát triển khách hàng căn cứ vào năng lực cung cấp và khả năng tiêu thụ nước trên địa bàn. Thực hiện xin phép đào đường, thi công, lắp đặt đồng hồ nước.

1.3. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa mạng lưới cấp nước (bao gồm: đường ống, các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước, đồng hồ nước khách hàng) và thực hiện giảm thất thoát nước, thất thu trên địa bàn, nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng an toàn, liên tục, đạt chất lượng theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.4. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng quy định pháp luật; đại diện Bên A tham gia giải quyết tranh chấp với khách hàng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền.

2.1. Hợp đồng ủy quyền này thực hiện từ ngày **01** tháng **01** năm **2027** đến ngày **31** tháng **12** năm **2027.**

2.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết Hợp đồng mới.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

3.1.1. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

3.1.2. Yêu cầu Bên B thông báo về việc thực hiện công việc theo ủy quyền.

3.1.3. Yêu cầu Bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ thực hiện công việc ủy quyền.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

3.2.1. Thực hiện công việc trong phạm vi được ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó.

3.2.2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.

3.2.3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.

3.2.4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền.

3.2.5. Giao lại cho Bên A những lợi ích thu được trong khi thực hiện ủy quyền.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng.

4.1. Giá trị Hợp đồng này bằng 0.

4.2. Hợp đồng này là cơ sở để triển khai các Hợp đồng trong năm 2027: Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch; Hợp đồng về việc thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử; Hợp đồng gắn mới đồng hồ nước; Hợp đồng thay đồng hồ nước; Hợp đồng thực hiện công tác phục vụ vận hành mạng lưới và giảm thất thoát nước; Hợp đồng thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (PMC).

Điều 5. Điều khoản chung.

5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

5.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của một hoặc hai bên, sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.

5.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa.

5.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

HỢP ĐỒNG
Thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025

Số: .....1463... /HĐ –TCT – KDDVKH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 20211 sửa đổi Nghị định 37/2015/NĐ-CP về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Hợp đồng uỷ quyền Dịch vụ phân phối nước nước sạch số số 320/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 13 tháng 01 năm 2025, ký giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Xét nhu cầu khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ..18.. tháng 3.. năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **TRẦN QUANG MINH** – Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 100015925 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh Hồ Chí Minh – PGD Lê Lợi.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01 tháng 6 năm 2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC.

1.1. Nội dung công việc:

1.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ cho các hộ dân hoặc cơ quan trên địa bàn Quận Tân Bình, Quận Tân Phú (ngoại trừ phường Phú Trung) và một phần phường 10, Quận Phú Nhuận theo đúng yêu cầu thiết kế kỹ thuật của ngành cấp nước hiện hành.

1.1.2. Bên B lập kế hoạch thay đồng hồ nước định kỳ; chuẩn bị từ đầu năm về dự trù số lượng, thực hiện để trình cho Bên A; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng liên quan đến nội dung này.

1.1.3. Tất cả đồng hồ nước được thay theo Quy định hiện hành (định kỳ 05 năm) và những trường hợp không do lỗi khách hàng như đồng hồ nước bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,..... và/hoặc bao gồm nâng, dời đồng hồ nước để thuận tiện cho công tác quản lý, đọc số (kể cả trường hợp trở ngại do âm sau, khuất lấp...).

Ngoài các trường hợp trên, các trường hợp sau đây sẽ do khách hàng tự chịu chi phí thay đồng hồ nước:

- Thay đồng hồ nước do lỗi của khách hàng gây ra như làm hư hỏng, bể mặt kính không đọc được chỉ số,.....

- Thay đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng như nâng, dời,...

Hằng Quý đơn vị lập danh sách báo cáo cho Bên A.

1.1.4. Đồng hồ nước khi thay phải được dán tem, chứng nhận kiểm định và phải có giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Khối lượng công việc:

1.2.1. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ là số lượng theo kế hoạch năm 2025 của Bên A.

1.2.2. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm trong năm để phù hợp với tổng số lượng thay thực tế được Bên A chấp nhận.

1.2.3. Số lượng thay đồng hồ nước định kỳ sẽ được thanh quyết toán theo thực tế hàng Đợt hay hàng Quý.

1.2.4. Tất cả các đồng hồ nước được thay, gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG.

2.1. Đơn giá thay đồng hồ nước định kỳ:

2.1.1. Thay đồng hồ nước 15mm (15ly):

2.1.1.1. Thay đồng hồ nước 15mm không kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu:

Đơn giá không vượt quá:

Số TT	Đơn giá theo Quyết định 1377/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05/7/2024 (áp dụng từ 01/01/2025 đến 17/02/2025)	Đơn giá theo Quyết định 245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025 (áp dụng từ 18/02/2025)
1	**1.026.864 đồng**	**1.036.541 đồng/ĐHN**

2.1.1.2. Thay đồng hồ nước 15mm kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản (đã bao gồm chi phí tái lập mặt đường) không vượt giá các mức sau:

Số TT	Đơn giá theo Quyết định 2561/QĐ-TCT-KHĐT ngày 19/11/2024 (áp dụng từ 01/01/2025 đến 23/02/2025)	Đơn giá theo Quyết định 289/QĐ-TCT-KHĐT ngày 24/02/2025 (áp dụng từ 24/02/2025)
1	Thay và nâng đồng hồ nước, sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x ∅3/4'' và van góc ∅3/4''x 25mm: **1.519.291 đồng/ĐHN**.	Thay và nâng đồng hồ nước, sử dụng lại van góc liên hợp và van góc ∅3/4''x 25mm: **1.537.491 đồng/ĐHN**.
2	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x ∅3/4'' và van góc ∅3/4''x 25mm: **1.850.069 đồng/ĐHN**.	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp và van góc ∅3/4''x 25mm: **1.869.371 đồng/ĐHN**.
3	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc 25mm x ∅3/4'' và sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x ∅3/4'': **1.672.680 đồng/ĐHN.**	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc 25mm x ∅3/4'' và sử dụng lại van góc liên hợp: **1.691.431 đồng/ĐHN.**
4	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x ∅3/4'' và sử dụng lại van góc ∅3/4''x 25mm: **1.696.680 đồng/ĐHN.**	Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp và sử dụng lại van góc ∅3/4''x 25mm: **1.715.431 đồng/ĐHN.**

2.1.1.3 Thay đồng hồ nước thông minh DN 15mm gồm các trường hợp sau:

STT	Nội dung	Đơn giá duyệt theo QĐ 2607/QĐ-TCT-KHĐT ngày 21/11/24
A	**ĐHN thông minh B-METERS DN15mm**	
1	Trường hợp A	**3.458.952** đồng
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	**4.551.673** đồng
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	**4.518.309** đồng
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	**4.457.180** đồng
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	**4.423.816** đồng
B	**ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm**	
1	Trường hợp A	**4.931.952** đồng
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	**6.024.673** đồng
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	**5.991.309** đồng
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	**5.930.180** đồng
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	**5.896.816** đồng

STT	Nội dung	Đơn giá duyệt theo QĐ 2594/QĐ-TCT-KHĐT ngày 21/11/24
C	**ĐHN thông minh SENSUS DN15mm**	**3.304.023** đồng

2.1.2. Thay đồng hồ nước 25mm (25ly): Đơn giá không vượt quá:

Số TT	Đơn giá theo Quyết định 1377/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05/7/2024 (áp dụng từ 01/01/2025 đến 17/02/2025)	Đơn giá theo Quyết định 245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025 (áp dụng từ 18/02/2025)
1	**5.744.942 đồng**	**5.756.453 đồng/ĐHN**

2.1.3. Thay đồng hồ nước lớn hơn 25mm (25 ly): Thanh toán theo chi phí thực tế.

2.2. Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, trường hợp Bên A có lập dự toán đơn giá mới phải được phê duyệt thì đơn giá mới sẽ được áp dụng và được điều chỉnh bằng phụ lục.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN:

3.1. Căn cứ vào hồ sơ từng đợt hay từng quý Bên B gửi (khi tiến hành thanh toán phải bổ sung chứng từ xuất kho chứng minh giá đồng hồ nước thay, hình ảnh hiện trạng đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản, phân loại cụ thể trường hợp thay ĐHN định kỳ và thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng do bị âm sâu, ...), Bên A sẽ kiểm tra và thanh toán chi phí thay đồng hồ nước định kỳ theo quy trình kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán thay đồng hồ nước định kỳ và thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 12 tháng 5 năm 2023) cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa là 15 ngày làm việc sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán.

3.2. Hàng đợt hay hàng quý, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 1).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.
- Kế hoạch thực hiện thay đồng hồ nước của đợt hay quý kế tiếp.
- Giấy kiểm định còn hiệu lực và hồ sơ thể hiện đầy đủ số thân đồng hồ trước và sau khi thay đồng hồ nước.

3.2.1. Về thay đồng hồ nước định kỳ:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 3).

- Bảng tổng hợp quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 4).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 5).
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 6).
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 7).
- Bảng tổng hợp chi phí quyết toán công tác thay ĐHN định kỳ từng cỡ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 8).
- Bảng kê chi phí thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 9).
- Biên bản hoàn công (đơn vị thi công, khách hàng, địa chỉ, ...).

3.2.2. Về thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (*tương tự thay đồng hồ nước định kỳ*):

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 5).
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 6).
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 7).
- Bảng kê chi phí thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 9).
- Biên bản hoàn công được ký kết giữa khách hàng và đơn vị thực hiện thay ĐHN định kỳ, phải thể hiện đầy đủ nội dung thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng.

3.3 Trong trường hợp Bên A và Bên B có phát sinh công nợ đối với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước thì hai bên thống nhất tiến hành bù trừ công nợ giữa hợp đồng này với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước sau khi có *Biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ công nợ của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ và Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước*.

Biên bản này sẽ làm cơ sở để thanh toán giá trị còn lại (nếu có) của hợp đồng sau khi bù trừ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN.

4.1. Trách nhiệm của bên A:

4.1.1. Cùng với Bên B giải quyết các trở ngại phát sinh trong quá trình thi công (nếu có).

4.1.2. Theo dõi việc tổ chức thi công thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện, đảm bảo tiến độ kế hoạch.

4.1.3. Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện.

4.1.4. Thanh toán cho bên B theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

4.2.1. Tổ chức thi công đúng chất lượng, đúng thiết kế theo quy định, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

4.2.2. Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng quy định.

4.2.3. Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.

4.2.4. Đảm bảo việc tái lập mặt đường đúng theo quy định hiện hành.

4.2.5. Cùng với Bên A giải quyết trở ngại (nếu có).

4.2.6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước định kỳ của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng kê chi tiết thay đồng hồ nước định kỳ cho Bên A bằng file mềm. Hồ sơ chi tiết bao gồm: Dự toán, Bản vẽ hoàn công, Biên bản hoàn công, Bảng quyết toán (không bao gồm phần tái lập).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA HAI BÊN.

5.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

5.2. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG.

6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo quy định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán thù lao theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên sẽ cùng nhau thương thảo ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG.

8.1 Việc chấm dứt và thanh lý khi Bên B hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ. Trước 30 (ba mươi) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng trao đổi ký kết hợp đồng mới nếu bên A tiếp tục có nhu cầu thay đồng hồ nước của bên B.

8.2 Trường hợp một trong hai Bên ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia biết trước 60 (sáu mươi) ngày bằng văn bản.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

9.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

9.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

9.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

9.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

9.5 Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trần Quang Minh	Nguyễn Mười

PHỤ LỤC 1: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-……

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
THAY ĐHN ĐỊNH KỲ QUÝ/ĐỢT ….. NĂM ….

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV

- Căn cứ Hợp đồng số …… ngày ……..
- Căn cứ Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ Quý/Đợt..... từ ngày ...../...../..... đến ngày...../...../.....

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo Hợp đồng số ……,ngày.....tháng…….năm…… như sau:

1/<u>Đồng hồ nước thay định kỳ</u>:

- Đồng hồ nước 15ly:

* Số lượng:.....

* Số tiền:.....

- Đồng hồ nước khác (nếu có) :

* Số lượng:.....

* Số tiền:.....

2/ <u>Tổng số tiền phải thanh toán</u>: = ... **đồng**

Thuế giá trị gia tăng (10%) = ... **đồng**

Số tiền thanh toán = ... **đồng**

Đề nghị Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thanh toán số tiền:.....theo như điều.....khoản..... của Hợp đồng số.....

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC 2

BẢNG KÊ TỔNG HỢP DANH SÁCH KHÁCH HÀNG THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ/ THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG QUÝ ... NĂM...

(Từ ngày / / đến ngày / /)

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Danh bộ	Loại đồng hồ	Chi Phí				Ngày hoàn công	Số thân	Lý do thay
					Đồng hồ	Phụ tùng	Nhân công	Cộng			
CHẠY LẾT					0,00	0,00	0,00	0,00			
ĐHN HOẠT ĐỘNG KHÔNG ỔN ĐỊNH					0,00	0,00	0,00	0,00			
ĐHN MẶT					0,00	0,00	0,00	0,00			
CỘNG 15 LY:					0,00	0,00	0,00	0,00			
CỘNG 25 LY:					0,00	0,00	0,00	0,00			
CỘNG 40 LY:					0,00	0,00	0,00	0,00			
CỘNG 50 LY:					0,00	0,00	0,00	0,00			
.....											
TỔNG CỘNG					0,00	0,00	0,00	0,00			
THÀNH TIỀN											

Ghi chú:

Tp. HCM ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP

ĐỘI TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 03:

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH CÔNG TÁC THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC

Quý ... năm

(từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../....)

Hôm nay, ngày ....., tại Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV, thành phần gồm :
Đại diện Bên A : Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên
Ông - Chức vụ:
Đại diện Bên B : Công Ty .....
Ông - Chức vụ:
Nội dung nghiệm thu gồm :

STT	NỘI DUNG CÔNG TÁC	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ		
1	- 15 ly (Mới) - Cấp C	Cái	
2	- 25 ly- (Mới) - Cấp C	Cái	
3	- 40 ly- (Mới) - Cấp C	Cái	
4	.....	Cái	
	THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG		
1	- 15 ly (Mới) - Cấp C	Cái	
2	- 25 ly- (Mới) - Cấp C	Cái	
	.....		
TỔNG CỘNG QUÝ ..... NĂM		Cái	0

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Phụ lục 04:

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÔNG TÁC THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC

Quý ... năm

(từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../....)

Hôm nay, ngày....., tại Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV, thành phần gồm:

Đại diện Bên A : Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên.

Ông - Chức vụ:

Đại diện Bên B : Công Ty ....

Ông - Chức vụ:

Nội dung nghiệm thu gồm :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	THÀNH TIỀN	ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN TRƯỚC THUẾ
THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ						
1	**Thay đồng hồ nước 15 ly (mới) - Cấp C**			0	0	
2	**Thay đồng hồ nước 25 ly (mới) - Cấp C**			0	0	
3	**Thay đồng hồ nước 40 ly (mới) - Cấp C**			0	0	
4	.....			0	0	
THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG						
1	Thay đồng hồ nước 15 ly (Tân trang)			0	0	
2	**Thay đồng hồ nước 15 ly (mới) - Cấp C**			0	0	
3	**Thay đồng hồ nước 25 ly (mới) - Cấp C**			0	0	
4	.....					
Tổng cộng quý .... năm		0	0	0	0	

(Bằng chữ : .)

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ VẬT TƯ CÔNG TÁC THAY ĐHN ĐỊNH KỲ/ THAY ĐHN ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG

Quý ..... năm

(Từ ngày ... / ... /..... đến ngày .../.../....)

STT	Mã số	Chỉ tiêu	Đvt	Tổng cộng		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
3						
4						
5						
6						
		.....				
		Tổng cộng:		-	-	-

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ PHIẾU XUẤT KHO CÔNG TÁC THAY ĐHN ĐỊNH KỲ/ THAY ĐHN ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG

PHỤ LỤC 6

Quý ..... năm .....
(từ ... /... /.... đến .../.../....)

STT	Chứng từ		Mã Vt	Chỉ danh vật tư	Đvt	Số lượng	Giá	Thành tiền
	Ngày	Số						
TỔNG CỘNG								

TP.Hồ Chí Minh, Ngày tháng năm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

PHỤ LỤC 7

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nợ: 621112
Có: 152111
152112
152515
152516
153130

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày tháng năm

Số:

Họ tên người nhận hàng: Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho:

Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
	Tổng cộng					**Tiền xuất:** **Tiền thuế:** **Tổng tiền:**	**0**

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn

- Số chứng từ gốc kèm theo: ----------

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Hoặc bộ phận* *(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

CÔNG TY ....

PHỤ LỤC 8

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ QUYẾT TOÁN
CÔNG TÁC THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ..... QUÝ .... NĂM ....
(Từ ngày ... / ... /.... đến ngày .../ ... / ....)

1/ CHI PHÍ VẬT TƯ

STT	Mã số vật tư	Chỉ danh vật tư	Đvt	VẬT TƯ		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
Tổng cộng						**0**

2/ CHI PHÍ NHÂN CÔNG

ĐHN 15 ly: **... cái** x ... đồng/ cái = **... Đồng**

3/ TỔNG CHI PHÍ: ... Đồng

4/ ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN:.... Đồng

TP.HCM, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY ....

PHỤ LỤC 9

BẢNG KÊ CHI PHÍ THAY ĐHN ĐỊNH KỲ/ THAY ĐHN ĐỊNH KỲ KẾT HỢP NÂNG QUÝ/KỲ ... NĂM
(Từ ngày .../.../.... đến ngày .../.../....)

Cỡ ĐHN	Chi phí						
	ĐHN (1)	Phụ tùng (2)	Nhân công (3)	Cộng (4)=(1)+(2)+(3)	Số lượng quý .... Năm.... (5)	Tổng chi phí thay quý ....(CHƯA THUẾ GTGT) (6)	Đơn giá bình quân ĐHN trước thuế (7)= (6)/(5)
TLK 15				0		0	#DIV/0!
TLK 25				0		0	#DIV/0!
TLK 40				0		0	#DIV/0!
TLK 50				0		0	#DIV/0!
.....							
Tổng:	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2025

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số : 3734 / PLHĐ-TCT-KDDVKH

Thuộc Hợp đồng số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025

Căn cứ Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-TCT-KHĐT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-TCT-KHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc phê duyệt đơn giá gắn mới và thay đồng hồ nước thông minh DN15mm và đơn giá tái lập mặt đường áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay

đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8198/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977.

Tài khoản số : 100015925 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh Hồ Chí Minh – PGD Lê Lợi.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp: 0310350068 đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng để bổ sung, sửa đổi một số nội dung trong Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, với các điều khoản sau:

Điều 1: Thay đổi người đại diện pháp luật

+ Trước điều chỉnh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa – Mã số doanh nghiệp số: 0310350068 đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 01 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

+ Sau điều chỉnh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp: 0310350068 đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Điều 2: Bổ sung Điểm 1.1.5 vào Khoản 1.1 Điều 1 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà như sau:

1.1.5. Thực hiện tiếp tục thay thế các đồng hồ nước cơ khí truyền thống DN15mm (15ly) sang đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) cho khách hàng tại các DMA đã lắp đặt thử nghiệm đồng hồ nước thông minh.

Điều 3: Điều chỉnh đơn giá thay ĐHN thông minh B-METERS DN15mm và ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm được quy định tại mục 2.1.1.3 Điểm 2.1.1 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà gồm các trường hợp sau:

Đơn giá không vượt quá:

ĐVT: đồng/ĐHN

STT	Nội dung	Đơn giá theo Quyết định số 828/QĐ-TCT-KHĐT
A	**ĐHN thông minh B-METERS DN15mm**	
1	Trường hợp A	**3.470.463**
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	**4.576.291**
3	Trường hợp B – Phui lề gạch Terrazzo	**4.531.413**
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	**4.481.600**
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	**4.436.722**
B	**ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm**	
1	Trường hợp A	**4.943.463**
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	**6.049.291**
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	**6.004.413**
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	**5.954.600**
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	**5.909.722**

(Đơn giá này là giá trước thuế)

Điều 4: Bổ sung mục 2.1.1.4 Điểm 2.1.1 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà

2.1.1.4. Thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) với các trường hợp: ĐHN và bộ truyền tín hiệu bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng với các đơn giá sau:

Đơn giá không vượt quá:

ĐVT: đồng/ĐHN

STT	Trường hợp	Đơn giá theo Quyết định số 2128/QĐ-TCT-KHĐT
A	**ĐHNTM HIỆU B-METTERS**	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	**2.763.848**
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	**981.848**
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	**2.104.848**
B	**ĐHNTM HIỆU SENSUS**	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	**2.857.645**
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	**1.422.645**
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	**1.757.848**
C	**ĐHNTM HIỆU P.T.P (KENT)**	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	**3.971.848**
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	**1.004.248**
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	**3.407.848**
4	Hỏng sim	**407.848**
5	Hỏng ngàm nối thân đồng hồ và bộ đọc	**422.848**

(Đơn giá này là giá trước thuế)

Điều 5: Điều khoản chung

Đơn giá nêu tại Điều 3 Phụ lục hợp đồng này áp dụng **từ ngày 22 tháng 4 năm 2025**.

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Những điều khoản không ghi trong Phụ lục Hợp đồng này thì vẫn thực hiện theo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	Lê Trọng Thuần

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2025

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
Số : ..6224/ PLHĐ-TCT-KDDVKH
Thuộc Hợp đồng số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025

Căn cứ Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-TCT-KHĐT ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2799/QĐ-TCT-KHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá kiểm định lại đồng hồ nước điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 1311/HĐ-TCT-KHĐT ngày 10 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá mua sắm công tác mua sắm tủ tín hiệu;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.
Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.
Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 3926/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977.

Tài khoản số : 100015925 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh Hồ Chí Minh – PGD Lê Lợi.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp: 0310350068 đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh và bổ sung một số nội dung trong Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, với các điều khoản sau:

Điều 1: Điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) B-METERS DN15mm và ĐHN thông minh P.T.P (KENT) DN15mm bị hỏng, bị mất do lắp bên ngoài bất động sản của khách hàng được quy định tại mục 2.1.1.4 Điểm 2.1.1 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

Đơn giá không vượt quá đơn giá như sau:

ĐVT: đồng/ĐHN

STT	TRƯỜNG HỢP	Đơn giá theo QĐ 1542/QĐ-TCT-KHĐT
A	**ĐHN HIỆU B-METTERS**	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	**2.776.291**
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	**994.291**
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	**2.124.091**

STT	TRƯỜNG HỢP	Đơn giá theo QĐ 1542/QĐ-TCT-KHĐT
B	**ĐHN HIỆU P.T.P (KENT)**	
1	Hỏng nguyên bộ đồng hồ	**3.984.291**
2	Hỏng buồng đo đồng hồ	**1.016.691**
3	Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	**3.427.091**
4	Hỏng sim	**427.091**
5	Hỏng ngàm nối thân đồng hồ và bộ đọc	**442.091**

(Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT)

Đơn giá nêu trên áp dụng từ ngày **09** tháng **07** năm **2025** (thời điểm ban hành Quyết định số 1542/QĐ-TCT-KHĐT).

Điều 2: Bổ sung Điểm 2.1.4 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà

2.1.4. Kiểm định lại ĐHN điện tử cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm:

Đơn giá kiểm định lại ĐHN điện tử cỡ lớn không vượt quá như sau:

ĐVT: đồng/ĐHN

STT	Nội dung	Đơn giá duyệt theo QĐ 2799/QĐ-TCT-KHĐT
1	Kiểm định ĐHN điện tử **DN50MM** Trường hợp: Đạt yêu cầu sau kiểm định	**1.376.188**
2	Kiểm định ĐHN điện tử **DN100MM** Trường hợp: Đạt yêu cầu sau kiểm định	**3.035.955**
3	Kiểm định ĐHN điện tử **DN150MM** Trường hợp: Đạt yêu cầu sau kiểm định	**4.328.301**
4	Kiểm định ĐHN điện tử **DN200MM** Trường hợp: Đạt yêu cầu sau kiểm định	**5.160.807**
5	Kiểm định ĐHN điện tử **DN250MM** Trường hợp: Đạt yêu cầu sau kiểm định	**6.277.190**

(Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 3: Bổ sung Điểm 2.1.5 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà

2.1.5. Bổ sung công tác Mua sắm tủ tín hiệu cho 06 bộ đồng hồ điện từ DN100mm khách hàng có *danh bộ 13041810070, 13162409163, 13202700130, 13162404620, 13162404621, 13132117237* trên địa bàn của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà quản lý vào Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025, với đơn giá:

ĐVT: đồng/cái

STT	Nội dung	Đơn giá áp dụng theo Quyết định 1214/QĐ-TCT-KHĐT
1	Tủ tín hiệu lắp đặt đứng + Kích thước tủ 400x300x400 mm + Kích thước trụ đỡ (150x150x550 mm)	**5.500.000**
2	Tủ tín hiệu treo + Kích thước tủ 400x300x400 mm	**1.200.000**

(Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 4: Bổ sung Điểm 2.1.6 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà

2.1.6. Bổ sung công tác thay thiết bị ghi nhận dữ liệu Cello 4S cho 06 bộ đồng hồ điện từ DN100mm khách hàng có *danh bộ: 13041810070, 13162409163, 13202700130, 13162404620, 13162404621, 13132117237; 01 bộ đồng hồ điện từ DN150mm khách hàng có danh bộ 13041810049 và 01 bộ đồng hồ điện từ DN200mm khách hàng có danh bộ 13152252000* theo Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 1311/HĐ-TCT-KHĐT ngày 10 tháng 3 năm 2025 trên địa bàn của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa quản lý vào Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025.

Đơn giá quyết toán: **34.657.451** đồng/bộ (Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 5: Điều khoản chung

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025; Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Những điều khoản không ghi trong Phụ lục Hợp đồng này thì vẫn thực hiện theo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025, Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	Lê Trọng Thuần

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số : 8449 / PLHĐ-TCT-KDDVKH

Thuộc Hợp đồng số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025

Căn cứ Quyết định 289/QĐ-TCT-TCNS ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên về việc phân công công việc của Ban Tổng Giám đốc;

Căn cứ Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá gắn mới và thay đồng hồ nước thông minh DN15mm áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 09 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ông Bùi Thanh Giang – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977.

Tài khoản số : 100015925 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh Hồ Chí Minh – PGD Lê Lợi.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp: 0310350068, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **LÊ TRỌNG THUẦN** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh và bổ sung một số nội dung trong Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, với các điều khoản sau:

Điều 1: Sửa đổi nội dung trong Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025, Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16 tháng 9 năm 2025 như sau:

1.1 Tại Bên A: có nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 09 tháng 07 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sửa đổi thành: *"Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên"*

1.2 Tại Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, có nội dung: giấy ủy quyền số 3926/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV" được sửa đổi thành: *"Giấy ủy quyền số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ông Bùi Thanh Giang – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên"*.

1.3 Tại Bên B: có nội dung Trụ sở chính: Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh sửa đổi thành: *"Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh"* và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 11, ngày 07 tháng 05 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp sửa đổi thành: *"Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp: 0310350068, đăng ký lần đầu, ngày cấp 06 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 12, ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp"*.

Điều 2: Điều chỉnh đơn giá thay ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm được quy định tại mục 2.1.1.3 Điểm 2.1.1 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà gồm các trường hợp sau:

Đơn giá không vượt quá đơn giá như sau:

ĐVT: đồng/ĐHN

STT	Nội dung	Đơn giá theo Quyết định số 1784/QĐ-TCT-KHĐT
B	**ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm**	
1	Trường hợp A	**5.069.463**
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	**6.175.291**
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	**6.130.413**
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	**6.080.600**
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	**6.035.722**

(Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT)

Thời điểm áp dụng đơn giá trên từ ngày **18** tháng **08** năm **2025**.

Điều 3: Bổ sung danh bộ **1304 180 0664** đồng hồ nước điện từ DN100mm cho công tác mua sắm tủ tín hiệu vào Điểm 2.1.5 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

Điều 4: Bổ sung công tác thay thiết bị ghi nhận dữ liệu Cello 4S cho đồng hồ nước điện từ DN100mm có danh bộ **1304 180 0664** theo hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 5274/HĐ-TCT-KHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2025 vào Điểm 2.1.6 vào Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 03 năm 2025 đã ký giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

Điều 5: Điều khoản chung

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025; Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Những điều khoản không ghi trong Phụ lục Hợp đồng này thì vẫn thực hiện theo Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18 tháng 3 năm 2025, Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	...ÁM ĐỐC
Đặng Đức Hiển	*Lê Trọng Thuần*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC

Số: .....2059...../HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Quy trình kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán thay đồng hồ nước định kỳ và thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCT-KTCN ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Quy định quản lý sử dụng đồng hồ nước thông minh;

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-TCT-KTCN ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về ban hành quy định đặc tính kỹ thuật và quy trình kiểm tra các loại vật tư, thiết bị ngành nước;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-TCT-KHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ và các Công ty Cổ phần Cấp nước và của Công ty mẹ);

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TCT-KTCN ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Quy định đặc tính kỹ thuật và quy trình kiểm tra đồng hồ nước có chức năng đọc số từ xa lắp đặt cho khách hàng cỡ từ DN15 đến DN50;

Căn cứ Tờ trình số 400/TTr-QLDA1-DA3 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ban Quản lý Dự án 1 về chủ trương thực hiện công tác mua sắm đồng hồ nước thông minh thay thế đối với các trường hợp đồng hồ bị sự cố do yếu tố khách quan hoặc chủ quan (cỡ DN15mm, DN25mm, DN40mm, DN50mm) (đã được phê duyệt);

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền Dịch vụ phân phối nước sạch số 763/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Các căn cứ về phê duyệt đơn giá được thể hiện tại Phụ lục 1 - đính kèm theo hợp đồng này,

Xét nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số 8379/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số: 0310350068, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 23 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông: **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1. Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện các công tác sau:

- Thay đồng hồ nước (miễn phí) cho khách hàng thuộc các trường hợp: (1) Đồng hồ nước hết hạn chu kỳ kiểm định đúng quy định hiện hành (5 năm đối với đồng hồ cơ, 3 năm đối với đồng hồ cơ cấu điện tử); (2) Đồng hồ nước không đọc được chỉ số, ngưng hoạt động, kính mờ, có dấu hiệu chạy không chính xác,… không do lỗi khách hàng; (3) Thay đồng hồ nước kết hợp nâng, dời để thuận tiện cho công tác quản lý đồng hồ, công tác ghi chỉ số nước (kể cả trường hợp trở ngại do âm sâu, khuất lấp,…).
- Tổ chức thực hiện kiểm định lại đồng hồ nước điện từ cỡ lớn khi hết hạn chu kỳ kiểm định.

Địa bàn thực hiện: một phần Phường Phú Nhuận, Phường Tân Sơn Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Phường Tân Hòa, Phường Bảy Hiền, Phường Tân Bình, Phường Tân Sơn, Phường Tây Thạnh, Phường Tân Sơn Nhì, Phường Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thạnh và Phường Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Khối lượng công việc:

- Số lượng đồng hồ thay đồng hồ nước hết hạn chu kỳ kiểm định là: **30.804** cái (bao gồm 30.788 đồng hồ nước cỡ nhỏ và 16 đồng hồ nước cỡ lớn).
- Số lượng thay đồng hồ nước không đọc được chỉ số, ngưng hoạt động, kính mờ, có dấu hiệu chạy không chính xác,… không do lỗi khách hàng và thay kết hợp nâng, dời: theo thực tế phát sinh.
- Trường hợp phát sinh số lượng thì Bên B phải thông báo trước cho Bên A và chỉ được thực hiện sau khi được Bên A chấp thuận. Số lượng phát sinh được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG

2.1. Đơn giá chi tiết theo từng trường hợp được quy định tại Phụ lục 1 (đính kèm hợp đồng).

2.2. Đơn giá thanh quyết toán không vượt đơn giá theo hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng đã ký kết.

2.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, trường hợp dự toán đơn giá mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đơn giá mới sẽ được áp dụng kể từ thời điểm được phê duyệt và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

2.4. Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

ĐIỀU 3: YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ NGHIỆM THU

3.1. Các vật tư sử dụng cho công tác thay đồng hồ nước phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành của Bên A (Quyết định số 1079/QĐ-TCT-KTCN ngày 06 tháng 6 năm 2024, Quyết định số 1606/QĐ-TCT-KTCN ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định số 284/QĐ-TCT-KTCN ngày 13 tháng 01 năm 2026,...).

3.2. Việc thay đồng hồ nước phải tuân thủ đúng yêu cầu về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật của Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3.3. Công tác tái lập mặt đường (nếu có) phải đạt yêu cầu theo quy định hiện hành của Nhà nước (Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ,...).

3.4. Các thiết bị, vật tư do Bên A giao cho Bên B mua sắm phải phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật và đạt chất lượng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Bên A ban hành.

ĐIỀU 4: THANH QUYẾT TOÁN

4.1. Thanh quyết toán công tác thay đồng hồ nước được thực hiện theo từng Quý trong năm (từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng đầu Quý tiếp theo; riêng Quý IV trước ngày 25 tháng 12 năm 2026) Bên B lập và gửi hồ sơ quyết toán (theo danh mục tại mục 4.2 Điều 4) cho Bên A để thực hiện công tác thanh quyết toán. Thay đồng hồ nước lớn hơn 25mm (25 ly) (các trường hợp chưa được quy định tại Quyết định số 207/QĐ-TCT-KHĐT) sẽ thanh toán theo chi phí thực tế.

4.2. Hồ sơ đề nghị thanh quyết toán bao gồm các hồ sơ, tài liệu (bản chính) sau:

- Giấy đề nghị thanh toán.
- Các bảng tổng hợp được phân loại theo nội dung công việc tại mục 1.1 Điều 1:
  + Bảng tổng hợp danh sách khách hàng (đính kèm giấy kiểm định còn thời hạn chu kỳ kiểm định, thể hiện đầy đủ số thân trước và sau khi thay đồng hồ nước).
  + Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
  + Bảng tổng hợp quyết toán.
  + Bảng tổng hợp chi phí vật tư.
  + Bảng kê chứng từ xuất kho (đính kèm phiếu xuất kho).
  + Bảng tổng hợp chi phí quyết toán.
  + Bảng kê chi phí thay đồng hồ nước.
  + Biên bản hoàn công (đơn vị thi công, khách hàng, địa chỉ,...).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Biên bản làm việc về công tác kiểm tra hồ thay đồng hồ nước theo từng Quý.

4.3. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 15 ngày ngay sau khi Bên A hoàn tất công tác rà soát, kiểm tra hồ sơ đề xuất quyết toán của Bên B đầy đủ, đúng quy định.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Phối hợp với Bên B giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Kiểm tra số lượng đồng hồ nước được thay của Bên B trên hệ thống Billing để làm cơ sở thanh quyết toán.
- Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước do Bên B thực hiện.

- Tham gia công tác kiểm tra thực tế các địa chỉ thay đồng hồ nước (thực hiện chọn xác suất theo danh sách khách hàng thay đồng hồ nước trong hồ sơ đề nghị quyết toán của Bên B) việc kiểm tra này sẽ được lập thành biên bản để 02 Bên xác nhận.
- Thanh toán cho Bên B theo mục 4.2 Điều 4 đối với các hồ sơ đáp ứng điều kiện được quy định tại Điều 1.
- Yêu cầu Bên B tạm dừng thực hiện hợp đồng và khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các nội dung của hợp đồng, vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Tổ chức thi công công tác thay đồng hồ nước đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ, tái lập mặt đường,… đúng quy định.
- Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng quy định. Tất cả các đồng hồ nước thay cho khách hàng phải có tem kiểm định; chứng nhận kiểm định và giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền, ghi rõ số thân đồng hồ nước trên hồ sơ hoàn công.
- Tất cả các đồng hồ nước được thay, gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.
- Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.
- Đảm bảo việc tái lập mặt đường (nếu có) theo đúng quy định.
- Lập riêng danh sách khách hàng thay đồng hồ nước có thu tiền và không thu tiền; báo cáo Bên A và lập thủ tục nhập biến động thay đồng hồ nước vào hệ thống billing theo quy định.
- Cùng với Bên A giải quyết trở ngại (nếu có). Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng (nếu có).
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, lập thư mời kiểm tra. Lập hồ sơ hoàn công, quyết toán theo quy định. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với khối lượng và hồ sơ đề xuất thanh quyết toán công tác thay đồng hồ nước theo quy định.
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng thống kê chi tiết việc thay đồng hồ nước (số lượng, kích cỡ, nguyên nhân thay,…) cho Bên A bằng tập tin.

- Mỗi đợt thanh toán, Bên B lập và gửi đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại mục 4.1 Điều 4. Bên B phải thực hiện cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu và giải trình có liên quan theo yêu cầu của Bên A (nếu có).
- Bảo hành chất lượng công trình 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

5.3. Trách nhiệm chung của hai Bên:

- Bên A sẽ phối hợp với Bên B để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác thay đồng hồ nước với Bên thứ ba trong trường hợp các sự vụ, sự việc vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Tổng Công ty và các quy pháp luật khác định khác có liên quan đến các công tác thực hiện hợp đồng dịch vụ thay đồng hồ nước này.

ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo quy định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định tại mục 4.3 Điều 4 của hợp đồng này thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày **01** tháng **01** năm **2026**.

7.2. Các công tác quyết toán hợp đồng phải thực hiện trước ngày **31** tháng **12** năm **2026**, mọi sự điều chỉnh (nếu có) được thực hiện chậm nhất đến ngày 15 tháng 3 năm 2027.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

8.1. Việc chấm dứt và thanh lý khi Bên B hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng dịch vụ thay đồng hồ nước. Trước 30 (ba mươi) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng trao đổi ký kết hợp đồng mới nếu Bên A tiếp tục có nhu cầu giao Bên B thực hiện dịch vụ thay đồng hồ nước trên địa bàn được phân công.

8.2. Hợp đồng này được xem là tự động thanh lý và chấm dứt hiệu lực ngay sau khi hai Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình, bao gồm: (i) Bên B hoàn thành các nội dung công việc tại Điều 1 của Hợp đồng đúng quy định và (ii) Bên A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cuối cùng. Hai bên không cần lập thêm biên bản thanh lý hợp đồng.

8.3. Trường hợp một trong hai Bên ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia biết trước 60 (sáu mươi) ngày bằng văn bản.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật có liên quan. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

9.2. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án.

9.3. Việc sửa đổi, bổ sung các Điều khoản của hợp đồng này phải được hai Bên thống nhất và ký kết bằng Phụ lục hợp đồng.

9.4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Hợp đồng này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

9.5. Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi Bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TỔNG GIÁM ĐỐC / PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
Đặng Đức Hiển	Lê Trọng Thuần

PHỤ LỤC 1

ĐƠN GIÁ THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC (ĐHN) NĂM 2026

(Áp dụng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa)

STT	Danh mục	Đơn vị	Đơn giá	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Thay đồng hồ nước 15mm:**			
1	Thay ĐHN 15mm không kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu	cái	1.036.541	Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 0245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025 về việc điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
2	**Thay ĐHN 15mm kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu trong BĐS:**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 0289/QĐ-TCT-KHĐT ngày 24/02/2025 về việc phê duyệt đơn giá công tác kết hợp nâng và thay ĐHN trong bất động sản bị âm sâu áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
2.1.	- Thay và Nâng ĐHN, sử dụng lại van góc LH 25mm x 3/4" và Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.537.491	
2.2.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4" và Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.869.371	
2.3.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4" và sử dụng lại Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.715.431	
2.4.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc 25mm x 3/4" và sử dụng lại Van góc LH 25mm x 3/4"	cái	1.691.431	
3	**Thay ĐHN thông minh 15mm:**			
3.1	**Thay ĐHN thông minh 15mm hiệu B.Meter**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 828/QĐ-TCT-KHĐT ngày 22/4/2025 về việc phê duyệt đơn giá gắn mới và thay ĐHN thông minh 15mm và
3.1.1.	1.Trường hợp A	cái	3.470.463	
3.1.2.	2.Trường hợp B - Phui đường nhựa	cái	4.576.291	

3.1.3.	3.Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	cái	4.531.413	đơn giá TLMĐ áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
3.1.4.	4. Trường hợp C - Phui đường nhựa	cái	4.481.600	
3.1.5.	5.Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	cái	4.436.722	
3.2	**Thay ĐHN thông minh 15mm hiệu GKMV30**			
3.2.1.	1.Trường hợp A	cái	5.069.463	Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 1784/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/8/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá gắn mới và thay ĐHN thông minh 15mm áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
3.2.2.	2.Trường hợp B - Phui đường nhựa	cái	6.175.291	
3.2.3.	3.Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	cái	6.130.413	
3.2.4.	4. Trường hợp C - Phui đường nhựa	cái	6.080.600	
3.2.5.	5.Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	cái	6.035.722	
4	**Thay ĐHN thông minh 15mm với các trường hợp ĐHN và bộ truyền tín hiệu bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài BĐS của khách hàng:**	bộ		Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 1542/QĐ-TCT-KHĐT ngày 09/07/2025 về việc phê duyệt đơn giá thay ĐHN thông minh 15mm bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
4.1	**ĐHN hiệu B.Meter**			
4.1.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	2.776.291	
4.1.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	994.291	
4.1.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	2.124.091	
4.2	**ĐHN hiệu P.T.P (KENT)**			
4.2.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	3.984.291	
4.2.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	1.016.691	
4.2.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	3.427.091	
4.2.4.	- Hỏng sim	bộ	427.091	
4.2.5.	- Hỏng ngàm nối thân đồng hồ và bộ đọc	bộ	442.091	
4.3	**ĐHNTM HIỆU SENSUS**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 2128/QĐ-TCT-KHĐT ngày 13/10/2023 về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi
4.3.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	2.857.645	
4.3.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	1.422.645	

4.3.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	1.757.848	thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh.
B	**Thay đồng hồ nước 25mm**	cái	5.756.453	Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 0245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025 về việc điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
C	**Thay đồng hồ nước lớn hơn 25mm**	cái	**Thanh toán theo chi phí thực tế**	
D	**Kiểm định ĐHN điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm:**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 2799/QĐ-TCT-KHĐT ngày 16/12/2024 về việc phê duyệt đơn giá kiểm định lại ĐHN điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm.
1.	- ĐHN điện từ DN50mm	trường hợp	1.376.188	
2.	- ĐHN điện từ DN100mm	trường hợp	3.035.955	
3.	- ĐHN điện từ DN150mm	trường hợp	4.328.301	
4.	- ĐHN điện từ DN200mm	trường hợp	5.160.807	
5.	- ĐHN điện từ DN250mm	trường hợp	6.277.190	
E	**Tủ tín hiệu**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 1214/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05/6/2025 về việc phê duyệt đơn giá mua sắm công tác: mua sắm tủ tín hiệu.
1.	- Tủ tín hiệu lắp đặt đứng + Kích thước tủ 400x300x400 mm + Kích thước trụ đỡ (150x150x550 mm)	cái	5.500.000	
2.	- Tủ tín hiệu treo + Kích thước tủ 400x300x400 mm	cái	1.200.000	
F	**Thiết bị datalogger**			Theo HĐ chuyển nhượng vật tư ngành nước số 1311/HĐ-TCT-KHĐT 10/3/2025
1.	Thiết bị ghi nhận dữ liệu Cello	Bộ	34.657.451	

G	**Chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác Thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh DN25mm, DN40mm, DN50mm.**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 207/QĐ-TCT-KHĐT ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác: "Thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh DN25mm, DN40mm, DN50mm".
1.	**Đồng hồ nước thông minh DN25mm**			
1.1	**ĐHN hiệu B.Meter DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	8.192.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	3.772.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	4.762.931	
1.2.	**ĐHN hiệu Kent DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	11.213.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	5.287.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	6.268.931	
1.3.	**ĐHN hiệu Sensus DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	9.397.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	6.362.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	3.377.931	
2	**Đồng hồ nước thông minh DN40mm**			
2.1.	**ĐHN hiệu B.Meter DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	16.148.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	11.073.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	5.419.731	
2.2.	**ĐHN hiệu Kent DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	20.933.731	

	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	13.868.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	7.409.731	
2.3.	**ĐHN hiệu Sensus DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	28.103.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	18.568.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	9.879.731	
3.	**Đồng hồ nước thông minh DN50mm**			
3.1.	**ĐHN hiệu B.Meter DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	17.848.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	12.388.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	5.804.731	
3.2.	**ĐHN hiệu Kent DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	24.448.931	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	9.973.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	14.819.931	
3.3.	**ĐHN hiệu Sensus DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	28.603.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	19.068.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	9.879.731	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

HỢP ĐỒNG THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC

Số:_____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ

sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-TCT-KHĐT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-TCT-KTCN ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về ban hành Quy định đặc tính kỹ thuật và quy trình kiểm tra đồng hồ nước thông minh cho khách hàng cỡ DN15 đến DN50;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCT-KTCN ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Quy định quản lý sử dụng đồng hồ nước thông minh;

Căn cứ Quyết định số 2799/QĐ-TCT-KHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá kiểm định lại đồng hồ nước điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TCT-KHĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá lắp đặt đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH Một thành viên Nước ngầm Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-TCT-KHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá gắn mới và thay đồng hồ nước thông minh DN15mm và đơn giá tái lập mặt đường áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá mua sắm công tác mua sắm tủ tín hiệu;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-TCT-KHĐT ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt đơn giá thay đồng hồ nước thông minh DN15mm (15ly) bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-TCT-KTCN ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về ban hành quy định đặc tính kỹ thuật và quy trình kiểm tra các loại vật tư, thiết bị ngành nước;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá gắn mới và thay đồng hồ nước thông minh DN15mm áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ tờ trình số 4467/TTr-KHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc duyệt chủ trương quyết toán chi phí đồng hồ nước điện từ cỡ lớn kèm thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu Cello 4s trong hợp đồng thay đồng hồ nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TCT-KHĐT ngày tháng năm 202 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 202 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ và các Công ty Cổ phần Cấp nước và của Công ty mẹ);

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-TCT-KHĐT ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác: "Thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh DN25mm, DN40mm, DN50mm";

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền Dịch vụ phân phối nước sạch số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày tháng năm 202 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa,

Xét nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng năm 202 , nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỂN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo Giấy ủy quyền: Số /GUQ-TCT-KDDVKH ngày tháng năm 202 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 39 555 840 – 38 558 563 Fax: (028) 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100192 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số: 0310350068, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ _____, ngày tháng năm 2025, nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông: **LÊ TRỌNG THUẦN** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1. Nội dung công việc:

1.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công tác thay đồng hồ nước cho khách hàng trên địa bàn do Bên B quản lý: một phần Phường Phú Nhuận, Phường Tân Sơn Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Phường Tân Hòa, Phường Bảy Hiền, Phường Tân Bình, Phường Tân Sơn, Phường Tây Thạnh, Phường Tân Sơn Nhì, Phường Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thạnh và Phường Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành.

1.1.2. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện tiếp tục thay thế các đồng hồ nước cơ khí truyền thống 15mm sang đồng hồ nước thông minh 15mm cho khách hàng tại các DMA đã lắp đặt thử nghiệm đồng hồ nước thông minh.

1.1.3. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện kiểm định lại đồng hồ nước điện tử cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 3 năm, sửa chữa đồng hồ nước điện tử cỡ lớn đặt trong hầm bảo vệ.

1.1.4. Tất cả đồng hồ nước được thay theo chu kỳ kiểm định đúng quy định hiện hành (5 năm đối với đồng hồ cơ, 3 năm đối với đồng hồ cơ cấu điện tử) và những trường hợp không do lỗi khách hàng như đồng hồ nước bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,.... và/hoặc bao gồm nâng, dời đồng hồ nước để thuận tiện cho công tác quản lý, đọc số (kể cả trường hợp trở ngại do bị âm sâu, khuất lấp,...).

Ngoài các trường hợp trên, các trường hợp sau đây sẽ do khách hàng tự chịu chi phí thay đồng hồ nước:

- Thay đồng hồ nước do lỗi của khách hàng gây ra như làm hư hỏng, bể mặt kiếng không đọc được chỉ số,...

- Thay đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng như nâng, dời,...

Hàng Quý đơn vị lập danh sách báo cáo cho Bên A.

1.1.5. Bên B sẽ thực hiện thay đồng nước theo kế hoạch hoặc chủ trương của Bên A giao; chuẩn bị từ đầu năm về dự trù số lượng, thực hiện để trình cho Bên A; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng liên quan đến nội dung này.

1.1.6. Đồng hồ nước khi thay phải được dán tem, chứng nhận kiểm định và phải có giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền.

1.1.7. Các trường hợp phát sinh khác ngoài những nội dung nêu trên, nếu chưa được quy định cụ thể trong hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến chấp thuận của Bên A trước khi thực hiện.

1.2. Khối lượng công việc:

1.2.1. Số lượng đồng hồ nước thay là số lượng theo kế hoạch năm 2027 của Bên A.

1.2.2. Số lượng đồng hồ nước thay của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm trong năm để phù hợp với tổng số lượng thay thực tế được Bên A chấp nhận.

1.2.3. Số lượng thay đồng hồ nước sẽ được thanh quyết toán theo thực tế hàng Quý.

1.2.4. Tất cả các đồng hồ nước được thay, gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG

2.1. Đơn giá thay đồng hồ nước không vượt quá đơn giá quy định tại Phụ lục 1 đính kèm theo Hợp đồng.

2.2. Các đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, trường hợp Bên A có lập dự toán đơn giá mới phải được phê duyệt thì đơn giá mới sẽ được áp dụng và được điều chỉnh bằng phụ lục.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

3.1. Căn cứ vào hồ sơ từng quý Bên B gửi (khi tiến hành thanh toán phải bổ sung chứng từ xuất kho chứng minh giá đồng hồ nước thay, hình ảnh hiện trạng đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản, phân loại cụ thể trường hợp thay ĐHN định kỳ và thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng do bị âm sâu,...), Bên A sẽ kiểm tra và thanh toán chi phí thay đồng hồ nước định kỳ theo quy trình kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán thay đồng hồ nước định kỳ và thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 12 tháng 05 năm 2023) cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa là 15 ngày làm việc sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán.

3.2. Hàng quý, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Thông báo số tiền phải thanh toán.
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Kế hoạch thực hiện thay đồng hồ nước của quý kế tiếp.
- Giấy kiểm định còn hiệu lực và hồ sơ thể hiện đầy đủ số thân đồng hồ trước và sau khi thay đồng hồ nước.

3.2.1. Về thay đồng hồ nước định kỳ:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ theo quý.
- Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng quý.
- Bảng tổng hợp quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng quý.
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay đồng hồ nước định kỳ của quý quyết toán.
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay đồng hồ nước định kỳ của quý quyết toán.
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ của quý quyết toán.
- Bảng tổng hợp chi phí quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ từng cỡ của quý quyết toán.
- Bảng kê chi phí thay đồng hồ nước định kỳ của quý quyết toán.
- Biên bản hoàn công (đơn vị thi công, khách hàng, địa chỉ,…).

3.2.2. Về thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng theo quý.
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng của quý quyết toán.
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng của quý quyết toán.
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng của quý quyết toán.

- Bảng kê khối lượng thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng của quý quyết toán.
- Biên bản hoàn công được ký kết giữa khách hàng và đơn vị thực hiện thay đồng hồ nước định kỳ, phải thể hiện đầy đủ nội dung thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng.

3.2.3. Về thay đồng hồ nước bị sự cố (bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,....)

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước bị sự cố.
- Biên bản hoàn công được ký kết giữa khách hàng và đơn vị thực hiện thay đồng hồ nước bị sự cố, phải thể hiện đầy đủ nội dung thay đồng hồ nước bị sự cố (biên bản, hình ảnh,...).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm của bên A:

4.1.1. Cùng với Bên B giải quyết các trở ngại phát sinh trong quá trình thi công (nếu có).

4.1.2. Theo dõi việc tổ chức thi công thay đồng hồ nước do Bên B thực hiện, đảm bảo tiến độ kế hoạch.

4.1.3. Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước do Bên B thực hiện.

4.1.4. Thanh toán cho bên B theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

4.2.1. Tổ chức thi công đúng chất lượng, đúng thiết kế theo quy định, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

4.2.2. Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng quy định.

4.2.3. Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.

4.2.4. Đảm bảo việc tái lập mặt đường đúng theo quy định hiện hành.

4.2.5. Cùng với Bên A giải quyết trở ngại (nếu có).

4.2.6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng thống kê chi tiết việc thay đồng hồ nước (số lượng, kích cỡ, nguyên nhân thay,...) cho Bên A bằng tập tin.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA HAI BÊN

5.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

5.2. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo quy định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán thù lao theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

7.1. Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

7.2. Các công tác kiểm tra quyết toán hồ sơ, kiểm tra thực tế tại hiện trường và thanh toán liên quan đến hợp đồng này vẫn được tiếp tục thực hiện sau ngày **31** tháng **12** năm **2027**.

7.3. Hợp đồng này mặc nhiên chấm dứt hiệu lực và được coi là đã thanh lý khi các bên đã hoàn thành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Việc chấm dứt và thanh lý hợp đồng trong trường hợp này không yêu cầu lập Biên bản thanh lý hợp đồng riêng.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

8.1. Việc chấm dứt và thanh lý khi Bên B hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thay đồng hồ nước. Trước 30 (ba mươi) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng trao đổi ký kết hợp đồng mới nếu bên A tiếp tục có nhu cầu thay đồng hồ nước của bên B.

8.2. Trường hợp một trong hai Bên ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia biết trước 60 (sáu mươi) ngày bằng văn bản.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

9.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

9.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

9.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

9.5. Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

PHỤ LỤC 1

ĐƠN GIÁ THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC NĂM 2027

(Áp dụng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa)

STT	Danh mục	Đơn vị	Đơn giá	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Thay đồng hồ nước (ĐHN) 15mm:**			
1	Thay ĐHN 15mm không kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu	cái	1.036.541	Áp dụng đơn giá theo quyết định số 0245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025, về việc điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
2	**Thay ĐHN 15mm kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu trong BĐS:**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 0289/QĐ-TCT-KHĐT ngày 24/02/2025, về việc phê duyệt đơn giá công tác kết hợp nâng và thay ĐHN trong bất động sản bị âm sâu áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
2.1.	- Thay và Nâng ĐHN, sử dụng lại van góc LH 25mm x 3/4" và Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.537.491	
2.2.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4" và Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.869.371	
2.3.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc LH 25mm x 3/4" và sử dụng lại Van góc 3/4" x 25mm	cái	1.0715.431	
2.4.	- Thay và Nâng ĐHN, cấp mới Van góc 25mm x 3/4" và sử dụng lại Van góc LH 25mm x 3/4"	cái	1.691.431	
3	**Thay ĐHN thông minh 15mm:**			
3.1	**Thay ĐHN thông minh 15mm hiệu B.Meter**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 828/QĐ-TCT-KHĐT

3.1.1.	1.Trường hợp A	cái	3.470.463	ngày 22/04/2025, về việc phê duyệt đơn giá gắn mới và thay ĐHN thông minh 15mm và đơn giá TLMĐ áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
3.1.2.	2.Trường hợp B - Phui đường nhựa	cái	4.576.291	
3.1.3.	3.Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	cái	4.531.413	
3.1.4.	4. Trường hợp C - Phui đường nhựa	cái	4.481.600	
3.1.5.	5.Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	cái	4.436.722	
3.2	**Thay ĐHN thông minh 15mm hiệu GKMV30**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 1784/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/08/2025, về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá gắn mới và thay ĐHN thông minh 15mm áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
3.2.1.	1.Trường hợp A	cái	5.069.463	
3.2.2.	2.Trường hợp B - Phui đường nhựa	cái	6.175.291	
3.2.3.	3.Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	cái	6.130.413	
3.2.4.	4. Trường hợp C - Phui đường nhựa	cái	6.080.600	
3.2.5.	5.Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	cái	6.035.722	
4	**Thay ĐHN thông minh 15mm với các trường hợp ĐHN và bộ truyền tín hiệu bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài BĐS của khách hàng:**	bộ		Áp dụng đơn giá theo quyết định số 1542/QĐ-TCT-KHĐT ngày 09/07/2025, về việc phê duyệt đơn giá thay ĐHN thông minh 15mm bị hỏng, bị mất do lắp đặt bên ngoài bất động sản của khách hàng áp dụng cho Công ty CPCN Tân Hòa.
4.1	**ĐHN hiệu B.Meter**			
4.1.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	2.776.291	
4.1.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	994.291	
4.1.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	2.124.091	
4.2	**ĐHN hiệu P.T.P (KENT)**			
4.2.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	3.984.291	
4.2.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	1.016.691	
4.2.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	3.427.091	
4.2.4.	- Hỏng sim	bộ	427.091	
4.2.5.	- Hỏng ngàm nối thân đồng hồ và bộ đọc	bộ	442.091	

4.3	**ĐHNTM HIỆU SENSUS**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 2128/QĐ-TCT-KHĐT ngày 13/10/2023, về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh.
4.3.1.	- Hỏng nguyên bộ đồng hồ	bộ	2.857.645	
4.3.2.	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	1.422.645	
4.3.3.	- Hỏng bộ đọc phát và hỏng sim	bộ	1.757.848	
5	**Chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác Thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh DN25mm, DN40mm, DN50mm.**			Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 207/QĐ-TCT-KHĐT ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán chi phí bồi thường đồng hồ nước và bộ đọc số liệu thuộc công tác: "Thí điểm giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng bằng đồng hồ nước thông minh DN25mm, DN40mm, DN50mm".
5.1	**Đồng hồ nước thông minh DN25mm**			
5.1.1	**ĐHN hiệu B.Meter DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	8.192.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	3.772.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	4.762.931	
5.1.2	**ĐHN hiệu Kent DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	11.213.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	5.287.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	6.268.931	
5.1.3	**ĐHN hiệu Sensus DN25mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	9.397.431	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	6.362.431	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	3.377.931	

5.2	**Đồng hồ nước thông minh DN40mm**			
5.2.1	**ĐHN hiệu B.Meter DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	16.148.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	11.073.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	5.419.731	
5.2.2	**ĐHN hiệu Kent DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	20.933.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	13.868.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	7.409.731	
5.2.3	**ĐHN hiệu Sensus DN40mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	28.103.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	18.568.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	9.879.731	
5.3	**Đồng hồ nước thông minh DN50mm**			
5.3.1	**ĐHN hiệu B.Meter DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	17.848.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	12.388.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	5.804.731	
5.3.2	**ĐHN hiệu Kent DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	24.448.931	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	9.973.731	

	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	14.819.931	
5.3.3	**ĐHN hiệu Sensus DN50mm**			
	- Hỏng nguyên bộ ĐHNTM	bộ	28.603.731	
	- Hỏng buồng đo đồng hồ	bộ	19.068.731	
	- Hỏng bộ đọc truyền số liệu và hỏng sim	bộ	9.879.731	
B	**Thay đồng hồ nước 25mm**	cái	5.756.453	Áp dụng đơn giá theo quyết định số 0245/QĐ-TCT-KHĐT ngày 18/02/2025, về việc điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty CPCN Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn.
C	**Thay đồng hồ nước lớn hơn 25mm**	cái	**Thanh toán theo chi phí thực tế**	
D	**Kiểm định ĐHN điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm:**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 2799/QĐ-TCT-KHĐT ngày 16/12/2024, về việc phê duyệt đơn giá kiểm định lại ĐHN điện từ cỡ lớn khi hết hạn kiểm định 03 năm.
1.	- ĐHN điện từ DN50mm	trường hợp	1.376.188	
2.	- ĐHN điện từ DN100mm	trường hợp	3.035.955	
3.	- ĐHN điện từ DN150mm	trường hợp	4.328.301	
4.	- ĐHN điện từ DN200mm	trường hợp	5.160.807	
5.	- ĐHN điện từ DN250mm	trường hợp	6.277.190	
E	**Tủ tín hiệu**			Áp dụng đơn giá theo quyết định số 1214/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05/06/2025, về việc phê duyệt đơn giá mua sắm công tác: mua sắm tủ tín hiệu.
1.	- Tủ tín hiệu lắp đặt đứng + Kích thước tủ 400x300x400 mm + Kích thước trụ đỡ (150x150x550 mm)	cái	5.500.000	

2.	- Tủ tín hiệu treo + Kích thước tủ 400x300x400 mm	cái	1.200.000	
F	**Thiết bị datalogger**			Theo HĐ chuyển nhượng vật tư ngành nước số 1311/HĐ-TCT-KHĐT 10/3/2025
1.	Thiết bị ghi nhận dữ liệu Cello	Bộ	34.657.451	

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Phần mở đầu	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 003/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ___/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày ___tháng 04 năm 2026	*Chỉnh sửa phù hợp theo thời điểm được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026*
Điều 2.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3955 5840 – (028) 3855 8563 Fax: (028) 3955 7977	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (028) 3955 7877	*Sửa đổi, bổ sung thông tin địa giới hành chính phù hợp với việc sắp xếp chính quyền 2 cấp và thực tế theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Công ty.*
	4. Địa điểm kinh doanh của Công ty: - Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA** - Địa chỉ: 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam …	4. Địa điểm kinh doanh của Công ty: a. Địa điểm kinh doanh: 00001 - Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA** - Địa chỉ: 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam b. Địa điểm kinh doanh: 00002 - Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA – PHÒNG GIAO DỊCH** - Địa chỉ: 905 Âu Cơ,	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ...	
Điều 6	8. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 25%.		*Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 11/09/2025) đã chính thức **bãi bỏ** điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP "Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty".* *Do đó: đề nghị bãi bỏ khoản 8 Điều 6 Điều lệ hiện hành.* *Công ty sẽ thực hiện rà soát ngành nghề và thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 139 và Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP đúng trình tự pháp luật, đảm bảo tối ưu hóa quyền lợi của cổ đông và sự vận hành ổn định của Công ty và thực hiện Công bố thông tin theo quy định.*

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 54	***Dấu của doanh nghiệp***		
	3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	3. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người được ủy quyền hợp pháp được sử dụng con dấu của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công hoặc ủy quyền.	*Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Điều lệ hiện hành "Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số" do đó bổ sung các nội dung này để tránh rủi ro cho doanh nghiệp khi sử dụng **Chữ ký số (Token/HSM)***
	Chưa có	*4.* Việc sử dụng ***chữ ký số*** trong các giao dịch của Công ty có giá trị pháp lý tương đương với việc sử dụng dấu vật lý.	
	Chưa có	*5.* Người được giao quản lý và sử dụng con dấu (vật lý và ***chữ ký số)*** có trách nhiệm bảo mật, lưu trữ và sử dụng con dấu đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này. Mọi hành vi sử dụng con dấu sai thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.	
Các nội dung khác không được đề cập trong bảng đề nghị điều chỉnh này: giữ nguyên, không thay đổi.			

Trong Điều lệ này:

1. *Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi nội dung dự thảo Điều lệ được thông qua;*
2. *Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Điều lệ hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Điều lệ được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp;*

Tương tự, các điều chỉnh nhưng không thay đổi về nội dung Điều lệ (ví dụ: giải thích/bỏ giải thích bằng chữ các con số, ...) cũng không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THÁO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

(Sửa đổi, bổ sung lần V)

Tp. HCM, ngày __ tháng __ năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 6

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 7

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 8

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 8

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 9

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 9

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 9

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 9

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 10

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 10

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 10

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 11

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 11

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11

Điều 12. Quyền của cổ đông 11

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 13

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 17. Thay đổi các quyền 17

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ..19

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 21

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 32
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 34. Người điều hành Công ty 32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 33
Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc 34
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT 35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 35
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát 35
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát 36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 36
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát 37
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .38
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 38
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 38
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 39
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 39
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 39
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 40
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 40
Điều 47. Phân phối lợi nhuận 40
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 42

Điều 48. Tài khoản ngân hàng 42
Điều 49. Năm tài chính 42
Điều 50. Chế độ kế toán 42
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 42
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 42
Điều 52. Báo cáo thường niên 43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 53. Kiểm toán 43
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 43
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 43
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 43
Điều 55. Giải thể công ty 43
Điều 56. Thanh lý 44
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 44
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 44
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 45
Điều 58. Điều lệ công ty 45
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC 45
Điều 59. Ngày hiệu lực 45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ____/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày __ tháng __ năm 2026

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Công ty mẹ* là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty) do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ/QĐ-UBND ngày 24 tháng 05 năm 2005 và chuyển đổi theo Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; là doanh nghiệp có vốn góp trên 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng;

i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể:

Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

q) *Đại hội trực tuyến* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

r) *Đại hội truyền thống* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm q khoản này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **TAN HOA WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **TAN HOA WATER SUPPLY JSC**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3955 7877
- E-mail: capnuoctanhoa@capnuoctanhoa.com.vn
- Website: www.capnuoctanhoa.com.vn

4. Địa điểm kinh doanh của Công ty:

a. Địa điểm kinh doanh: 00001

- Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**
- Địa chỉ: 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

b. Địa điểm kinh doanh: 00002

- Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA – PHÒNG GIAO DỊCH**
- Địa chỉ: 905 Âu Cơ, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngoài ra, Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp khuyết chức danh Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty.

b) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

c) Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.

d) Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.

đ) Ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền.

e) Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của

Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời, những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

g) Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.

h) Các quyền khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a) Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất.

b) Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước.

c) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác

d) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình Cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu.

đ) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng.

e) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước.

g) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt, hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và các công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

h) Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

i) Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô, xe tải.

k) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ

các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;

b) Từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV.
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng/cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải bao gồm

các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách

cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước

khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan (nếu có).

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với vốn đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ và và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy

định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải

được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người

và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày liền trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế

mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và các phương thức quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và

hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì đán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điên tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết

của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường

hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% (tám mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng

quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị

công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này theo quy định;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Hội đồng quản trị quyết định các nội dung sau:

- Ban hành hoặc giao Giám đốc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Quyết định sau khi có ý kiến của Công ty mẹ các nội dung về người lao động: Định mức lao động, kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm của người lao động; hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới. Báo cáo Công ty mẹ sau khi ban hành và thực hiện;

- Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, mức lương và lợi ích khác đối với Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội

đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax,

phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty nhưng nên có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

4. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.

CHƯƠNG VIII.

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty gồm có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Bộ máy giúp việc. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Báo cáo với Hội động quản trị định kỳ hàng quý;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư;

j) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở

đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.

k) Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng, hàng năm, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty.

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Tổng Công ty. Tổng Công ty có thể giới thiệu bổ nhiệm Phó Giám đốc trong trường hợp luân chuyển cán bộ theo quy định về tổ chức, cán bộ. Phó Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 (hai) người. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp cần nhiều hơn 02 (hai) Phó Giám đốc, Hội đồng quản trị đề nghị Tổng Công ty xem xét, chấp thuận.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc. Kế toán trưởng có tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về Tài chính, Kế toán và pháp luật có liên quan. Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công của Công ty phù hợp với pháp luật về tài chính, kế toán và quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng – Đội, bộ phận chuyên môn – nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty đối với các doanh nghiệp khác.

Cơ cấu tổ chức của Bộ máy giúp việc Công ty do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

4. Chế độ lương, các khoản phụ cấp, tiền thưởng của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Thành viên Ban kiểm soát là người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm tại đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ

trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

2. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.

7. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản

trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

15. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

16. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

17. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

18. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và

đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản

lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty,

biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cụ thể:

a. Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và bù lỗ năm trước theo quy định pháp luật, sẽ được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định từng năm.

b. Thứ tự phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Lợi nhuận sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp được tiếp tục phân phối:(*)

• Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

• Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;

• Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

• Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý Công ty(**). Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

• Quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

• Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

** Theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 (các nội dung có liên quan đến Nghị định 140/2020/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).*

*** Thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 (các nội dung có liên quan đến khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).*

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI.
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII.
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người được ủy quyền hợp pháp được sử dụng con dấu của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công hoặc ủy quyền.

4. Việc sử dụng ***chữ ký số*** trong các giao dịch của Công ty có giá trị pháp lý tương đương với việc sử dụng dấu vật lý.

5. Người được giao quản lý và sử dụng con dấu (vật lý và ***chữ ký số***) có trách nhiệm bảo mật, lưu trữ và sử dụng con dấu đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này. Mọi hành vi sử dụng con dấu sai thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHƯƠNG XVIII.
GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ

khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa nhất trí thông qua ngày __ tháng 04 năm 2026 tại Nghị quyết số ____/NQ-TH-ĐHĐCĐ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Lê Trọng Thuần

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Số: /NQ-TH-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được tổ chức vào ngày 28/04/2026 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 *(tài liệu đính kèm).*

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 *(tài liệu đính kèm).*

3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 *(tài liệu đính kèm).*

4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán *(tài liệu đính kèm).*

5. Thống nhất phê duyệt chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt với mức phí kiểm toán là 75.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

➢ Giao Giám đốc Công ty ký Hợp đồng với công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

6. Thống nhất phê duyệt:

– Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 với tổng số tiền (chưa bao gồm thuế GTGT) là 121.090.803 đồng.

– Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026 với số tiền (chưa bao gồm thuế GTGT) là 241.500.000 đồng.

➢ Giao Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty cân đối thực hiện theo mức chi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

7. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2026	GHI CHÚ
A	**SẢN XUẤT- KINH DOANH**			
1	Nước tiêu thụ theo chuẩn thu sau xử lý	1.000m^3	53.700	
2	Doanh thu tiền nước theo chuẩn thu sau xử lý	Tr.đồng	677.694	
3	Giá bán bình quân theo chuẩn thu sau xử lý	Đồng/m^3	12.620	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	425	
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	30.788	
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	16	
7	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,50	
9	Tỷ lệ đồng hồ nước có hóa đơn 0m^3	%	4,79	
B	**TÀI CHÍNH**			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	213.406	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.518	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.834	
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	
5	Số vốn phân phối các quỹ	Triệu đồng	7.836	
6	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	52.783	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế TNDN trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,53	

➢ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2026 (nếu có) tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị; giao Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch được giao, đảm bảo kế hoạch tài chính và phấn đấu lợi nhuận thực hiện năm 2026 có sự tăng trưởng.

8. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	**Chia cổ tức** *(6,0% /mệnh giá cổ phiếu)*	28,75	2.998.800.000
2	**Trích lập các quỹ**		
-	Đầu tư phát triển	4,17	434.967.612
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	61,81	6.447.697.758
-	Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT	5,27	549.412.556

➢ Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo việc chi trả cổ tức, quỹ thưởng Ban Điều hành theo quy định.

9. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026, như sau:

a. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2025:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng / tháng)	Thời gian hưởng (tháng)
I - Thành viên Hội đồng				
1	Nguyễn Mười	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
2	Lê Trọng Thuần	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
3	Nguyễn Thanh Sử	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
4	Trần Thị Thanh Tâm	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
5	Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
6	Võ Nhật Trân	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
7	Lê Minh Châu	TV. Hội đồng	5.500.000	01/01/2025 - 24/04/2025
8	Trần Sĩ Nam	TV. Hội đồng	5.500.000	24/04/2025 - 31/12/2025
II - Kiểm soát viên				
1	Trần Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	4.000.000	01/01/2025 - 24/04/2025
2	Nguyễn Phương Anh	Kiểm soát viên	4.000.000	24/04/2025 - 31/12/2025
3	Trần Thị Châu Giang	Kiểm soát viên	4.000.000	01/01/2025 - 24/04/2025
4	Lê Hà	Kiểm soát viên	4.000.000	24/04/2025 - 31/12/2025

Các thành viên hưởng thù lao theo thời gian đương nhiệm. Tổng cộng thù lao chi trả cho Thành viên hội đồng trong năm 2025: 264.000.000 đồng và tổng cộng thù lao chi trả cho Kiểm soát viên trong năm 2025: 96.000.000 đồng.

b. Kế hoạch chi trả thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026: 456.000.000 đồng

+ Thành viên Hội đồng : 7.000.000 đồng/người/tháng.
+ Kiểm soát viên : 5.000.000 đồng/người/tháng.

c. Quỹ tiền lương thực hiện Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách Công ty năm 2025: 914.838.277 đồng và quỹ tiền lương thực hiện của Ban Điều hành năm 2025 là 2.021.637.060 đồng. Các thành viên hưởng tiền lương chức danh công việc theo thời gian đương nhiệm.

Trong đó:

+ Mức tiền lương Chủ tịch HĐQT : 51.950.110 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
+ Mức tiền lương Giám đốc : 46.739.513 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
+ Mức tiền lương PGĐ Kinh doanh : 41.270.527 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
+ Mức tiền lương PGĐ Kỹ thuật : 41.270.527 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
+ Mức tiền lương Trưởng BKS : 41.633.851 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)
+ Mức tiền lương Kế toán trưởng : 39.189.188 đồng (từ tháng 01/2025 – 12/2025)

d. Quỹ tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách Công ty năm 2026: 1.123.007.532 đồng và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban Điều hành năm 2026 là 2.021.637.060 đồng.

➢ Tiền lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty sẽ được chi theo Quy chế trả lương, trả thưởng đối với Người quản lý Công ty.

➢ Giao Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi Giám đốc thực hiện điều chỉnh các số liệu về việc chi trả chi trả tiền lương, thù lao thực hiện đối với Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Quỹ tiền lương thực hiện đối với Ban Điều hành năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo ý kiến thẩm định (nếu có) của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty mẹ).

10. Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, như sau:

10.1 Đối với Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2025*:*

Thông qua báo cáo về việc đã triển khai ký kết Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 320/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 13/01/2025, Bản thỏa thuận hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch ngày 16/01/2025 và Hợp đồng dịch vụ phân

phối nước sạch số 418/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với hệ số dịch vụ năm 2025 là **0,1914**. Tổng giá trị thực hiện của hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 418/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/01/2025 là 129.283.596.286 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)

10.2 Đối với Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2026*:*

Thông qua báo cáo và chấp thuận Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 763/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 20/01/2026, Bản thỏa thuận hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch ngày ngày 29/01/2026 và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 1112/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 29/01/2026 với hệ số dịch vụ năm 2026 là **0,2005.** Giao cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trong trường hợp điều chỉnh Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch trước khi Giám đốc triển khai ký kết các Phụ lục hợp đồng.

10.3 Đối với Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch năm 2027:

Thông qua dự thảo Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch, Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2027 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Chấp thuận giao cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch trước khi Giám đốc triển khai ký kết và thực hiện.

10.4 Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025

Thông qua báo cáo về việc đã triển khai ký kết Hợp đồng số 1463/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18/03/2025 về việc thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025, Phụ lục hợp đồng số 3734/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 19/06/2025, Phụ lục hợp đồng số 6224/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16/09/2025, Phụ lục hợp đồng số 8449/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với giá trị thực hiện là 44.365.961.548 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT), số liệu doanh thu thay đồng hồ nước theo báo cáo tài chính năm 2025 trước kiểm toán.

10.5 Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2026

Thông qua báo cáo và chấp thuận Hợp đồng số 2059/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 18/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với tổng số lượng đồng hồ là 30.804 cái (bao gồm 30.788 cái cỡ nhỏ và 16 cái cỡ lớn) theo đơn giá được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính trung thực và tính hợp pháp trong việc xây dựng số liệu thay đồng hồ nước đảm bảo tuân thủ quy định về niên hạn và các quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Công ty; đồng thời, đảm bảo việc triển khai, thực hiện không ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Giao Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng thay đồng hồ nước trước khi Giám đốc triển khai ký kết các Phụ lục hợp đồng.

10.6 Đối với Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2027:

Thông qua dự thảo hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2027 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính trung thực và tính hợp pháp trong việc xây dựng số liệu thay đồng hồ nước đảm bảo tuân thủ quy định về niên hạn và các quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Công ty. Giao Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hợp đồng, phụ lục hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ trước khi Giám đốc triển khai ký kết và thực hiện.

11. Thống nhất phê duyệt toàn văn dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần V) gồm 21 chương và 59 điều. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty đã ban hành ngày 03/06/2022.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành và các vấn đề liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/04/2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cổ đông;
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Hội đồng thành viên Tổng Công ty;
- Tổng giám đốc Tổng Công ty;
- Lưu.VT_HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN

Trần Thị Ngọc Luyến